ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ PHÚ LƯƠNG-BẮC THÁI

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG
1930 - 1954

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG
XUẤT BẢN 1996

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ PHÚ LƯƠNG-BẮC THÁI

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG
1930 - 1954

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG
XUẤT BẢN 1996

LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương tự hào về truyền thống yêu nước, đoàn kết, kiên cường chống giặc ngoại xâm, sáng tạo trong lao động, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam .

Từ khi có Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện, nhân dân huyện Phú Lương đã góp phần cùng nhân dân cả nước lập nên những chiến công oanh liệt trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Viết nên những trang lịch sử vẻ vang của cả dân tộc ta.

Phú Lương có người anh hùng dân tộc Dương Tự Minh-một vị tướng giỏi đời nhà Lý có công đánh giặc ngoại xâm. Nhân dân xây dựng đền thờ ông lưu truyền mãi mãi cho đời sau Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đầy hy sinh gian khổ, Phú Lương là khu căn cứ kháng chiến. Nhân dân đã đùm bọc , bảo vệ nhiều cơ quan Trung ương, Quân đội, Bệnh viện đóng trên địa bàn. Đại đoàn quân Tiên Phong - đơn vị chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập ở nơi đây. Phú Lương

có những bà mẹ Việt Nam Anh hùng, những Anh hùng lực lượng vũ trang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Phú Lương có những đơn vị anh hùng trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Thể theo nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, những đồng chí cán bộ cách mạng lão thành đã từng hoạt động ở Phú Lương. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Huyện ủy Phú Lương quyết định sưu tầm biên soạn cuốn ***Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương giai đoạn 1930-1954.***

Cuốn lịch sử của Đảng bộ là một tư liệu quý: Ghi lại một cách trung thực quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ huyện Phú Lương, sự cống hiến của đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cho sự nghiệp xây dựng Đảng và cách mạng giải phóng dân tộc đầy hy sinh gian khổ thời kỳ 1930-1954. Cuốn lịch sử nhằm tổng kết những bài học quý báu về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng bộ, là tư liệu để giáo dục thế hệ trẻ, đồng thời còn là nguồn thông tin tới các cơ quan, đơn vị, những cán bộ đã hoạt động ở Phú Lương nhớ về cội nguồn, động viên Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Lương xây dựng quê hương giàu mạnh.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, các đồng chí cán bộ cách mạng lão thành đã từng hoạt động ở Phú Lương đã góp công

sức sưu tầm biên soạn cuốn lịch sử này.

Tuy vậy, do sự sưu tầm tư liệu có nhiều khó khăn không tránh khỏi những thiếu sót. Ban thường vụ Huyện ủy Phú Lương rất mong được sự đóng góp ý kiến của cán bộ và nhân dân trong huyện và bạn đọc để cuốn lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương viết tiếp được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn lịch sử cùng bạn đọc.

ĐẢNG BỘ HUYỆN
PHÚ LƯƠNG - BẮC THÁI

Bí thư
ĐOÀN ĐÌNH THẾ

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

HUYỆN PHÚ LƯƠNG TRONG LỊCH SỬ

Vào đời nhà Lý, Phú Lương là một phủ rộng lớn (bao gồm phần đất tỉnh Bắc Thái và Cao Bằng ngày nay).

Thời thuộc Minh (1407 - 1427), Phú Lương được đổi thành huyện thuộc phủ Thái Nguyên, nhưng từ thời Lê đến đầu đời Nguyễn Gia Long lại thuộc phủ Phú Bình, do phiên thần họ Ma nối đời cai trị. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1836), triều Nguyễn cắt Phú Lương về phủ Tòng Hóa, gồm 6 tổng, 20 xã trang, phường. Đến năm Tự Đức thứ 4 (1851), triều Nguyễn bổ chức tri huyện Phú Lương. Từ đó vùng đất này thuộc quyền cai quản của tri huyện Đại Từ.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, Phú Lương trở thành một châu của tỉnh Thái Nguyên, gồm 7 tổng [1], 20 xã. Theo các nghị định của toàn quyền Đông Dương (20-8-1891; 24-8-1891 và 9-9-1891), tỉnh Thái Nguyên bị cắt và chia thành hai phần, phủ Tòng Hóa (gồm 3 huyện: Đại Từ, Phú Lương , Văn Lãng và châu Định Hóa). Phủ Phú Bình nhập với một số địa hạt khác thuộc tỉnh Lục Nam

---

(1) Quán Triều, Cổ Lũng, Tức Tranh, Động Đạt, Phủ Lý, Yên Đổ và Yên Trạch.

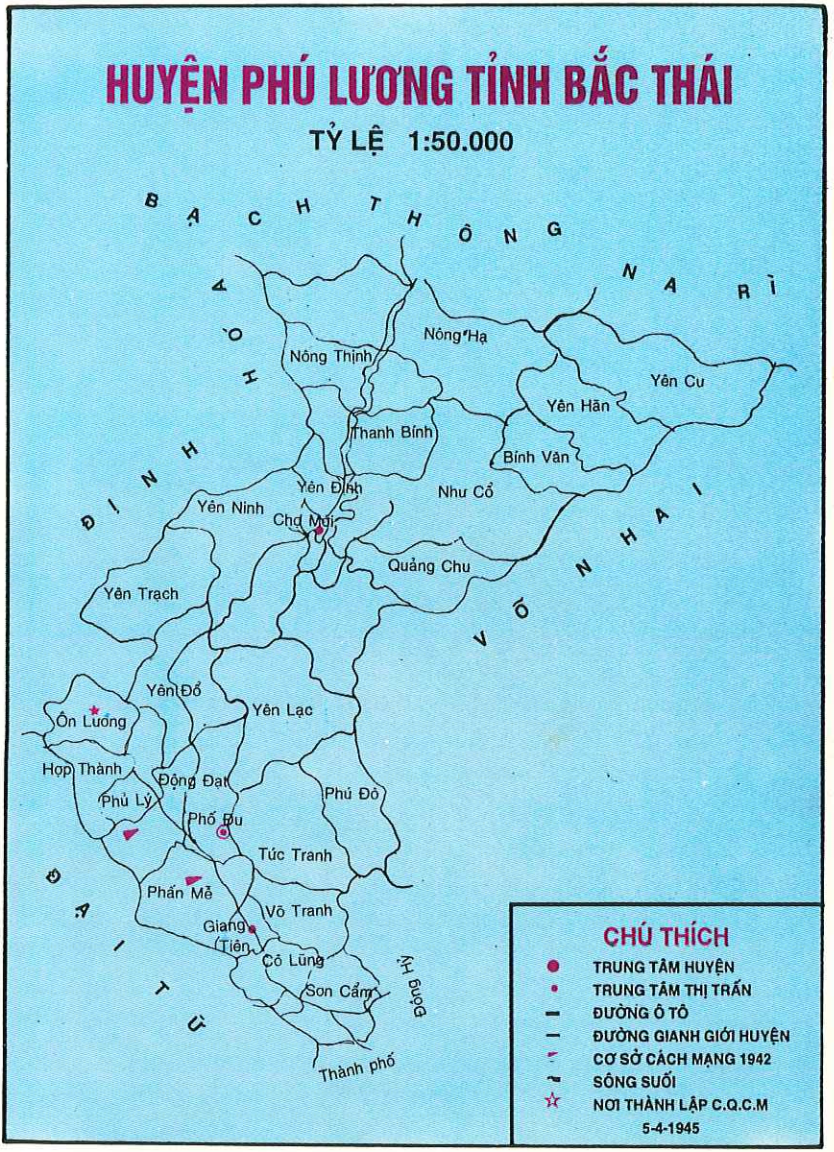

Bản đồ huyện Phú Lương, Bắc Thái

và tỉnh Bắc Ninh, lập thành khu quân sự Thái Nguyên, thuộc đạo quân sự thứ nhất.

Theo nghị định của toàn quyền Đông Dương (10-10-1892 và 15-10-1892) tỉnh Thái Nguyên được tách khỏi các đạo quân sự; và kể từ ngày 1-11-1892 lại được lập lại như cũ và đặt dưới quyền của viên công sứ như các tỉnh đồng bằng. Tỉnh Thái Nguyên mới được lập lại gồm 3 phủ, 8 huyện, 2 châu. Phú Lương là một trong ba huyện thuộc phủ Tòng Hóa

Ngày 25-09-1901, theo nghị định của toàn quyền Đông Dương, tổng Yên Đĩnh được rút khỏi huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên) để nhập vào châu Bạch Thông (Bắc Cạn).

Sau Cách mạng tháng Tám, một số xã nhỏ được sát nhập lại, Phú Lương chỉ còn 12 xã. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và sau khi hòa bình được lập lại (1954), một số xã lớn lại được chia ra [1]. Vì thế, vào thời gian này Phú Lương có 14 xã.

Sau khi Bắc Cạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái (1965), đến năm 1967, 10 xã thuộc huyện Bạch

---

(1) Xã Tân Phú được chia thành xã Tức Tranh, Phú Đô. Xã Tam Hợp chia thành 3 xã: Phú Lý, Hợp Thành và Ôn Lương.

Thông được sát nhập vào huyện Phú Lương [1]. Đến nay Phú Lương bao gồm 23 xã và 3 thị trấn với tổng số diện tích tự nhiên là 65.695 ha, trong đó có 10.121 ha đất gieo trồng.

Phú Lương là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Thái, phía bắc giáp huyện Bạch Thông, phía đông giáp huyện Võ Nhai, phía nam và đông nam giáp thành phố Thái Nguyên, phía tây nam giáp huyện Đại Từ, phía tây giáp huyện Định Hoá.

Địa hình Phú Lương chia thành hai vùng rõ rệt: Các xã phía bắc thuộc vùng núi, có địa hình phức tạp, đi lại gặp nhiều khó khăn, thảm thực vật dầy, tán che phủ cao, phần nhiều là rừng xanh quanh năm. Các xã phía nam huyện thuộc địa hình vùng núi thấp và đồi. Vùng này mang tính chất điển hình của vùng trung du nhiều đồi ít ruộng, từ bắc xuống nam độ cao giảm dần.

Với loại đất chủ yếu là Fe-ra-lít vàng đỏ trên phiến thạch sét và Fe-ra-lít màu vàng nhạt trên đá cát, Phú Lương có nhiều khả năng phát triển lâm nghiệp và trồng các loại cây công nghiệp, chủ yếu là chè và cà phê. Chè

---

(1) 10 xã đó là: Nông Hạ, Nông Thịnh, Thanh Bình, Chợ Mới, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư.

Phú Lương có hương vị thơm ngon không kém gì chè Tân Cương, thể hiện trình độ khá cao về kỹ thuật chế biến của người dân trong vùng. Phú Lương có khá nhiều sông, suối. Sông Đu và sông Định Hóa là hai con sông chính, đi qua địa phận nhiều xã trong huyện. Những dòng sông khác đều là chi lưu của hai con sông này. Con sông lớn nhất là sông Cầu, phát nguồn từ xã Bằng Phúc (Chợ Đồn), chảy qua huyện Bạch Thông, men theo chân các dãy núi, đồi, đổ về địa phận huyện Phú Lương, sang Võ Nhai rồi vòng xuống theo hướng tây bắc - đông nam, hệ thống sông, suối đó là nguồn nước rất quan trọng đối với sinh hoạt và công tác của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Việc giao thông, vận chuyển từ trước tới nay chủ yếu bằng đường bộ. Đường số 3 chạy dài suốt theo chiều dọc của huyện, lên phía bắc đến tận Bắc Cạn, Cao Bằng, xuống phía nam về Thái Nguyên, đến tận Hà Nội. Ngoài trục đường chính này là hệ thống đường liên xã, phần lớn là đường mòn.

Từ thời xưa, Phú Lương là một vùng rất giàu tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản. Trên các đồi, rừng, có nhiều loại tre, nứa, song, mây, cỏ, tranh, lá cọ, sa nhân và các loại gỗ quý như lim, sến, táu, đinh... Nhiều loại chim, thú hiếm như hươu, nai, gấu, chim công... cũng sẵn có ở Phú Lương .

Nhưng cùng với thời gian, trải qua bao đời, rừng cây đã

bị phá trụi, những sản vật quý hiếm ấy cũng khan hiếm dần. Trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước: phong trào trồng cây, gây rừng đã và đang được duy trì, mở rộng, nhờ đó môi trường sinh thái được bảo vệ.

Trong lòng đất có nhiều mỏ quý, nổi tiếng là than đá. Than Phấn Mễ "rất giàu chất bay hơi, có giá trị cao trên thị trường Đông Dương, trung bình có 2.000 tấn được xuất ra ngoài tỉnh mỗi tháng " [1]. Từ năm 1905, thực dân Pháp đã tiến hành việc thăm dò và sau đó không bao lâu, chúng khai thác một cách ồ ạt. Đây là mỏ duy nhất trong tỉnh Thái Nguyên "đã cưỡng lại được với cuộc khủng hoảng kinh tế" [2].

Trước Cách mạng tháng Tám, dân số trong huyện Phú Lương chưa tới 10.000 người; hiện nay có gần 110.000 người[3], thuộc trên sáu dân tộc anh em: Kinh (58.178 người), Tày (26.922 người), Cao Lan - Sán Chí (8.644 người), Dao (4.337 người), Nùng (4.184 người), Sán Dìu (3.536 người)... Cư dân ở đây gồm nhiều bộ phận hợp thành. Một bộ phận vốn là dân bản địa có mặt từ lâu đời. Một bộ phận là dân phu được tuyển mộ vào làm thuê cho bọn chủ tư bản Pháp

---

(1), (2) Esina (Echinaro): Tiểu chí Thái Nguyên.

(3) Theo số liệu điều tra dân số 01 - 04 - 1989 là 107.390 người.

trong các đồn điền và hầm mỏ. Một bộ phận khác vốn là đồng bào ở các tỉnh miền xuôi phiêu bạt, di cư lên khai phá đồi nương, mở rộng làng bản, sinh cơ lập nghiệp.

Mỗi dân tộc đều có những sắc thái riêng về phong tục tập quán. Mặc dù vậy, đồng bào không sống biệt lập mà thường xen kẽ trong cùng một chòm xóm. Là bà con láng giềng sớm tối có nhau, nên người dân trong vùng thường cưu mang lẫn nhau, đối xử với nhau có tình có nghĩa. Câu tục ngữ người Tày: "Pì noọng tam tó, bó tày pì noọng só rườn", cũng như câu tục ngữ người Kinh: "Bán anh em xa mua láng giềng gần" đã nói lên sự gắn bó bên nhau giữa các gia đình trong cùng một làng bản. Sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau không phải chỉ thể hiện trong đời sống hàng ngày (các dịp ma chay, cưới xin, làm nhà...) mà cả trong sản xuất. Mối quan hệ đoàn kết keo sơn giữa đồng bào ngày càng được phát huy mạnh mẽ qua các thế hệ và trở thành một truyền thống hết sức quý báu.

Trong quá trình lao động sản xuất và chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc Phú Lương luôn thể hiện đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo. Họ đã tự chế tạo được các loại cung, nỏ, súng kíp.. để săn bắn thú rừng, tự rèn đúc các loại dao, cuốc... làm đồ dùng sinh hoạt và sản xuất. Từ xưa, người dân Phú Lương đã biết tự

dệt lấy vải mặc, biết làm cọn nước và đào đáp mương, phai để dẫn nước vào ruộng.

Ngoài kỹ thuật làm ruộng nước, đồng bào các dân tộc Phú Lương rất thạo làm nương, làm rẫy. Nhờ kinh nghiệm tích lũy lâu năm, nên đồng bào dễ dàng chọn rừng, đất làm rẫy trồng lúa, ngô. Hàng năm, khi tiết cốc vũ, thanh minh vừa tới, các gia đình bắt đầu khởi công phát rẫy, cho đến tháng tư đầu tháng năm âm lịch, rẫy được đốt dọn, vừa kịp đón những trận mưa rào làm ẩm, mềm đất và bắt đầu công việc trồng trỉa.

Trong kỹ thuật canh tác, người dân Phú Lương từ lâu đã biết trồng luân canh, xen canh gối vụ. Đồng bào đã biết chọn và gìn giữ được những giống lúa tám thơm ngon nổi tiếng. Câu ca "Cơm làng Giá, cá làng Đu..." từ thời xưa đã nói lên điều đó.

Bên cạnh văn hóa vật chất, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã góp phần xây dựng, gìn giữ và phát triển nền văn hóa tinh thần vô cùng phong phú của các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Những điệu hát lượn của người Tày, hát sli của người Nùng, những làn"Sình ca" của người Cao Lan - Sán Chí... cùng các loại truyện kể lưu truyền trong đồng bào các dân tộc, đều là những tài sản tinh thần quý giá, chứa đựng những yếu tố tích cực lành mạnh. Nó thể hiện tư tưởng, tình cảm trong sáng,

ước mơ cao đẹp của quần chúng lao động.

Cùng với việc chế ngự thiên nhiên, bảo vệ và phát triển mùa màng, với lòng yêu nước nồng nàn, thiết tha với độc lập tự do và thống nhất tổ quốc, nhân dân các dân tộc Phú Lương, ngay từ buổi đầu dựng nước đã đoàn kết chặt chẽ với đồng bào cả nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm và các thế lực phong kiến cát cứ.

Vào thế kỷ thứ XI, đứng trước âm mưu và hành động xâm lược của nhà Tống, cùng với các địa phương miền núi phía Bắc, nhân dân các phủ Phú Lương hăng hái xung vào đội quân của Lý Thường Kiệt. Bằng nhiều hình thức và mức độ khác nhau, nhân dân Phú Lương tích cực tham gia vào cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống, góp phần xứng đáng vào chiến công chung của dân tộc. Tiêu biểu cho sự đóng góp to lớn của nhân dân các dân tộc Phú Lương trong thời gian đó là Dương Tự Minh.

Dương Tự Minh là người dân tộc Tày, quê ở Quán Triều[1], thuộc phủ Phú Lương. Dưới triều vua Lý Nhân Tông (1072 - 1128), Dương Tự Minh được triều đình phong cho làm thủ lĩnh phủ Phú Lương. Vốn có đức độ, thanh liêm, ông được dân trong phủ yêu mến kính phục. Ông thường che chở, bênh vực cho những người nghèo khó. Suốt thời gian ông cai quản, nhân dân phủ Phú Lương sống trong

(1) Nay thuộc thành phố Thái Nguyên.

cảnh thanh bình thịnh vượng. Trong 30 năm cai quản phủ Phú Lương, Dương Tự Minh đã xây dựng tại địa hạt của mình một đội dân binh hùng mạnh. Các hoàng nam đều có nghĩa vụ phục vụ quân đội theo chế độ "ngụ binh ư nông", luân phiên đi lính rồi luân phiên trở về cày ruộng. Ông đã xây dựng lực lượng vũ trang phủ Phú Lương thành lực lượng tiên phong chủ lực lên đường làm nhiệm vụ cứu nước.

Những chiến công xuất sắc của Dương Tự Minh tại Thông Nông và Quảng Nguyên đã góp phần cùng với các chiến thắng trước đó của Lý Thường Kiệt, đập tan ý chí xâm lược của triều đại phong kiến Tống đối với nước Đại Việt. Trong vòng hơn một trăm năm sau đó, nhà Tống không dám xâm phạm bờ cõi nước ta và đến năm 1164, phải công nhận Đại Việt là một vương quốc độc lập.

Sau khi rời khỏi chức thủ lĩnh phủ Phú Lương, Dương Tự Minh trở về Điểm Son và mất ở đấy. Để tưởng nhớ ơn đức người anh hùng dân tộc đã có công đánh giặc cứu nước, nhân dân địa phương lập đền thờ ông tại chân núi Đuổm.

Năm 1226, nhà Trần lên thay nhà Lý, mở ra một thời kỳ phát triển mới của xã hội nước ta. Dưới thời Trần Thái Tông (1226 - 1256) và Trần Nhân Tông (1279 - 1293), dân tộc ta đã ba lần kháng chiến đánh bại cuộc

chiến tranh xâm lược của quân Mông Nguyên. Trong cả ba lần kháng chiến thắng lợi ấy, nhân dân các dân tộc phủ Phú Lương đã góp một phần rất đáng kể.

Vào cuối thế kỷ XIV, nhà Trần suy vong, đất nước ta ở trong tình trạng rối ren, phức tạp. Hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, đói kém.. liên tiếp xảy ra, gây nên những hậu quả bi thảm cho đời sống của nhân dân, các cuộc khởi nghĩa của nông dân bùng nổ. Lợi dụng tình hình ấy, nhà Hồ chiếm đoạt ngôi vua và trị vì đất nước trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn về các mặt kinh tế - xã hội. Đó chính là một nguyên nhân chủ yếu khiến cho nhà Hồ không đủ sức tập hợp quần chúng nhân dân, phát động cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, dẫn đến tình trạng đất nước rơi vào tay quân xâm lược Minh.

Trong 20 năm thống trị đất nước ta, giặc Minh đã gây ra bao cảnh đau thương tang tóc. Đi tới đâu chúng cũng đều cướp phá, chém giết tàn bạo.

Không cam chịu sống cuộc đời nô lệ, nhân dân ta ở các địa phương đều nổi dậy khởi nghĩa. Đầu năm 1408, dưới ngọn cờ nghĩa của Trần Nguyên Khang và Nguyễn Đa Bí, nhân dân trong vùng nổi dậy chống lại giặc Minh.

Trong những năm tiếp theo, phong trào đấu tranh của nhân dân ta tiếp tục phát triển, nổi bật là những hoạt động của nghĩa quân "áo đỏ". Từ Thái Nguyên, phạm vi hoạt

động của nghĩa quân lan rộng ra các vùng xung quanh, bao gồm toàn bộ vùng rừng núi Việt Bắc, Tây Bắc, xuống đến vùng rừng núi Thanh Hóa, Nghệ An, gây cho địch nhiều tổn thất.

Sau khi quân xâm lược Minh bị nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đánh bại, đất nước ta được giải phóng và bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Nhưng từ đầu thế kỷ XVI, triều đình nhà Lê suy yếu, nạn cát cứ và tranh chấp giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra gay gắt. Tập đoàn phong kiến do Mạc Đăng Dung cầm đầu thắng thế, gây sức ép phế truất triều Lê, lập ra triều Mạc.

Giữa thế kỷ XVI, đất nước ta bị chia cắt làm hai miền: Từ Thanh Hóa trở ra thuộc họ Mạc (Bắc triều); từ Thanh Hóa trở vào thuộc họ Trịnh (Nam triều) Cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Mạc kéo dài trên nửa thế kỷ, gây ra bao điều khổ nhục cho dân chúng. Thái Nguyên lúc đó là một trong những nơi trở thành bãi chiến trường, nên cuộc sống của nhân dân càng cực khổ hơn.

Do đi ngược lại với nguyện vọng của nhân dân, không được nhân dân ủng hộ, nhà Mạc đã bị nhà Trịnh đánh bại.

Bước vào thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến đàng ngoài khủng hoảng nghiêm trọng. Khởi nghĩa nông dân liên tiếp diễn ra. Sang thế kỷ XIX, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc. Phong trào khởi nghĩa nông dân tiếp tục phát triển.

Đặc biệt vào năm 1833, cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân bùng nổ trên quy mô lớn, bao gồm hầu hết các tỉnh Việt Bắc và được đông đảo đồng bào các dân tộc tham gia.

Sự phát triển của phong trào khởi nghĩa nông dân trong thế kỷ XVIII-XIX là một trong những biểu hiện khủng hoảng suy yếu của chế độ phong kiến Việt Nam. Vương triều Nguyễn lúc này không đủ sức đoàn kết toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Đất nước ta mất vào tay thực dân Pháp.

CHƯƠNG I

PHÚ LƯƠNG TRONG THỜI KỲ THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐẾN KHI XUẤT HIỆN CÁC TỔ CHỨC CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN (1889-1942)

I. PHÚ LƯƠNG DƯỚI ÁCH CAI TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP

Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng và đặt bộ máy cai trị ở các tỉnh thuộc Nam Bộ, Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ, thực dân Pháp bắt đầu đem quân đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc.

Ngày 19-03-1884, quân Pháp từ Bắc Ninh tràn sang đánh chiếm thành Thái Nguyên. Sau khi chiếm được thị xã Thái Nguyên, thực dân Pháp lấy nơi này làm bàn đạp, mở các cuộc tiến công lên một số huyện miền núi.

Nằm trên con đường giao thông huyết mạch từ Thái Nguyên đi Cao Bằng, lại kề sát thị xã Thái Nguyên, ngay từ đầu, Phú Lương là một địa bàn quan trọng thu hút sự chú ý của bọn thực dân.

Vào những năm 1888-1889, tướng Boóc - nhi - đê - boóc (bergnis débordes) nắm quyền binh trong tỉnh và chỉ huy các cuộc hành quân đánh chiếm Chợ Mới. Bọn thực dân đã gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của nhân dân địa phương. Dưới sự chỉ huy của Phùng Bá Chỉ (tức Bá Kỳ),

Di tích lịch sử thời Lý

nhân dân Phú Lương cùng với các châu, huyện phía bác đoàn kết chiến đấu, chống quân xâm lược Pháp, tiêu biểu là trận Chợ Mới.

Ngày 17-1-1889, thực dân Pháp đưa một đạo quân lớn gồm 924 tên (không kể 1200 dân phu bị bắt đi vận chuyển lương thực, vũ khí), có pháo binh yểm trợ, tấn công Chợ Mới. Dựa vào địa hình hiểm trở, quân và dân ta tổ chức lực lượng, kiên quyết đánh trả. Cuộc chiến đấu diễn ra từ sáng sớm đến chiều tối, ngăn cản được bước tiến của quân xâm lược. Nhưng do thiếu vũ khí, đạn dược, quân ta phải thiêu hủy căn cứ và rút lui. Kết quả trong trận này, quân và dân ta tiêu diệt gần 100 lính địch cùng với hàng chục sĩ quan và hạ sĩ quan, làm cho "Chính phủ Pháp lo láng trước những tổn thất lớn" (1).

Sau trận Chợ Mới, nhân dân Phú Lương lại tập hợp dưới ngọn cờ của Mã Sình Long (tức Mã Mang). Nghĩa quân tổ chức đánh địch nhiều trận, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngày 10-01-1897, nghĩa quân phục kích một đoàn vận tải của địch từ thị xã Thái Nguyên ngược sông Cầu lên Chợ Mới, thu toàn bộ vũ khí và hàng hóa. Trong nửa đầu năm 1897, lực lượng nghĩa quân phát triển tới 300 người, liên tục đánh địch ở phía bắc thị trấn Chợ Mới, trong huyện lỵ Phú Lương và phía nam Giang Tiên.

(1) Echinard (Esina): Tiểu chí Thái Nguyên.

Trong khi đó, phong trào nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo vẫn tiếp diễn và lan rộng làm cho thực dân Pháp hết sức hoảng sợ. Các nơi : Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ ... đều có nghĩa quân Yên Thế hoạt động, nhân dân các dân tộc trong vùng tích cực tham gia ủng hộ nghĩa quân.

Ở vùng phía bắc huyện, quân và dân ta vẫn tiếp tục hoạt động quấy rối, chặn đánh từng toán nhỏ của địch. Chính kẻ định phải thú nhận :"Bá Kỳ vẫn gây cho chúng ta những lo ngại"(1)

Tuy nhiên, do tương quan lực lượng chênh lệch, lại thiếu hẳn sự tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất trong cả nước, cho nên cuộc chiến đấu của quân và dân ta thất bại. Thực dân Pháp vẫn chiếm đóng được Phú Lương và các nơi khác.

Nhằm ngăn chặn và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta, ngay sau khi đánh chiếm Phú Lương, thực dân Pháp xây dựng một hệ thống đồn bốt cùng với việc tăng cường lực lượng vũ trang phản cách mạng. Năm 1889, chúng lập đồn Chợ Mới, do một đơn vị lính khố đỏ chốt giữ, đến năm 1892 được thay thế bằng đơn vị lính khố xanh. Năm 1894, thực dân Pháp lập một đồn tại Đu, do một đơn vị lính khố xanh chiếm giữ. Một năm sau (1895)

(1) Echinard (Esina): Tiểu chí Thái Nguyên.

chúng đặt đồn Giang Tiên, cũng do một đơn vị lính khố xanh chiếm đóng [1].

Tại Phấn Mễ vào năm 1925, thực dân Pháp đặt một bốt cảnh sát có 30 lính. Ngoài ra, tại Phú Lương còn có 110 lính dõng.

Cùng với việc lập bốt, xây đồn và tăng cường lực lượng quân sự, thực dân Pháp thiết lập bộ máy chính quyền tay sai, do một viên tri châu đứng đầu. Dưới quyền tri châu có lục sự, thừa phái, nho và một tiểu đội lính cơ do một cai cơ phụ trách.

Ở các tổng có chánh tổng, phó chánh tổng, tổng đoàn, phó tổng đoàn, ở các xã có lý trưởng, phó lý trưởng, xã đoàn, dõng, hội đồng kỳ mục. Trong các đồn điền và hầm mỏ, chúng tổ chức một bộ máy cai trị riêng, đứng đầu là chủ đồn điền hay chủ mỏ. Dưới quyền của chủ đồn điền là các quản điền, cai, ký và đốc công.

Dựa vào quyền lực, bọn thực dân và quan lại địa phương ra sức cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, trại ấp. Đồn điền Lagô (còn gọi là đồn điền Na) có trên 300 ha, chiếm hầu hết ruộng đất thuộc phạm vi các xã Động Đạt, Yên Lạc, Phấn Mễ, Vô Tranh. Tính đến ngày 30-05-1938, theo thống kê tình hình doanh điền của Pháp,

---

(1) Đến năm 1902 thực dân Pháp bỏ đồn này.

diện tích đồn điền này lên tới 1290 ha, trong đó có 50 ha trồng lúa, 100 ha trồng cà phê và chè, số còn lại là đồng cỏ để chăn nuôi.

Một số địa chủ người Việt chiếm khá nhiều ruộng đất để lập trại ấp trên con đường từ Phấn Mễ vào Hích, hoặc lập đồn điền ở các xã: Vô Tranh, Sơn Cẩm, Yên Đổ... để khống chế nông dân và cướp đoạt ruộng đất của họ, bọn địa chủ thường dùng thủ đoạn lấn dần và cho vay nặng lãi. Vì nợ chồng chất không sao trả được, người nông dân nghèo phải gán ruộng cho chủ nợ.

Dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, nhân dân các dân tộc Phú Lương phải sống cuộc đời tủi nhục. Bọn đế quốc và phong kiến tay sai cấu kết chặt chẽ với nhau, vừa tăng cường đàn áp các phong trào yêu nước, vừa ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân ta.

Cùng với các thủ đoạn nhằm cướp bóc của cải, vơ vét tài nguyên khoáng sản, thực dân Pháp đặt ra nhiều thứ thuế vô lý, bất công. Thuế đinh (còn gọi là thuế thân) là thứ thuế vô nhân đạo, đánh vào đầu người đàn ông từ 18 tuổi trở lên. Chính quyền thực dân chia loại thuế này theo nhiều hạng, tùy theo số ruộng đất. Những người có từ một mẫu ruộng trở lên phải nộp 3đ00, 5đ00, 10đ00. Người ít ruộng nhất cũng phải đóng 2đ50.

Bên cạnh thuế đinh là thuế điền, loại thuế này đánh vào

ruộng đất theo ba hạng: nhất đẳng điền, nhị đẳng điền, tam đẳng điền. Mỗi hạng phải nộp một mức thuế khác nhau, nhưng nhiều nơi bọn lý trưởng, phó lý thường tìm mọi thủ đoạn xảo quyệt để bòn rút, kiếm chác. Thủ đoạn phổ biến mà chúng thường sử dụng là nâng hạng ruộng: "nhất tam quy nhị, tam quy bổ nhất" (nghĩa là: nếu ruộng loại 1 và loại 3 nhiều thì gộp lại tính theo ruộng loại 2, ai có ruộng loại 3 ít thì tính thuế theo ruộng loại 1).

Ngoài ra người dân Phú Lương còn phải nộp các loại thuế môn bài, thuế trâu bò, thuế gà vịt, đồng thời phải chịu gánh nặng phu phen tạp dịch. Mỗi lần như thế là một lần đẩy nhân dân lao động vào cảnh bần cùng, cơ cực. Ngược lại bọn thống trị có dịp vơ vét, làm giàu. Chỉ tính riêng năm 1932, với số dân là 7050 người (trong đó có 1823 xuất đinh), huyện Phú Lương phải nộp cho chính quyền thực dân phong kiến 5.241 đ 12 tiền thuế thân (trung bình mỗi xuất đinh phải nộp 2đ87); 7.305đ78 thuế điền thổ; 219đ32 thuế môn bài và 33đ25 các khoản khác [1]. Như vậy trung bình hàng năm mỗi người dân Phú Lương phải nộp cho bọn thống trị 1đ81 [2].

Bên cạnh các thứ thuế vô lý và nặng nề, nhân dân Phú Lương phải chịu tô, tức rất cao. Những người không có

---

(1) Echinard (Esina): Tiểu chí Thái Nguyên.

(2) Theo thời giá lúc đó : 3đ 20/tạ thóc.

ruộng phải nhận ruộng phát canh về cày cấy. Đến ngày thu hoạch sản phẩm phải chia đôi nộp tô cho chủ ruộng. Nhiều khi thóc gặt về không đủ nộp tô cho chủ đành phải đi vay. Vay một phải trả gấp đôi. Nhiều người phải bán lúa non, thậm chí gán cả vợ, con đi ở không công cho chủ ruộng để trừ nợ. Những nông dân nghèo hầu hết không có trâu cày. Hoàn cảnh đó buộc họ phải đi thuê trâu của nhà giàu với giá từ 150 đến 200 kg thóc một năm.

Trong các khu vực trồng cà phê hoặc chăn nuôi ở các đồn điền, người dân phu phải làm việc quần quật suốt ngày nhưng chỉ được hưởng đồng lương rất rẻ mạt. Mỗi ngày đàn ông chỉ được nhận 0đ18 đến 0đ23 tiền công, đàn bà và trẻ em chỉ được 0đ08 đến 0đ10.

Ở các khu vực trồng lúa, người tá điền lĩnh ruộng và trâu bò của chủ để cày cấy. Đến ngày thu hoạch họ phải nộp 1 phần 3 sản phẩm, 120 kg đến 150 kg thóc tô trâu bò. Vì vậy sau vụ thu hoạch người tá điền không còn thóc ăn.

Vào những dịp lễ, tết, cúng giỗ... không kể nông dân, tá điền trong đồn điền Na, những người nông dân nghèo khổ cũng phải mang lễ vật đến, hoặc phải làm việc không công cho chủ.

Ngoài việc chiếm ruộng đất của nông dân, bọn thực dân còn cướp đoạt hầm mỏ để vơ vét nguồn tài nguyên khoáng

sản trong lòng đất. Từ năm 1905, thực dân Pháp đưa 9 công nhân đến mỏ than Làng Cẩm đào lò để thăm dò và sau đó chúng khai thác.

Đến năm 1908, chúng kết luận đây là mỏ than cốc có giá trị cao trên thị trường Đông Dương. Từ đó trở đi chúng tăng cường mộ phu để khai thác. Có năm bọn chủ mỏ tuyển mộ tới 2000 công nhân, nhưng thực tế chỉ có từ 200 đến 300 công nhân có việc làm. Đây là một thủ đoạn xảo quyệt của bọn chủ mỏ nhằm tăng cường bóc lột sức lao động của công nhân. Bằng cách tạo ra một lớp công nhân "dư thừa", chúng mặc sức tăng thêm giờ làm và giảm tiền công đối với những người đang có việc làm.

Tại các mỏ, công nhân phải làm việc trong điều kiện đặc biệt gian khổ, không một phương tiện bảo hiểm, thời gian làm việc trong ngày thường kéo dài từ 10 đến 12 giờ, nhưng lại nhận đồng lương chết đói. Những người thợ được trả công cao nhất cũng chỉ từ 0đ40 đến 0đ50 một ngày, trung bình từ 0đ20 đến 0đ22. Nữ công nhân lại càng khổ hơn và phải chịu bao nỗi nhục nhã. Cùng làm một công việc nặng nhọc như đàn ông, nữ công nhân chỉ được trả công mỗi ngày từ 0đ08 đến 0đ20. Ngoài ra họ còn bị bọn chủ và cai chọc ghẹo, hãm hiếp bất kỳ lúc nào, việc cúp lương, đánh đập, sa thải công nhân là những hiện tượng thường xuyên xảy ra. Riêng tại mỏ than Phấn Mễ trong

năm 1924, số công nhân lên tới trên 2000 người. Những năm sau do khủng hoảng kinh tế xảy ra, bọn chủ mỏ sa thải 1650 người. Số người còn có việc làm phải chịu đồng lương vô cùng rẻ mạt không đủ nuôi sống bản thân. Đã thế công nhân mỏ phải ăn gạo "ngũ" - một thứ gạo của bọn đốc công, vợ con cai, ký mua giá 0đ05/kg và bán lại cho thợ với giá đắt gấp 1,5 đến 2 lần. Họ còn bị chúng bớt xén và chịu nhiều thứ phạt vạ vô lý khác.

Do bị bóc lột đến tận xương tủy, nhân dân lao động sống trong cảnh đói, rách. Hầu hết các gia đình phải kiếm ăn từng bữa. Cảnh ăn mày, ăn xin diễn ra đầy đường, gốc chợ. Riêng tại xã Yên Lạc, nhân dân chỉ đủ cơm, cháo trong 6 tháng. Còn 6 tháng trong năm phải lên rừng đào củ, hái măng... để sống cho qua ngày đoạn tháng.

Sống dưới chế độ thực dân phong kiến, nhân dân ta không những chịu cực khổ về vật chất, mà còn bị đầy đọa về tinh thần. Để dễ bề cai trị, bọn thực dân - phong kiến dùng mọi thủ đoạn kìm hãm nhân dân ta vào vòng lạc hậu, ngu dốt. Dưới thời Pháp thuộc, toàn huyện Phú Lương chỉ có 3 trường (đặt ở Phủ Lý, Đu và Yên Ninh) từ lớp một đến lớp ba, với tổng số học sinh chưa đến 100 người. Tuyệt đại đa số con em nhân dân lao động không được đi học. Vì vậy 95% dân số bị mù chữ. Các tệ nạn xã hội như rượu, chè, cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan v.v... được bọn

thống trị khuyến khích phát triển. Chúng mang rượu, thuốc phiện đến tận các làng, xã, bắt mọi người dân phải tiêu thụ, vừa để vơ vét tiền của, vừa để đầu độc nhân dân, nhất là thanh niên.

Việc chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chính quyền thực dân - phong kiến quan tâm. Cả huyện Phú Lương lúc đó chỉ có một ký thuốc (y tế) và một nhà thương nhỏ dành riêng cho bọn quan lại, người dân ốm đau, bệnh tật... không có cơ sở y tế điều trị, phải nhờ thầy đến nhà cúng bái, trông chờ vào sự may rủi. Tình trạng hữu sinh vô dưỡng gần như là một hiện tượng phổ biến, nhất là trong đồng bào Dao.

Do đời sống quá thấp kém, điều kiện ăn, ở thiếu vệ sinh, lại không có phương tiện phòng chống, nếu bệnh tật phát sinh, đe dọa đến tính mạng của người dân. Chỉ riêng trong khu mỏ than năm 1928 đã có tới 173 công nhân chết vì sốt rét, ngã nước, đến năm 1942 có 200 người chết vì bệnh dịch hạch.

Thâm độc và xảo quyệt hơn, thực dân Pháp và phong kiến tay sai ra sức thực hiện chính sách chia rẽ sự đoàn kết vốn có giữa các dân tộc. Bằng mọi thủ đoạn, chúng tìm cách gây nên sự hiềm khích, thù hằn giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa công nhân trong mỏ, trong đồn điền với nhân dân vùng lân cận, giữa những người

dân mới đến ngụ cư với dân bản xứ.

Vì bị áp bức bóc lột nặng nề, nhân dân các dân tộc Phú Lương hết sức cam phẫn bọn thực dân phong kiến. Vốn mang trong mình dòng máu tự cường, bất khuất, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Trong phong trào đấu tranh đó công nhân mỏ là lực lượng đi đầu. Năm 1913, cùng với cuộc đấu tranh của công nhân mỏ Hích, công nhân mỏ than Phấn Mễ cũng tự tổ chức đấu tranh chống phạt vạ vô lý. Trong cuộc đấu tranh này anh chị em công nhân mỏ đã trừng trị đích đáng bọn tay chân của chủ mỏ. Năm 1917, một số công nhân mỏ than Phấn Mễ hăng hái tham gia cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp của binh lính người Việt do Trịnh Văn Cấn lãnh đạo.

Trong những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ I, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân vẫn tiếp tục diễn ra. Các cuộc đấu tranh này đều mang tính chất tự phát, nhưng nó đã khẳng định truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân các dân tộc trong huyện. Đó là một trong những điều kiện thuận lợi để sau này, khi có Đảng Cộng sản ra đời và lãnh đạo, nhân dân các dân tộc Phú Lương vùng dậy đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai, giành quyền làm chủ.

II. NHỮNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN RA ĐỜI

Ngày 03-02-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, mở ra bước ngoặt trong lịch sử phát triển của phong trào cách mạng nước ta. Từ đó làn sóng đấu tranh ngày càng lan rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, cơ sở Đảng được xây dựng ở nhiều nơi trong toàn quốc.

Thái Nguyên lúc đó là một trong những tỉnh tập trung đông công nhân, nên được Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ chú ý, thường xuyên cử cán bộ về tuyên truyền, gây dựng cơ sở.

Cuối năm 1936, cơ sở Đảng đầu tiên xuất hiện ở Đại Từ, sau đó vào đầu năm 1937 phát triển sang Võ Nhai. Sự hình thành tổ chức Đảng Cộng sản ở hai nơi này có ảnh hưởng tốt đến đời sống chính trị của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Tuy nhiên cho đến lúc này vì bị địch kìm kẹp, bưng bít, cán bộ Đảng chưa có điều kiện vào hoạt động, cho nên người dân Phú Lương vẫn chưa biết đến cách mạng.

Đầu tháng 09-1939, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, Nước Pháp tham gia chiến tranh và thi hành các chính sách phản động ở các nước thuộc địa. Tại Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, thực dân Pháp thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ (1936 - 1939) và thẳng

tay đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng của nhân dân ta. Đến tháng 09-1940, phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương, đặt dân ta vào cảnh một cổ hai tròng nô lệ. Đời sống của nhân dân ta vô cùng cực khổ.

Trước sự chuyển biến của tình hình, Đảng ta kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đồng thời chuyển trọng tâm công tác về các vùng nông thôn.

Tại Thái Nguyên, cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng đã hình thành và phát triển ở nhiều nơi. Cơ sở và phong trào cách mạng ở Đại Từ và Võ Nhai ngày càng lan rộng.

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc phát triển lực lượng giữ vững cơ sở, mở rộng phạm vi hoạt động ra ngoài vòng vây địch, từ cuối tháng 10-1941, Ban chỉ huy cứu quốc quân II chia đội cứu quốc quân thành từng bộ phận nhỏ bí mật gây dựng cơ sở chính trị trong nhân dân. Ngày 19-11-1941, một tổ cứu quốc quân gồm các đồng chí: Nguyễn Cao Đàm, Phương Cương, Chu Viết Phong, Đường Thị Ẩn, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan bí mật vượt vòng vây địch sang Đại Từ, nối liên lạc với cơ sở đảng ở La Bằng, rồi mở rộng sang vùng Định Hóa... Ở những nơi đội công tác đến, cơ sở và phong trào cách mạng được khôi phục từng bước. Đầu năm 1942, đội công tác liên lạc được với cơ sở ở Núi Hồng, rồi phát triển dần sang Tuyên Quang.

Cuối tháng 2 đầu tháng 3-1942, đường liên lạc được đánh thông từ vùng giáp Tuyên Quang sang Đại Từ đến một số xã của huyện Phú Lương.

Thông qua việc tuyên truyền của tổ cứu quốc quân, người dân Phú Lương biết đến Cách mạng tháng Mười Nga, biết Liên Xô và từng bước hiểu được con đường đấu tranh tự giải phóng mình. Các tổ chức cứu quốc được thành lập ở Hái Hoa, Làng Lân. Các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu cũng được xây dựng trong các mỏ, đồn điền, và các xã Phấn Mễ, Phấn Suất.

Tại khu vực Làng Cam, ảnh hưởng cách mạng từ vùng Núi Hồng (Đại Từ) và Khuổi Kịch (Sơn Dương - Tuyên Quang) cũng dần dần lan tới. Làng Cam là nơi cư trú của đồng bào Dao Đại Từ mới chuyển sang, sẵn có mối quan hệ với bà con ở vùng núi Hồng, Sơn Dương, một số gia đình ở Làng Cam thường hay lui tới vùng này nhờ đó một số người, trong đó có Lường Thống Soát được cán bộ cứu quốc quân giác ngộ cách mạng. Sau khi giác ngộ, ông về tuyên truyền cho bà con, họ hàng của mình ở Làng Cam. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh và đạt kết quả hơn khi một số cán bộ cứu quốc quân (Nguyễn Cao Đàm, Đặng Hưng) đến hoạt động, gây dựng cơ sở cách mạng. Một số quần chúng tích cực (Lường Thống Soát, Triệu Hà Thanh...) được phân công

làm liên lạc dẫn đường cho cán bộ qua lại hoạt động.

Vùng Yên Trạch, Phủ Lý cũng bắt đầu chịu ảnh hưởng cách mạng do sự hình thành tuyến giao thông bí mật từ Định Hóa qua đèo Bụt, sang Yên Đổ, lên Võ Nhai nhưng chưa xây dựng được tổ chức quần chúng.

Như vậy, từ đầu năm 1942, tại Phú Lương đã có hai cơ sở cách mạng: Một cơ sở ở Hái Hoa và một cơ sở ở Làng Cam, tuy hai cơ sở này chưa có sự liên hệ với nhau, nhưng đó là những mắt xích nối liền đường dây liên lạc từ Võ Nhai qua Phú Lương sang Đại Từ, Định Hóa. Từ Hái Hoa, cơ sở cách mạng có thể dễ dàng phát triển sang Làng Hin, Phục Linh, xuống Cù Vân (Đại Từ), hoặc lên Yên Trạch, Chợ Mới (Phú Lương). Từ Làng Cam có thể mở rộng cơ sở đến Khuôn Anh, Bản Ngoại (Đại Từ), hoặc đi Hích, qua Phú Đô sang Võ Nhai.

Cuối năm 1942, tổ cứu quốc quân ở Đại Từ được bổ sung một số đồng chí ở Võ Nhai sang hoạt động (Hoàng Văn Tài, Quảng Hiền...). Có thêm lực lượng, tổ đã phân công cán bộ đi xây dựng và phát triển cơ sở ở Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương và Sơn Dương (Tuyên Quang). Đồng chí Hoàng Văn Tài và Quảng Hiền về Hái Hoa vận động, tổ chức được 15 quần chúng đã giác ngộ vào Việt Minh. Các hội viên trong hội cứu quốc được phân công đi tuyên truyền, mở rộng cơ sở, trước tiên họ vào

họ hàng bà con thân thuộc của mình. Từ Hái Hoa, Làng Cam cơ sở cách mạng lan sang Cây Thị, Làng Bầu, Na Phường, Đồng Nghè, Cổ Lũng, do vậy hai cơ sở cách mạng ở Hái Hoa và Làng Cam được nối liền với nhau.

Sự ra đời của các Hội cứu quốc trong năm 1942 đánh dấu một bước tiến quan trọng của phong trào đấu tranh cách mạng ở huyện Phú Lương. Thông qua các hội cứu quốc, quần chúng được tổ chức thành một lực lượng mạnh mẽ và vững bước trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo.

CHƯƠNG II

TÍCH CỰC CHUẨN BỊ MỌI MẶT - TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1943 - 07 / 1945)

I. CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

Từ những cơ sở đầu tiên, phong trào Việt Minh nhanh chóng phát triển sang các vùng trong huyện. Sang năm 1943, ở Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng... đều có các tổ chức cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Các Hội Nông dân cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc được xây dựng ở nhiều nơi. Cán bộ cách mạng thường xuyên qua lại Phú Lương hoạt động, được nhân dân địa phương hết lòng đùm bọc, che trở. Nhiều tài liệu của Việt Minh được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Dù đã có bước tiến mới, nhưng cho đến lúc này Phú Lương vẫn chưa có cơ sở Đảng. Vì vậy, phong trào cách mạng ở đây do tổ Đảng của Cứu quốc quân trực tiếp lãnh đạo.

Dưới sự lãnh đạo của tổ Đảng, các tổ chức cứu quốc hô hào, vận động nhân dân không nộp thuế liên đoàn, không nộp thầu dầu, vừng, lạc cho phát xít Nhật. Đông đảo nhân dân ở các nơi hưởng ứng. Phong trào lên mạnh ở xã Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng. Ở nhiều nơi, nhân dân còn tổ chức đấu tranh không nộp thuế thân, không lấy thẻ thân, không

Ban lãnh đạo huyện ủy và các đồng chí Lão thành cách mạng dự Hội nghị tọa đàm Lịch sử Đảng (5-12-1992)

đi lính cho Nhật, Pháp. Tại Giang Tiên, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, đồng bào ta phá kho thóc của Nhật - Pháp chia cho dân nghèo, thành lập các hội tương tế để giúp đỡ lẫn nhau. Trong đồn điền Na, tá điền ở các xã Động Đạt, Phấn Mễ tổ chức đấu tranh không nộp tô cho chủ.

Bước vào năm 1944, phong trào đấu tranh tiếp tục diễn ra ở các xã. Ngoài việc đẩy mạnh tuyên truyền; mở rộng cơ sở cách mạng, các tổ chức cứu quốc của Mặt trận Việt Minh đã vận động và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống hành động cướp bóc của bọn thực dân và phong kiến tay sai. Nhiều lần bọn lính khố xanh kéo vào Phấn Mễ định cướp thóc gạo, lợn, gà... Nhưng gặp phải tinh thần đấu tranh kiên quyết của nhân dân chúng phải rút về đồn. Từ thực tiễn đấu tranh cùng với những kết quả đạt được, đồng bào các dân tộc trong huyện ngày càng tin tưởng vào Việt Minh, càng thêm hăng hái tham gia các tổ chức cứu quốc.

Cùng với phong trào đấu tranh của nông dân, công nhân mỏ cũng tổ chức nhiều đợt đấu tranh thắng lợi. Năm 1942, công nhân mỏ than Phấn Mễ đình công trong mấy ngày liền để phản đối bọn cai ký bớt xén tiền lương. Trước sự đấu tranh mạnh mẽ của công nhân, bọn chủ mỏ phải nhượng bộ. Đầu năm 1943, công nhân hầm lò đấu tranh buộc bọn chủ phải trang bị dụng cụ bảo hiểm lao động. Tháng 6 -

1943, do bị chủ mỏ phạt vạ việc cháy bóng điện, anh em công nhân hầm lò lại tổ chức đấu tranh. Cùng thời gian này, công nhân cơ khí đấu tranh đòi phát xà phòng, đòi tăng lương 40%. Bọn chủ mỏ phải chấp nhận yêu sách của công nhân. Cuối năm 1943 đầu năm 1944, phong trào đấu tranh của công nhân tiếp tục phát triển. Các cuộc đình công nổ ra ngày một nhiều . Bọn chủ mỏ bắt giữ những người lãnh đạo hòng dập tắt phong trào, nhưng lập tức 300 công nhân tổ chức biểu tình buộc chúng phải trả tự do cho những người bị bắt.

Đánh hơi thấy những hoạt động cách mạng ở Phú Lương, thực dân Pháp tung mật thám đi các nơi để dò la tin tức. Ngày 20 - 05 - 1944, địch bắt được Triệu Hà Thanh, một quần chúng đã giác ngộ cách mạng và được giao nhiệm vụ làm liên lạc ở cơ sở Làng Cam. Sau khi khám xét và lấy được một vài tài liệu của Mặt trận Việt Minh tại nhà Triệu Hà Thanh, địch bắt thêm 10 người ở Làng Cam và Động Đạt.

Kết hợp với hành động đàn áp khủng bố, thực dân Pháp và tay sai dùng thủ đoạn chính trị lừa bịp. Chúng tung tin trong nhân dân có "giặc cỏ" về hoạt động ở Phú Lương. Mặt khác chúng cho tay chân đem gạo, vải. .. xuống một số làng bày trò "phát chẩn", hòng xoa dịu tinh thần đấu tranh của quần chúng. Những thủ đoạn xảo quyệt đó không

lừa gạt được nhân dân ta. Phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục lan rộng.

Trước yêu cầu phát triển phong trào, mở rộng cơ sở cách mạng, tháng 10 -1944 Xứ ủy Bắc kỳ phân công đồng chí Lôi Viết Dìu (tức Cam) về công tác tại huyện Phú Lương. Đồng chí đã triệu tập cuộc họp cán bộ chủ chốt của các tổ chức cứu quốc tại Làng Lân để truyền đạt "Chương trình huấn luyện 4 tháng", phát triển Mặt trận Việt Minh. Hội nghị quyết định thành lập đội tự vệ và các tổ chức huấn luyện, đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền phát triển cơ sở Việt Minh và các tổ chức Cứu quốc.

Hội nghị trên dây có ý nghĩa rất quan trọng đối với phong trào cách mạng Phú Lương. Từ sau hội nghị cán bộ chủ chốt, việc phát triển cơ sở cách mạng được đẩy mạnh. Nhiều xã trong huyện đã thành lập được các hội cứu quốc. Uy tín và ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh được mở rộng trọng quần chúng, ở một số nơi phong trào cách mạng đã tranh thủ được cả lý trưởng, phó lý và xã đoàn. Thanh thế của phong trào cách mạng ngày một dâng cao.

Trên cơ sở phát triển các tổ chức cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, các đội tự vệ ra đời ở nhiều nơi. Riêng tại Phấn Mễ, đội tự vệ đã lên tới 40 người. Các đội tự vệ đều có chương trình hoạt động: ban ngày tham gia sản xuất, ban đêm bí mật luyện tập quân sự. Các đội viên tự vệ còn tự

động rèn đúc và mua sắm vũ khí. Nhân dân địa phương hết lòng giúp đỡ tự vệ. Một số đơn vị còn tổ chức cướp súng địch để tự trang bị cho mình. Tại Hái Hoa trong năm 1943, đội tự vệ đầu tiên ra đời gồm 21 cán bộ chiến sĩ, được trang bị 20 súng kíp. Nhiệm vụ trước mắt của đội là bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ quần chúng, theo dõi và trừng trị những tên tay sai gian ác, vừa tham gia sản xuất vừa luyện tập quân sự. Ngay sau khi thành lập, đội tự vệ đã bao vây nhà đốc Hiến - một mật thám khét tiếng, tay sai thân tín của tuần phủ Thái Nguyên-Cung Đình Vận, khiến hắn hoảng sợ phải bỏ nhà trốn lên đồn Đu. Tự vệ thu tại nhà đốc Hiến hai khẩu súng giôp - ba và 200 viên đạn.

Nhằm gây thanh thế, thúc đẩy phong trào cách mạng ở địa phương, sau một thời gian huấn luyện, lực lượng tự vệ quyết định đánh đồn Phấn Mễ. Mọi công việc chuẩn bị cho trận đánh được xúc tiến khẩn trương. Theo kế hoạch lực lượng tự vệ dự định nổ súng đánh đồn vào ngày 08-01-1945. Nhưng chính vào lúc quân ta đang tích cực chuẩn bị cho trận chiến đấu thì địch nhận được tin báo về sự hoạt động của Lôi Viết Dìu tại Phấn Mễ. Lực lượng mật thám, cảnh sát địch tỏa đi khắp nơi để lùng sục, dò la tin tức. Tên tuần phủ Thái Nguyên - Cung Đình Vận khét tiếng gian ác đã treo giải thưởng lớn cho kẻ nào giết được Lôi

Viết Dìu. Địch quyết lùng bắt kỳ được người lãnh đạo để nhanh chóng dập tắt phong trào cách mạng ở Phú Lương.

Sáng ngày 14 - 12 - 1944, bọn tay chân của lý trưởng Phấn Mễ - Bàng Văn Quỳnh đã phục kích và bắn chết đồng chí Dìu tại một địa điểm gần Phố Giá. Sau đó địch tung lực lượng lùng bắt được hơn 20 người trong tổ chức Việt Minh ở Phấn Mễ, Cổ Lũng đem về giam tại nhà lao Thái Nguyên. Cũng như ở Võ Nhai, tại Phú Lương lúc này không khí khủng bố bao trùm khắp vùng Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng. Ban đêm các gia đình không được thắp đèn quá 9 giờ, không được chứa người lạ mặt trong nhà. Chúng cấm người nhà của các gia đình có người bị bắt không được đi ra khỏi địa phương.

Đồng thời chúng cho tay chân thường xuyên đến các gia đình này đe dọa, vòi vĩnh tiền bạc. Bọn mật thám, cảnh sát lùng sục khắp thôn xóm. Giết hại được Lôi Viết Dìu, thực dân Pháp và tay sai tưởng rằng có thể ngăn chặn được những hoạt động cách mạng ở Phú Lương. Nhưng ngược lại, sự khủng bố, đàn áp điên cuồng và tàn bạo của kẻ thù đã không thủ tiêu được ý chí cách mạng của cán bộ và quần chúng. Những người bị địch bắt vẫn không nao núng tinh thần, tích cực tham gia đấu tranh ở trong tù. Những người chưa bị địch bắt vẫn tiếp tục hoạt động, bí mật đi vào quần chúng động viên quần chúng giữ vững tinh thần đấu tranh.

Thấy rõ bộ mặt tàn bạo, dã man của kẻ thù, lại được cán bộ đi sát động viên, trong những ngày địch khủng bố, quần chúng vẫn hết lòng che chở bảo vệ cán bộ cách mạng. Nhờ đó các cơ sở cách mạng vẫn được giữ vững.

Tóm lại, từ những ngày đầu có cơ sở cách mạng (năm 1942) đến đầu năm 1945, phong trào cách mạng ở Phú Lương đã có những bước phát triển nhanh chóng. Từ chỗ chỉ có hai cơ sở ở Hái Hoa và Làng Cam, cơ sở quần chúng đã lan ra nhiều xã trong huyện. Cả hai lực lượng cách mạng (chính trị và vũ trang) đều được xây dựng và mở rộng. Phong trào đấu tranh từng bước được đẩy mạnh, tập hợp được đông đảo mọi thành phần tham gia. Tuy nhiên cơ sở và phong trào cách mạng ở Phú Lương trong thời gian này phát triển chưa đều khắp. Cơ sở quần chúng và phong trào cách mạng chủ yếu mới được hình thành và phát triển mạnh ở Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng. Một số nơi chưa xây dựng được cơ sở quần chúng.

Mặc dù chưa đều, nhưng cơ sở và phong trào cách mạng ở Phú Lương phát triển khá vững chắc. Điều này không chỉ có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền ở Phú Lương, mà trước mắt, nó là một khâu nối liền phong trào cách mạng vùng Bắc Sơn - Võ Nhai với Đại Từ, Định Hóa, tạo thành

một khối liên hoàn vững chắc cho chiến khu Hoàng Hoa Thám.

Trong quá trình phát triển , mặc dù có lúc bị địch khủng bố, nhiều cán bộ và quần chúng cách mạng bị bắt bớ, tù đày hoặc bị địch giết hại, nhưng phong trào cách mạng ở Phú Lương vẫn được duy trì. Từ đầu năm 1945, phong trào cách mạng Phú Lương có những bước phát triển mới, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

II. KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

Bước vào năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II tiếp tục phát triển theo chiều hướng có lợi cho phe dân chủ. Sau khi quét sạch quân Đức ra khỏi lãnh thổ của mình, hồng quân Liên Xô tiếp tục truy kích chúng đến tận sào huyệt. Ở mặt trận phía đông, phát xít Nhật cũng bị thất bại liên tiếp ở Trung Quốc và Thái Bình Dương. Phạm vi kiểm soát của phát xít Nhật ngày càng bị thu hẹp. Con đường biển đi từ Nhật xuống các thuộc địa ở Đông Nam Á đã bị quân đồng minh khống chế.

Tại Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Thực dân Pháp ở Đông Dương cũng đang ráo riết chuẩn bị kế hoạch hất cẳng Nhật để khôi phục lại quyền thống trị của chúng ở khu vực này. Mâu thuẫn

vốn có giữa Nhật và Pháp trở nên sâu sắc không thể điều hòa được.

Hoảng sợ trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng của nhân dân ta, đồng thời đề phòng khả năng bị Pháp tấn công ở phía sau khi quân đồng minh kéo vào Đông Dương, đêm 09-03-1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp. Từ đó Đông Dương hoàn toàn thuộc về Nhật.

Rất nhạy bén với tình hình, ngay trong đêm 09 - 03 - 1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng đã kịp thời triệu tập hội nghị mở rộng để đề ra chủ trương mới. Trên cơ sở vạch rõ kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân ta là phát xít Nhật, hội nghị quyết định phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, kịp thời đón thời cơ, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Nghị quyết hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta.

Tại Phú Lương, từ sau ngày 09 - 03 - 1945, thực dân Pháp đã rút chạy. Giặc Nhật kéo quân lên chiếm đóng thay chân Pháp. Chúng tổ chức một lực lượng bảo an binh chốt tại 3 vị trí nằm trên trục đường số 3: Giang Tiên, Phấn Mễ và Đu. Trong đồn điền Na cũng có khoảng hơn 10 lính Nhật và bảo an. Tại huyện lỵ Phú Lương (Đu), có tri châu Hoàng Như Khuê và một đội lính cơ gồm 7 tên làm nhiệm vụ bảo vệ. Trên đường số 3 và tuyến đường từ km 31 vào

Chợ Chu (Định Hóa), lính Nhật thường xuyên qua lại. Đi tới đâu chúng đều cướp phá, chém giết, gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân các dân tộc. Bộ mặt phát xít, tàn bạo của Nhật và tay sai ngày càng lộ rõ. Căm thù giặc Nhật và tay sai, nhân dân các dân tộc Phú Lương mong muốn vùng dậy giành quyền làm chủ.

Chính vào lúc này, phong trào cách mạng ở Phú Lương được bổ sung lực lượng cán bộ. Ngày 10-03-1945, nhân cơ hội Nhật vừa đảo chính Pháp và chưa kịp lên chiếm đóng Thái Nguyên, những người tù chính trị bị giam giữ ở nhà lao thị xã Thái Nguyên đã vận động được cai Thanh mở cửa nhà lao, trở về hoạt động ở các địa phương. Nhờ thế phong trào cách mạng ở Phú Lương có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh chóng.

Cùng thời gian trên, một đơn vị của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Rạng, Phương Cương, Phan Văn Đắc, Lê Đình Nhậm, Kim Anh... từ Định Hóa được phân công về hoạt động ở vùng Phú Lương, đơn vị này được giao nhiệm vụ:

- Xóa bỏ chính quyền đế quốc phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng ở các xã, trước hết là các xã ở ven đường số 3 để làm căn cứ chặn đánh quân Nhật trên con đường Thái Nguyên - Bắc Cạn và Thái Nguyên - Chợ Chu. Trên cơ sở đó tiến lên xây dựng chính quyền trong toàn huyện.

- Lập quỹ binh lương, tích trữ lương thực xung quanh khu vực núi Chúa, thành lập các đội tự vệ, tổ chức nhân dân địa phương vào lực lượng vũ trang, sẵn sàng tham gia vào việc giải phóng Thái Nguyên.

- Đánh thông và bảo đảm đường giao thông liên lạc với Võ Nhai, Bắc Giang và Cầu Gỗ, Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang).

Đầu tháng 4 năm 1945, đơn vị về tới xã Lương Hạ, tại đây đơn vị chia thành ba bộ phận tỏa đi các hướng: Một bộ phận do đồng chí Phan Văn Đắc phụ trách xuống Hái Hoa, Phấn Mễ phối hợp với tự vệ ở đây làm nhiệm vụ phát triển lực lượng ở khu vực phía nam núi Chúa, chuẩn bị đánh xuống Thái Nguyên. Một bộ phận khác do đồng chí Phương Cương phụ trách xuống các xã ven đường số 3 từ km31 đến km34, phối hợp với tự vệ địa phương đánh đồn điền Na và chặn đánh quân Nhật lên Bắc Cạn, Chợ Chu. Bộ phận chính quyền cách mạng do đồng chí Nguyễn Văn Rạng phụ trách về tổng Phủ Lý xây dựng chính quyền cách mạng. Ngay sau khi dừng chân tại tổng Phủ Lý, đội công tác đã tích cực tuyên truyền cách mạng trong nhân dân, đồng thời tịch thu các loại vũ khí của lính dõng, bộ đội giải phóng đi tới đâu cũng được nhân dân ở nơi đó hết lòng ủng hộ. Tinh thần cách mạng của quần chúng nhân dân ở các xã được phát động quần chúng ngày càng mạnh mẽ.

Đồng bào các dân tộc đều mong muốn thoát khỏi sự đè nén, áp bức của đế quốc, phong kiến, mong muốn được sống trong độc lập, tự do. Bởi vậy khi có cán bộ về tuyên truyền, vận động, mọi người dân ở đây đều tích cực tham gia vào các tổ chức cách mạng.

Trong bối cảnh lịch sử đó, sáng ngày 05-04-1945, một cuộc mít tinh được tổ chức tại sân đình làng Khau Chỉa (xã Ôn Lương Hạ, sau đổi thành xã Phú Thịnh). Tại cuộc mít tinh, đại diện Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân tuyên bố xóa bỏ chính quyền của đế quốc phong kiến, tịch thu toàn bộ bằng sắc, giấy tờ của đế quốc-phong kiến, đồng thời thành lập chính quyền cách mạng, Ủy ban nhân dân lâm thời xã Phú Thịnh (tức Ôn Lương Hạ) được bầu ra gồm 5 người chính thức ra mắt trước toàn thể đồng bào các dân tộc [1]. Đây là chính quyền cách mạng đầu tiên của tổng Phủ Lý và cũng là chính quyền cách mạng đầu tiên của châu Phú Lương. Sự kiện này đánh dấu sự thắng lợi to lớn của phong trào cách mạng ở huyện nhà, đồng thời

---

(1) Ủy ban nhân dân lâm thời xã Phú Thịnh (Ôn Lương) gồm có:

- *Ông Nguyễn Đại Hải: Chủ tịch.*
- *Ông Phan Văn Đắc: Phó chủ tịch.*
- *Ông Phan Văn Quế: Ủy viên thư ký.*
- *Ông Phan Văn Tĩnh: Ủy viên.*
- *Ông Phan Công Đính: Ủy viên kiêm thủ quỹ.*

tạo điều kiện xây dựng cơ sở và thành lập chính quyền nhân dân ở các xã trong huyện.

Sau Ôn Lương Hạ, chính quyền cách mạng lần lượt ra đời ở các xã: Thái Thịnh (tức Ôn Lương Thượng ngày 06-04-1945), Mãn Quang (gồm 2 thôn: Làng Cọ và Làng Mãn ngày 07-04-1945), Môn Bình (ngày 09--04-1945), Ninh Tường (ngày 10-04-1945), Tân Phán gồm 2 thôn: La Biểu và Na Đan (ngày 11-04-1945), Phú Khuôn (ngày 12-04-1945); khí thế cách mạng trong quần chúng lúc này ngày một dâng cao. Tình hình này làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở Phú Lương hết sức hoang mang lo sợ.

Ngày 15-04-1945, cuộc họp đại biểu cán bộ các xã thuộc tổng Ninh Tường (tức Phủ Lý) được tổ chức tại xóm Bo Chân, xã Phú Khuôn, các đại biểu đã bầu ra Ủy ban nhân dân tổng Ninh Tường, gồm 5 người:

- Ông Lã Văn Phùng: Chủ tịch.
- Ông Hoàng Gia Dũng: Phó chủ tịch.
- Ông Phan Văn Sáng: Ủy viên.
- Ông Phan Chân Chính: Ủy viên.
- Ông Nguyễn Văn Thiện: Ủy viên.

Ngay sau khi ra đời, chính quyền cách mạng đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống mới, kêu gọi nhân dân không nộp thuế cho Nhật, đồng thời tổ chức cho đồng bào học văn hóa, vận động mọi người quyên góp xây

dựng quỹ binh lương, ủng hộ bộ đội giải phóng, chuẩn bị chống Nhật. Để khắc phục tình trạng khan hiếm các mặt hàng nhu yếu phẩm (muối, dầu thắp, giấy, bút mực...), chính quyền cách mạng cho thành lập Ban chuyên trách mua bán và mở chợ bí mật, Ban chuyên trách buôn bán do ông Hoàng Đoàn Kết làm trưởng ban, có trách nhiệm liên hệ với bà con ở phố Đu để vừa thu mua hàng hóa được dễ dàng, vừa đảm bảo bí mật. Chợ bí mật mang tên là chợ Thuận Thành, đặt tại bãi Sim xóm Làng Mãn (xã Mãn Quang). Phiên chợ đầu tiên được loan báo đi các nơi. Nhân dân trong vùng và các địa phương lân cận như Phú Tiến, Bộc Nhiêu (Định Hóa), Đức Lương (Đại Từ) đến họp chợ rất đông. Các loại hàng hóa được mua bán tự do, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Tiếp theo sự ra đời của Ủy ban nhân dân tổng Ninh Tường, các xã Yên Đổ, Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Lạc cũng nhanh chóng xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân. Trong khi đó tại các xã phía nam huyện, sau khi có các đồng chí tù chính trị thoát khỏi nhà lao Thái Nguyên trở về hoạt động, phong trào cách mạng phát triển mạnh. Các đội tự vệ được tổ chức lại. Hầu khắp các xã trong huyện đều lập được trung đội tự vệ. Các lớp huấn luyện ngắn ngày được mở thường xuyên. Nội dung huấn luyện bao gồm: chiến thuật du kích,

các động tác quân sự, công tác điều tra, trinh thám nắm tình hình địch... Ngoài ra cán bộ và chiến sĩ tự vệ còn được học tập chương trình điều lệ Việt Minh. Sau khi tham dự các lớp huấn luyện, cán bộ tự vệ được phân công về các xã để xây dựng phong trào. Khi các đội công tác của Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân trở về hoạt động, việc xây dựng phát triển lực lượng vũ trang ở khắp các xã trong vùng càng được đẩy mạnh hơn trước. Không chỉ có thanh niên, mà cả phụ nữ và những người đứng tuổi cũng hăng hái tham gia tự vệ. Đồng bào các dân tộc tự nguyện quyên góp ủng hộ vũ khí, lương thực, thực phẩm cho tự vệ.

Có lực lượng tự vệ làm nòng cốt, tinh thần cách mạng của quần chúng được phát động mạnh mẽ tại các xã: Phấn Sức, Phấn Mễ, Động Đạt, Cổ Lũng... Phối hợp với nhân dân địa phương bộ đội giải phóng và các tự vệ đã vây bắt và xử tội những tên tay sai đắc lực của Nhật.

Trước khí thế mạnh mẽ của quần chúng, chính quyền địch ở nhiều xã tan rã nhanh chóng, nhiều hảo lý đem triện đồng, bằng sắc đến nộp cho các Ủy ban Việt Minh xã. Một số người còn đem cả gạo, thóc, lợn, gà... đến nộp cho tự vệ và giải phóng quân. Hiện tượng ấy lan nhanh khắp các xã: Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô, Sơn Cẩm... Tại những nơi này, các Ủy ban Việt Minh đã đứng ra đảm nhận chức năng của chính quyền. Sau đó ít lâu, chính quyền cách

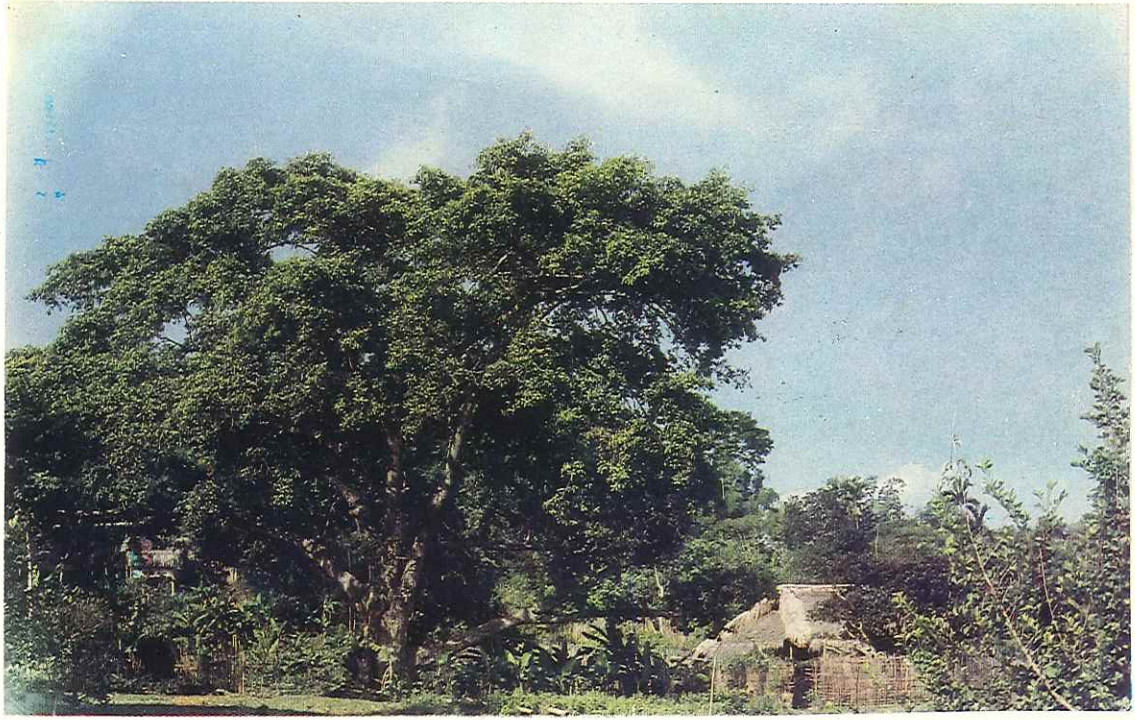

Cây đa làng Khau Sửa, xã Ôn Lương, nơi thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên ở châu Phú Lương (5-4-1945)

mạng ở các xã được thành lập dưới hình thức Ủy ban nhân dân giải phóng lâm thời.

Trong lúc giao thời, khi chính quyền địch vừa sụp đổ và chính quyền cách mạng chưa được thành lập, nạn trộm cướp nổi lên ở nhiều nơi trong huyện. Ở các vùng Sơn Cẩm, Vô Tranh, Thanh Trà, cứ khoảng 4 giờ chiều là mọi nhà phải lo ăn bữa tối cho xong. Tối đến mọi người phải ôm chăn chiếu ra ngoài bờ tre ngủ không dám ở trong nhà vì sợ bọn cướp kéo đến có thể gây tội ác bất cứ lúc nào hoặc chúng có thể đốt nhà khi không vơ vét được gì. Tình trạng này diễn ra đã đe dọa tài sản và tính mạng của nhân dân, gây nên nỗi lo sợ ngày càng tăng trong đời sống hàng ngày của bà con các dân tộc.

Trước tình hình trên, chính quyền cách mạng ngay sau khi thành lập đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ cuộc sống của nhân dân, một mặt phối hợp với các đoàn thể cứu quốc, chính quyền cách mạng đã tổ chức giáo dục quần chúng, động viên và thuyết phục những người lầm lỡ, mặt khác kiên quyết trừng trị bọn cầm đầu các toán trộm cướp. Nhân dân các xã nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ việc làm của chính quyền cách mạng. Nhờ vậy nạn trộm cướp nhanh chóng được khắc phục, tình hình trật tự trị an trong các thôn xóm được bảo đảm.

Để kịp thời giải quyết nạn đói và phát động tinh thần

cách mạng của quần chúng, bộ đội giải phóng cùng với tự vệ địa phương đã phá kho thóc liên đoàn của Nhật ở Đu và Giang Tiên chia cho dân nghèo. Bà con các dân tộc trong huyện càng thêm tin yêu chính quyền cách mạng.

Được khích lệ bởi những thắng lợi liên tiếp, phong trào cách mạng nhanh chóng lan rộng đều khắp trong huyện. Cùng với các tổ chức cứu quốc, các đội tự vệ ra đời ở nhiều nơi, hoạt động giữa ban ngày. Quân Nhật vẫn qua lại trên đường quốc lộ số 3 nhưng không dám hung hăng sục sạo, cướp phá như trước. Có lần chúng cho tay chân vào một số xã ven đường để tuyên truyền nói xấu Việt Minh, đã bị lực lượng cách mạng bắt và xử bắn ba tên. Quân Nhật không dám kháng cự. Ngày 18-03-1945, tự vệ địa phương và cứu quốc quân tập kích vị trí Chợ Mới, buộc địch phải đầu hàng và phải nộp cho ta 10 súng trường, 600 viên đạn, cùng các trang bị khác. Ngày 02-04-1945, các đơn vị tự vệ và cứu quốc quân tiến đánh dồn Đu và huyện lỵ Phú Lương.

Cùng thời gian trên, phát xít Nhật tăng cường lực lượng lên Bắc Cạn và tiến công vào Định Hóa. Phối hợp với bộ đội giải phóng các đơn vị tự vệ địa phương tổ chức chặn đánh địch nhiều trận, giữ vững thành quả cách mạng. Để chặn đường tiến quân của giặc Nhật, chính quyền cách mạng và Ủy ban Việt Minh các cấp vận động và hướng

dẫn nhân dân làm vườn không nhà trống, phá hoại cầu đường.

Có lần hơn 1000 lính Nhật và bảo an mở trận càn vào vùng Động Đạt, Phủ Lý nhằm đánh sang Định Hóa, lực lượng tự vệ cùng với bộ đội giải phóng tổ chức chặn đánh địch ở nhiều nơi, buộc chúng phải quay trở lại.

Đầu tháng 6-1945, một số cán bộ địa phương (Phan Quế, Đại Hải, Phan Văn Tĩnh và Nguyễn Văn Thiện) sau một thời gian được cử đi học trường quân chính kháng Nhật ở Tân Trào (Sơn Dương - Tuyên Quang) trở về, được phân công phát triển phong trào cách mạng ra toàn huyện. Hoạt động của Việt Minh trở nên sôi nổi. Các lực lượng vũ trang vẫn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đánh địch. Trên đoạn đường từ Km31 đến Km34: lực lượng tự vệ cùng một trung đội giải phóng quân bố trí mai phục chặn đánh một đoàn xe của địch, thu toàn bộ gạo, muối. Cũng trong tháng 6-1945, tại một địa điểm gần núi Phấn, một đơn vị quân giải phóng và tự vệ phục kích một đoàn xe địch, bắn hỏng một xe, làm bị thương hai tên. Cùng thời gian này quân Nhật ở Chợ Mới mở cuộc càn quét vào xã Như Cố, hòng phá cơ sở của ta. Trước tình hình đó, lực lượng tự vệ địa phương kết hợp với một bộ phận quân giải phóng tổ chức đánh địch tại cánh đồng Như Cố. Bị tấn công giữa đồng, không công sự, không vật cản, địch hoảng sợ phải vội vàng

bỏ dở kế hoạch càn quét. Cơ sở cách mạng được giữ vững.

Những tháng lợi trên đây tuy mới là bước đầu, nhưng có ý nghĩa to lớn. Những tháng lợi này khẳng định sự lớn mạnh của lực lượng và phong trào cách mạng ở Phú Lương. Nó làm cho quân Nhật đóng ở Chợ Mới hoang mang, dao động, ngược lại nhân dân các dân tộc trong huyện hết sức vui mừng, tin tưởng. Phong trào chống Nhật vì thế diễn ra sôi nổi, nhất là trong khu vực từ Km31 đến Chợ Mới. Khẩu hiệu: "Không tiếp tay cho Nhật" trở thành hành động thực tế trong nhân dân.

Như vậy, chỉ trong 3 tháng, từ ngày Nhật đảo chính Pháp, dưới sự lãnh đạo của Tổ Đảng cứu quốc quân và Mạt trận Việt Minh, được sự hỗ trợ của một đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã giành được chính quyền ở hầu khắp các xã. Tình hình này đã làm cho chính quyền cấp huyện của địch mất chỗ dựa. Ngày càng bị cô lập. Lính bảo an ở đồn Đu phải rút về đồn Phấn Mễ. Sau ngày đốc Hiến bị chính quyền cách mạng bắt và xử tử, tên tri châu hoảng sợ bỏ chạy xuống đồn Phấn Mễ mong được an toàn. Ngày 25-06-1945, lực lượng tự vệ bắt được đội Lai - một tên tay sai đắc lực của Nhật, cầm đầu quân lính ở đồn Phấn Mễ. Tòa án nhân dân được thành lập và tuyên án tử hình tên tay sai gian ác này. Tên tri châu trốn chạy khỏi Phú Lương.

Chính quyền địch hoàn toàn tan rã, đánh dấu một tháng lợi to lớn của phong trào cách mạng Phú Lương.

Trên cơ sở đó, vào trung tuần tháng 7-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng Lâm thời của châu Phú Lương (được đổi thành châu Tiến Bộ) ra đời: gồm 5 người do ông Phan Văn Sáng làm chủ tịch và ông Hoàng Gia Dũng làm phó chủ tịch [1].

Sau khi thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu, về cơ bản vấn đề chính quyền ở Phú Lương đã được giải quyết. Cho đến cuối tháng 7-1945, ở Phú Lương chỉ còn một số lính Nhật và bảo an đóng tại đồn điền Na và mỏ Phấn Mễ.

Tại đồn điền Na, quân ta vây chặt, không cho địch ra ngoài. Để tránh đổ máu không cần thiết, chúng ta kêu gọi binh lính địch ra hàng, nhưng chúng vẫn ngoan cố cố thủ. Lực lượng tự vệ được lệnh tiếp tục bao vây, phục kích, bán tỉa.

Tại mỏ Phấn Mễ, từ tháng 4-1945 công nhân đã đấu

---

(1) Ủy ban nhân dân cách mạng Lâm thời châu Phú Lương gồm:
Phan Văn Sáng (chủ tịch), Hoàng Gia Dũng (phó chủ tịch), Phan Chân Chính (Ủy viên), Hoàng Đoàn Kết (ủy viên), Khán Chữ (ủy viên), nhưng Khán Chữ không ra làm việc nên được thay bằng Mai Khoát Hải.

tranh thắng lợi, buộc chủ mỏ phải trả lương bằng gạo và muối. Nhiều công nhân sau khi được giác ngộ cách mạng đã bỏ việc ra ngoài hoạt động, tham gia lực lượng vũ trang.

Vào tháng 7-1945, trong khi phong trào cách mạng dâng cao, mỏ than Phấn Mễ không hoạt động. Bọn chủ mỏ bỏ chạy, chính quyền địch ở mỏ tan rã. Một số tên đốc công Pháp quay ra làm tay sai cho Nhật, cùng với một số lính Nhật cố thủ tại đây. Tự vệ mỏ đã phục kích bắn chết hai tên đốc công người Pháp tại Cầu Lớn. Từ tháng 7 đến tháng 8 - 1945, một đơn vị giải phóng quân phối hợp với tự vệ địa phương bao vây khu mỏ, triệt nguồn tiếp tế của địch.

Vào giữa tháng 8-1945, trong khi cao trào kháng Nhật cứu nước đang dâng lên mạnh mẽ, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc bằng sự thắng lợi của hồng quân Liên Xô và phe Đồng Minh. Phát xít Nhật buộc phải đầu hàng không điều kiện. Tình hình này làm cho quân Nhật ở Đông Dương và bọn tay sai hoang mang dao động cực độ.

Nhận rõ thời cơ ngàn năm có một đã đến, Hội nghị Đảng toàn quốc (13 đến 15-08-1945) và Quốc dân đại hội (16 đến 17-08-1945) họp ở Tân Trào (Sơn Dương - Tuyên Quang) quyết định phát động khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Ngay trong đêm 13-08-1945, Ủy ban khởi nghĩa ra bản

quân lệnh số 1, hạ lệnh khởi nghĩa. Đội Việt Nam giải phóng quân tiến về giải phóng Thái Nguyên để mở đường về Hà Nội. Nhiều đội viên tự vệ Phú Lương đã tham gia cuộc giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Ngày 26-08-1945, quân Nhật ở Thái Nguyên phải trao trả chính quyền cho ta và rút về Hà Nội. Số lính Nhật ở đồn Na và Phấn Mễ buộc phải rút chạy. Từ đó, Phú Lương hoàn toàn sạch bóng quân thù.

Tóm lại, trong nửa đầu của những năm 40, sau khi có cán bộ Đảng đến tuyên truyền giác ngộ, cùng với việc xây dựng và phát triển các tổ chức cách mạng, nhân dân các dân tộc Phú Lương bước vào công cuộc chuẩn bị mọi mặt để tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Trong quá trình đó, người dân Phú Lương ngày càng hiểu rõ con đường cách mạng đúng đắn do Đảng vạch ra. Họ đã vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, từng bước đưa phong trào cách mạng tiến lên, xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân trong toàn huyện.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ VÀ CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG - CHUẨN BỊ MỌI MẶT ĐỂ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (8 / 1945 - 9 / 1947)

I. PHÚ LƯƠNG SAU NGÀY THÀNH LẬP CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

Sau ngày tổng khởi nghĩa cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các nhân tộc Phú Lương đã trở thành người làm chủ xã hội, cũng từ đó đồng bào các dân tộc được hưởng mọi quyền tự do dân chủ. Mọi người dân đều nhận rõ cuộc sống của mình gắn liền với sự tồn tại của chế độ mới. Bởi vậy họ quyết tâm bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân - thành quả lớn nhất trong cuộc đấu tranh gian khổ chống đế quốc và phong kiến. Sự ủng hộ của nhân dân là nguồn sức mạnh vô địch và cũng là một trong những nhân tố vô cùng thuận lợi giúp cho chính quyền cách mạng vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, được củng cố và lớn mạnh.

Trải qua thời kỳ đấu tranh tiến tới giành chính quyền trong nửa đầu thập kỷ 40, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã được rèn luyện về nhiều mặt, ý thức giác ngộ về quyền lợi dân tộc và quyền lợi giai cấp, cũng như ý thức đoàn kết trong đồng bào được tăng cường. Đội ngũ cán bộ lãnh

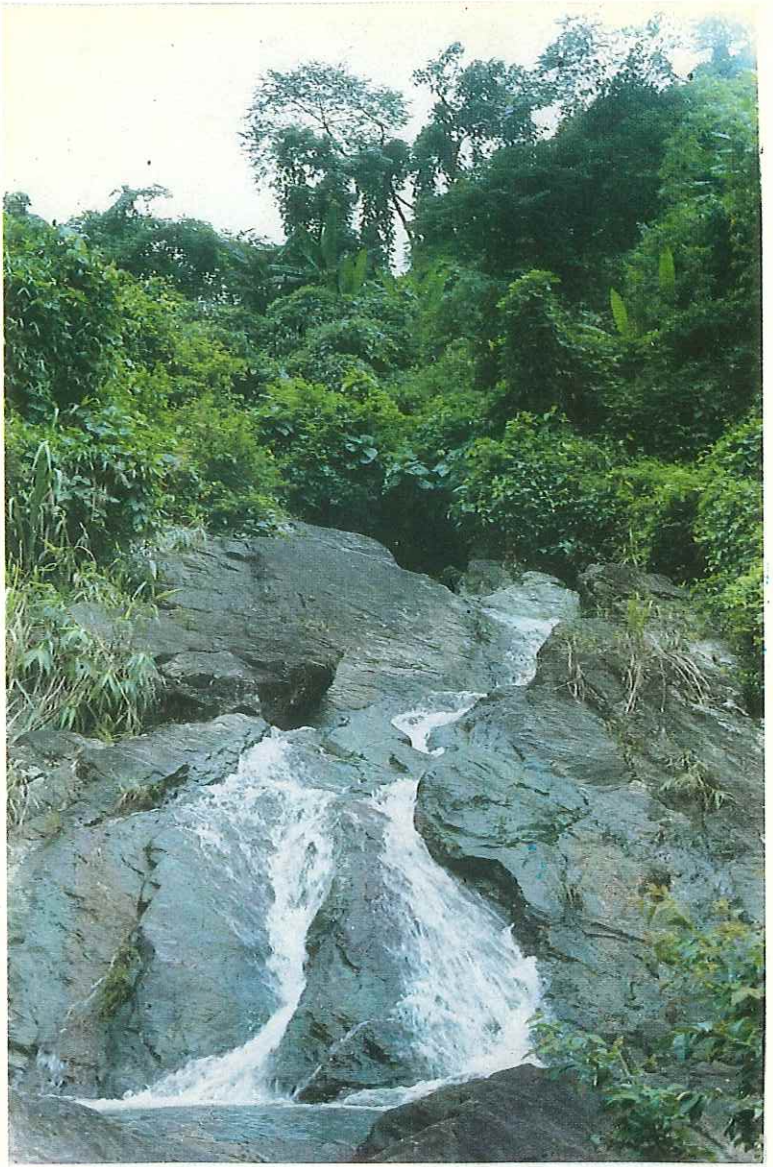

Nơi cơ sở cách mạng đầu tiên ở Làng Cam, Phú Lương

đạo phong trào ở địa phương ngày càng trưởng thành và có thêm kinh nghiệm.

Cũng từ trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, những cốt cán mới xuất hiện ngày càng nhiều, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức Đảng địa phương. Đây là một nhân tố có tầm quan trọng đặc biệt, có tính chất quyết định đến việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới.

Cùng với việc hình thành và phát triển các tổ chức Đảng, lực lượng vũ trang Phú Lương vốn đã được rèn luyện trong đấu tranh cách mạng, ngày càng lớn mạnh và trở thành lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh và bảo vệ chính quyền cách mạng ở địa phương.

Bên cạnh những thuận lợi kể trên từ sau ngày thành lập chính quyền cách mạng. Phú Lương đang đứng trước những khó khăn thử thách mới. Kinh tế Phú Lương vốn là nền kinh tế tự nhiên, diện tích canh tác trong huyện ít, phần lớn là rừng và đất rừng. Do vậy, bản thân nền kinh tế đó không thể đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân.

Trong những năm Nhật - Pháp chiếm đóng, nền kinh tế Phú Lương lại bị tàn phá thêm, trong khi đó thiên tai liên tiếp xảy ra. Hết lũ lụt, lại hạn hán kéo dài, ruộng đồng bỏ hoang. Nạn đói thường xuyên đe dọa đến cuộc sống của mọi người dân. Sau khi giành được chính quyền, trước những yêu cầu mới đặt ra ngày càng lớn, vấn đề xây dựng

phát triển kinh tế phục vụ kháng chiến cải thiện đời sống nhân dân... trở nên hết sức cấp bách. Trong khi đó những điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện những yêu cầu ấy lại chưa có đầy đủ.

Cùng với tình trạng nghèo nàn về kinh tế, nạn mù chữ lúc này trở thành một trở ngại lớn, làm hạn chế quyền làm chủ thực sự của nhân dân lao động. Ngoài ra, những tệ nạn xã hội do chế độ thực dân phong kiến để lại (Rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan...) đang tồn tại phổ biến cũng là một vấn đề phải được giải quyết, trong khi chính quyền cách mạng còn có nhiều công việc cấp bách.

Ủy ban nhân dân các cấp trong huyện vừa mới thành lập, còn non nớt trong công tác quản lý, một số tổ chức phản động ở địa phương lại nổi lên, âm mưu chống lại chính quyền cách mạng. Trong số này, nguy hiểm hơn cả là tổ chức "Nam dương Hoa kiều hiệp hội" ở Yên Đĩnh, do tên Lục Văn Pỉnh cầm đầu. Chúng kích động quần chúng người Hoa xúi giục những người gốc Hoa đòi trở lại quốc tịch Trung Quốc, không thực hiện nghĩa vụ của người công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ở nhiều nơi nạn trộm cướp nổi lên hoành hành, càng làm cho tình hình xã hội ở địa phương thêm rối ren, phức tạp.

Trong khi đó, cơ sở Đảng lại ra đời muộn, trong

những tháng đầu sau khi chính quyền cách mạng thành lập, Phú Lương vẫn chưa có chi bộ Đảng. Vì thế, việc triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, có lúc chưa được kịp thời.

Tất cả tình hình trên đặt ra nhiệm vụ trước mắt cho nhân dân các dân tộc Phú Lương là phải nhanh chóng ổn định và nâng cao đời sống, củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng mọi mặt để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

II. CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG - XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN

Thấm nhuần bản chỉ thị: "Kháng chiến - kiến quốc" (25-11-1945) của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, các cán bộ Đảng được phân công phụ trách phong trào ở Phú Lương cùng với ủy ban nhân dân các cấp trong huyện đã vận động tổ chức toàn dân thực hiện các biện pháp cách mạng. Từng bước tháo gỡ mọi khó khăn, xây dựng chế độ mới.

Một trong những công việc hàng đầu đối với Phú Lương trong những tháng cuối năm 1945 là đẩy lùi nạn đói, nhanh chóng ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và theo lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch: "Cứ 10 ngày nhịn ăn một

bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo"[1]. Nhân dân Phú Lương tích cực thực hành tiết kiệm. Bằng hình thức lập các "Hũ gạo tiết kiệm", không dùng gạo để nấu rượu, làm bánh. .. nhân dân các dân tộc trong huyện đã dành dụm được một số lượng gạo đáng kể đem giúp đỡ đồng bào những nơi bị nạn đói đe dọa. Truyền thống thương yêu giúp đỡ nhau, "lá lành dùm lá rách", được khơi dậy và phát huy cao độ trong đồng bào các dân tộc.

Để khắc phục một cách căn bản nạn đói nghèo, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, chính quyền cách mạng và đoàn thể các cấp vận động bà con đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Ruộng đất, đồi nương được khai phá và gieo trồng các loại cây lương thực và hoa màu ngắn ngày. Nhờ vậy, chỉ trong thời gian ngắn, diện tích canh tác được mở rộng, sản lượng lương thực và hoa màu tăng lên.

Sau Cách mạng tháng 8, nền tài chính của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở trong tình trạng trống rỗng. Ngân sách quốc gia lúc đó chỉ có trên 1.000.000 đồng, trong đó gần một nửa là rách nát, không thể lưu hành được. Để khắc phục tình trạng này, Đảng và Nhà nước kêu gọi toàn dân quyên góp.

---

(1) Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV - NXB Sự thật - Hà Nội 1984, trang 27.

Với lòng yêu nước và tin tưởng tuyệt đối vào chế độ mới, cùng đồng bào cả nước, nhân dân các dân tộc Phú Lương hăng hái tham gia xây dựng "Qũy độc lập" và phong trào "Tuần lễ vàng". Họ tình nguyện dành một phần tài sản của mình, vận động nhau quyên góp tiền của, vàng, bạc đóng góp cho Nhà nước cách mạng non trẻ của mình.

Nhiều bài ca cổ động được lưu truyền rộng rãi, có tác dụng to lớn trong việc vận động đồng bào ủng hộ vàng, bạc cho Nhà nước:

"Đeo vàng chỉ tổ nặng tai
Đeo kiềng nặng cổ, hỡi ai có vàng
Làm dân độc lập vẻ vang
Mang vàng cứu nước giàu sang nào tày
Đem vàng đổi súng cối xay
Đánh tan giặc, Nước có ngày Vinh quang".

Nhiều chị em phụ nữ còn đem cả nhẫn cưới, vàng khuyên, bộ xà tích... ủng hộ chính quyền. Đó là những cử chỉ cao đẹp thể hiện tấm lòng của người dân Phú Lương đối với chế độ, góp phần khắc phục khó khăn về tài chính của Nhà nước dân chủ nhân dân trong những ngày mới ra đời.

Cùng với việc giải quyết nạn đói, việc xóa bỏ tình trạng mù chữ trong nhân dân là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng đối với công việc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng. Muốn giữ vững nền độc

lập, muốn làm cho dân giàu, nước mạnh, "mọi người Việt Nam phải có hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ" [1]. Nhận thức ra điều đó, nhân dân các dân tộc Phú Lương tích cực hưởng ứng lời kêu gọi chống nạn thất học của Hồ Chủ tịch:" Những người đã biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho tốt. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ chưa biết thì con bảo" [2]. Chính quyền cách mạng các cấp quan tâm và toàn dân hưởng ứng, từ sau tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, phong trào học tập văn hóa trong huyện càng được đẩy mạnh. Ban bình dân học vụ huyện được thành lập do ông Phan Văn Đắc làm trưởng ban và Phan Văn Thơ làm phó trưởng ban. Các trường, lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa được mở ở các thôn, xóm, đến tận các bản vùng cao như: Làng Cam, Ao Đồng, khau Quám của đồng bào Dao.

Mọi người dân từ già đến trẻ đều hăng hái tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Chị em phụ nữ có con nhỏ cũng đưa con đến lớp học. Ban ngày, bà con thi đua tăng gia sản xuất, ban đêm rủ nhau mang đèn, sách đến lớp học.

---

(1);(2) Hồ Chí Minh toàn tập, tập IV, sách đã dẫn, trang 28.

Nạn mù chữ trong đồng bào các dân tộc nhanh chóng được đẩy lùi từng bước.

Đến cuối năm 1948, Phú Lương đã là huyện đứng thứ hai trong tỉnh Thái Nguyên trong công tác thanh toán nạn mù chữ.

Bên cạnh hệ thống các trường, lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, các trường phổ thông được duy trì và phát triển. Trường sơ học yếu lược ở tổng Ninh Tường cũng như các trường hướng sở ở các xã vẫn tiếp tục mở cửa, đón con em nhân dân lao động vào học. Sau ngày tổng khởi nghĩa, Phú Lương có ba trường sơ học yếu lược đặt ở Yên Ninh, Động Đạt, Phủ Lý. Đội ngũ giáo viên đều do tỉnh điều động đến giảng dạy.

Do trình độ văn hóa được nâng cao từng bước, nhân dân các dân tộc Phú Lương thoát dần khỏi tình trạng tăm tối trước đây. Các tập tục lạc hậu, các tệ nạn xã hội trong đồng bào các dân tộc nhờ đó giảm xuống nhanh chóng. Cuộc sống mới có văn hóa đang được sinh sôi, nảy nở.

Trong hoàn cảnh vừa mới ra đời, lại phải giải quyết nhiều công việc quan trọng và cấp bách, vấn đề củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp ở địa phương trở thành một nhiệm vụ hàng đầu, có ý nghĩa quyết định.

Vào thời kỳ đầu khi mới thành lập, Ủy ban nhân dân lâm thời các cấp trong huyện đã đáp ứng được yêu cầu của

cách mạng. Đến thời kỳ này, trước những yêu cầu mới ngày càng cao, bộ máy chính quyền lâm thời đã tỏ ra có nhiều hạn chế. Vì vậy, từ ngày Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (06 - 01 - 1946) thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, tại các xã trong huyện, nhân dân các dân tộc nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân. Ngay sau đó, Ủy ban nhân dân hành chính chính thức từ xã lên huyện được thành lập. Tháng 10 năm 1946, Ủy ban hành chính chính thức đầu tiên của huyện Phú Lương ra đời, gồm có: Ông Phan Văn Tình (chủ tịch), ông Hoàng Gia Dũng (phó chủ tịch) và ông Phan Chân Chính (ủy viên). Các ban chuyên môn như: Ban thông tin, Ban bình dân học vụ, Ban cứu tế, Ban phá hoại, Ban giao thông liên lạc, Ban đón tiếp đồng bào tản cư... lần lượt hình thành. Mỗi Ban đều có hệ thống tổ chức từ huyện xuống các xã.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp trong huyện, hệ thống các đơn vị hành chính ở Phú Lương cũng được sắp xếp lại cho phù hợp. Yêu cầu của cách mạng trong thời kỳ hiện tại cũng như sau này đòi hỏi bộ máy chính quyền và các đơn vị hành chính phải tinh giảm tình trạng cồng kềnh, dẫn đến sự trì trệ trong chỉ đạo mọi hoạt động. Do vậy vào lúc này, hình thức tổ chức các cấp châu, tổng, xã như dưới thời đế quốc, phong kiến không còn thích hợp.

Thực tế đã chỉ rõ: Xã là đơn vị cơ sở có ý nghĩa quan trọng. Cán bộ xã là cán bộ bán thoát ly, một nửa ngày làm việc cho xã hội, một nửa ngày tham gia lao động sản xuất. Tổng là đơn vị hành chính trung gian không cần thiết đã được xóa bỏ.

Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, Phú Lương có 7 tổng, 23 xã, đến lúc này được tổ chức lại thành 12 xã [1], với tổng số dân khoảng 13.000 người. Dưới cấp xã là thôn, mỗi thôn có một trưởng thôn làm nhiệm vụ đôn đốc mọi công việc hành chính.

Sau ngày kháng chiến bùng nổ trong toàn quốc

---

(1) Tổng Yên Thịnh có 3 xã: Lộc Trạch, Yên Trạch và Yên Ninh, được đặt thành 2 xã: Yên Trạch (gồm có Yên Trạch và Lộc Trạch) và Yên Ninh.

Tổng Ninh Tường có 7 xã được đặt thành 1 xã lấy tên là Hợp Thành.

Tổng Yên Đổ có 3 xã đổi thành 2 xã: Yên Đổ và Yên Lạc (gồm có Yên Lạc và Nam).

Tổng Động Đạt có 3 xã được sắp xếp lại thành 2 xã: Động Đạt và Phấn Mễ (gồm có Phấn Mễ và Phấn Sức).

Tổng Tức Tranh có 3 xã đổi thành 2 xã Phú Đô và Tức Tranh (gồm Tức Tranh và Đan Khê).

Tổng Cổ Lũng có 3 xã đổi thành 2 xã Vô Tranh và Cổ Lũng (gồm có Cổ Lũng và Bá Sơn).

Tổng Sơn Cẩm có 3 xã (Thanh Trà, Sơn Cẩm và Quan Triều) đổi thành 1 xã là Sơn Cẩm.

(19-12-1946), thực hiện chủ trương của Trung ương, bên cạnh Ủy ban hành chính, khoảng đầu tháng 3-1947, Ban bảo vệ chuyển thành Ủy ban kháng chiến do ông Phan Văn Sáng làm chủ tịch. Như vậy về mặt chính quyền, cũng như ở các nơi khác, ở Phú Lương lúc này có hai hình thức Ủy ban song song tồn tại: Ủy ban hành chính chuyên lo điều hành các công việc hành chính, Ủy ban kháng chiến chuyên lo việc chuẩn bị và chỉ đạo công cuộc kháng chiến ở địa phương.

Một thời gian sau, để tránh tình trạng chồng chéo, dẫm đạp lên nhau, theo chủ trương Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến được thống nhất thành Ủy ban kháng chiến - hành chính - Ủy ban kháng chiến - hành chính đầu tiên của huyện Phú Lương gồm 7 người:

+ Ông Phan Văn Sáng: Chủ tịch
+ Ông Phan Văn Tĩnh: Phó chủ tịch
+ Ông Phan Chân Chính: Ủy viên
+ Ông Hoàng Gia Dũng: Ủy viên
+ Ông Đỗ Văn Quyết: Ủy viên
+ Ông Chu Bình Long: Ủy viên
+ Ông Hoàng Văn Thân: Ủy viên

Cũng từ thời gian này trở đi, bộ máy chính quyền các cấp trong huyện Phú Lương từng bước được kiện toàn, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ tổ chức, giáo dục và lãnh

đạo nhân dân tham gia vào cộng cuộc kháng chiến - kiến quốc.

Song song với việc củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, các đoàn thể quần chúng cũng được mở rộng. Mặt trận Việt Minh có cơ sở rộng rãi trong nhân dân các dân tộc, các Hội Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc... được tổ chức thành một hệ thống chặt chẽ từ huyện xuống xã. Các xã đều có ban Việt Minh, Ban chấp hành Mặt trận Việt Minh, châu Tiến Bộ được bầu ra, do ông Hoàng Thái Tuyền làm chủ nhiệm.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở địa phương và để đáp ứng với những yêu cầu ngày càng cao của công cuộc kháng chiến - kiến quốc, việc xây dựng và phát triển cơ sở Đảng đã trở thành một yêu cầu bức thiết. Khác với một số địa phương ở trong tỉnh, do những điều kiện khách quan, đầu năm 1942 mới có cán bộ cách mạng đến hoạt động tuyên truyền, hơn nữa lại có tổ Đảng cứu quốc quân trực tiếp lãnh đạo, cho nên đến ngày giành được chính quyền (09-1945), Phú Lương vẫn chưa thành lập được cơ sở Đảng.

Từ sau ngày thành lập chính quyền, trước những nhiệm vụ rất to lớn và nặng nề, vấn đề xây dựng và phát triển Đảng ở địa phương được đặt ra trực tiếp. Mặt khác trải qua những năm đấu tranh trong thời kỳ bí mật, đội ngũ cán bộ

và quần chúng cách mạng ở địa phương đã từng bước được trưởng thành, có đầy đủ điều kiện để tiến hành công tác phát triển Đảng. Cùng thời gian này, Tỉnh ủy Thái Nguyên liên tiếp cử cán bộ có kinh nghiệm đến Phú Lương để trực tiếp chỉ đạo phong trào và gây dựng cơ sở Đảng.

Cuối năm 1945, đồng chí Lê Phương được Tỉnh ủy phân công về phụ trách phong trào ở Phú Lương thay cho đồng chí Vũ Hưng (tức Hai Cao).

Sau một thời gian được tuyên truyền, thử thách, vào tháng 2-1946, một số cán bộ chủ chốt ở địa phương như: Phan Văn Sáng, Phan Văn Quế, Phan Văn Tĩnh, Nguyễn Thị Hát được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Chi bộ cơ quan được thành lập tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện [1]. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Phú Lương do đồng chí Lê Phương trực tiếp làm bí thư.

Đến tháng 4-1946, chi bộ Đảng cơ quan kết nạp thêm hai Đảng viên mới là Nguyễn Đại Hải và Nguyễn Thiện Tùng. Cũng vào lúc này ban cán sự Đảng ra đời [2] do đồng chí Lê Phương làm trưởng ban. Ban cán sự Đảng là một cơ quan có chức năng như một huyện ủy, chịu trách nhiệm trước Đảng bộ cấp trên về việc lãnh đạo các cấp chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương thực hiện

---

(1) Đặt tại lô cốt trên tri huyện ở Đu.

(2) Gồm có Lê Phương, Phan Văn Quế, Phan Văn Tĩnh.

mọi đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Trong năm 1946, các xã đều lần lượt xây dựng các chi bộ Đảng. Trên cơ sở đó đến tháng 11-1946, Huyện ủy lâm thời Phú Lương được thành lập gồm 3 đồng chí: Thái Bảo (tức Thuận), Nguyễn Vũ và Phan Văn Quế do đồng chí Thái Bảo là bí thư.

Đầu năm 1947, đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ nhất được triệu tập, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới và bầu ra Ban huyện ủy chính thức. Đồng chí Hứa Đình Khánh - cán bộ tăng cường của tỉnh được bầu làm bí thư, đồng chí Phan Văn Tĩnh và Nguyễn Hữu Tài là ủy viên thường vụ.

Việc thành lập Đảng bộ cùng với Ban huyện ủy là một sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của phong trào cách mạng Phú Lương. Đồng thời nó tạo ra điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng ở địa phương phát triển nhanh chóng. Kể từ lúc này trở đi, mọi mặt công tác ở Phú Lương đã có một Đảng bộ ngay tại cơ sở trực tiếp lãnh đạo.

Công cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân đòi hỏi phải đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang. Ngoài những đơn vị tự vệ đã có từ trước, ngay sau khi Ủy ban nhân dân lâm thời châu ra đời, tiểu đội cảnh vệ được thành lập gồm có 11 cán bộ và

chiến sĩ do ông Phan Văn Bố làm tiểu đội trưởng. Tiểu đội cảnh vệ có nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng ở địa phương. Về sau, tiểu đội này phát triển thành trung đội gồm 27 cán bộ và chiến sĩ do ông Ma Quốc Oai làm trung đội trưởng, ông Nguyễn Hữu Thành làm chính trị viên.

Từ sau ngày Nam Bộ kháng chiến (23-09-1945), theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, cùng với nhân dân toàn tỉnh, con em đồng bào các dân tộc Phú Lương tình nguyện đến các "Phòng Nam Bộ" ghi tên vào các đội quân Nam tiến. Họ lập nên chiến công trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Nhiều con em của đồng bào các dân tộc cũng có mặt trong trung đoàn Bắc Thái từ những ngày đầu thành lập.

Hầu khắp các xã đều xây dựng các đội tự vệ, đội du kích. Các đơn vị tự vệ và đội du kích đều có chương trình huấn luyện thường xuyên. Cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang được giáo dục tư tưởng, chính trị, luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Đội du kích thị trấn Chợ Mới được trang bị tương đối tốt, có tổ chức chỉ huy chặt chẽ.

Ngày 19-12-1946, đứng trước những hành động xâm lược ngày càng trắng trợn của thực dân Pháp, để bảo vệ độc lập và chủ quyền của đất nước, tiếng súng toàn quốc kháng chiến bùng nổ trước tiên tại thủ đô Hà Nội rồi nhanh

chóng lan rộng ra các địa phương.

Tại Phú Lương, cho đến đầu năm 1947, chiến sự vẫn chưa lan tới. Mặc dù vậy, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương vẫn nêu cao tinh thần chủ động, tích cực chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến. Các ban tản cư, tiếp cư tiếp tục hoạt động tích cực, vừa tổ chức đưa các gia đình ở những nơi địch có thể đánh đến nơi an toàn, vừa phải tổ chức tiếp đón và bố trí nơi ăn, ở cho đồng bào miền xuôi tản cư lên. Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch: "Vô luận thế nào các Ủy ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ", dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền và đoàn thể địa phương nhanh chóng tiếp nhận đồng bào, phân chia khu vực định cư, tổ chức ổn định cuộc sống. Trại sản xuất Phia Đén được thành lập đã góp phần giúp đỡ đồng bào tản cư sớm ổn định đời sống, tham gia mọi hoạt động cùng với nhân dân địa phương.

Đồng thời với việc tổ chức tản cư và tiếp cư, công tác phá hoại để kháng chiến được tiến hành khẩn trương. Sau khi phá xong đồn Phấn Mễ và nhà chủ Tây, việc tiêu thổ kháng chiến bắt đầu được triển khai thực hiện. Tất cả các cầu và quãng đường từ cầu số 5 thuộc xã Sơn Cẩm lên phố Đu đều được phá. Mặt đường được đào hố theo hình bậc thang, mỗi hố cách nhau khoảng 1,50 m, sâu 0,50 m, rộng 0,4m, dài bằng 4/5 lòng đường. Hai bên lề đường đều có

hầm hào. Tất cả nhà gạch ở gần các trục đường cũng đều bị phá trụi. Toàn dân thực hiện khẩu hiệu "Vườn không nhà trống". Các gia đình đều có hũ gạo nuôi quân. Toàn bộ bộ đội địa phương và dân quân tự vệ được huy động làm nhiệm vụ cắm chông trên các bãi ở đồn điền Na, từ đồi cà phê ở Đuổm đến các bãi ở Trào. Công việc cắm chông phòng chống quân nhảy dù được tiến hành từ tháng 3 và đến tháng 5 - 1947 đã hoàn thành.

Phú Lương là một huyện nằm trên trục đường số 3, lại là cửa ngõ ra vào của An Toàn khu (ATK) kháng chiến.

Nhận rõ vị trí quan trọng đó, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện rất coi trọng việc giáo dục quân và dân ý thức bảo mật phong gian, sẵn sàng đánh địch. Mọi người dân từ già đến trẻ đều thực hiện khẩu hiệu "ba không" (Không biết, không nghe, không thấy) một cách triệt để. Phương án tác chiến được xây dựng. Ban giao thông liên lạc vạch ra kế hoạch cụ thể trong thời bình cũng như trong thời chiến. Các đường dây liên lạc từ xã này sang xã khác đều được tổ chức qua những nơi hẻo lánh, kín đáo. Các địa điểm liên lạc đều được bố trí ở những nơi bí mật. Bộ phận làm công tác liên lạc có người chính và người phụ, nhằm bảo đảm việc liên lạc được thông suốt trong bất cứ trường hợp nào. Kế hoạch tiếp tế, tải thương cũng được đề ra rõ ràng, cụ thể. Đội ngũ cán bộ và nhân viên tiếp tế, tải

thương được tổ chức và lãnh đạo thống nhất từ huyện xuống các xã. Cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang đều được tham dự các lớp tập huấn ngắn ngày về cách sử dụng binh khí, cách đánh giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, đánh địa lôi, về canh gác báo động, truyền tin... Huyện đã chuẩn bị đầy đủ các điểm sơ tán, đồng thời phân công cán bộ xuống trực tiếp phụ trách các xã. Cán bộ phụ trách xã nào đều xây dựng kế hoạch tác chiến của xã ấy. Cán bộ cấp xã phân công nhau phụ trách đến tận xóm và từng gia đình để vừa đảm bảo đánh địch, vừa đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, quyết tâm không để một người dân bị địch bắt, không để một hạt gạo rơi vào tay kẻ thù.

Mặc dù mọi kế hoạch chuẩn bị kháng chiến đã được vạch ra nhưng việc tổ chức thực hiện có mặt còn chậm trễ, nhất là công tác tiêu thổ kháng chiến. Cho đến tháng 3-1947, toàn huyện Phú Lương mới phá xong đồn Phấn Mễ và nhà chủ tây. Tuyến đường số 3 và nhân dân hai bên đường vẫn còn nguyên vẹn, trong khi đó ở nhiều địa phương khác đã hoàn thành triệt để.

Sở dĩ có tình trạng trên là do trong cán bộ và nhân dân còn có tư tưởng chủ quan, khinh địch. Mặt khác, trong khi ta phán đoán mưu đồ và hướng tiến công của địch có chỗ không được đúng lắm, nhiều khi sai. Chính vì vậy, sự đôn đốc, kiểm tra của cấp trên đối với địa phương cũng không

thường xuyên tích cực.

Những hạn chế, thiếu sót trên phần nào đã ảnh hưởng đến tinh thần và hiệu quả chiến đấu của quân và dân địa phương trong những ngày đầu thực dân Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới (07-10-1947).

Tuy có những thiếu sót, nhưng thực tế lịch sử đã chứng minh rằng, tuy ra đời muộn nhưng Đảng bộ Phú Lương đã tỏ rõ năng lực lãnh đạo khá vững vàng. Cán bộ, đảng viên của Đảng bộ luôn nêu cao tính tiên phong gương mẫu, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao.

Các cấp chính quyền, các ban chuyên môn của huyện, các đoàn thể quần chúng luôn bám sát cơ sở, làm việc có kế hoạch. Do đó, nhìn chung mọi mặt công tác ở huyện đều được triển khai kịp thời. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ trong quần chúng ngày càng được nâng cao và mở rộng. Trải qua thực tiễn công tác, cán bộ chính quyền và đoàn thể các cấp trong huyện ngày càng có thêm kinh nghiệm trong việc vận động và lãnh đạo quần chúng.

Đó chính là những nhân tố thắng lợi giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong những năm trước mắt.

CHƯƠNG IV

PHÚ LƯƠNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN THẦN THÁNH CỦA DÂN TỘC

I. GÓP SỨC VÀO CHIẾN THẮNG THU ĐÔNG 1947

Sáng ngày 07-10-1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc, căn cứ kháng chiến chống Pháp của cả nước ta, nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, chiếm đóng Việt Bắc, lập chính phủ bù nhìn, nhanh chóng kết thúc chiến tranh và đặt lại ách thống trị lên đất nước ta. Đánh lên Việt Bắc, thực dân Pháp còn nhằm khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng ở Trung Quốc và các nước bầu bạn, cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Chúng đã ném vào cuộc tấn công này 5 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn công binh, 2 phi đội gồm 60 máy bay các loại, 1 thủy đội 40 tầu chiến ca nô, 800 xe ô tô và một tiểu đoàn xung kích hải quân. Tổng số binh lực khoảng 15.000 tên.

Mở đầu chiến dịch, binh đoàn đổ bộ đường không của quân Pháp đã nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn và Chợ Mới. Trên đất Phú Lương đã có giặc. Chiến tranh đã bất ngờ ập

tới Phú Lương.

Phú Lương không những nằm ở vị trí cửa ngõ phía đông của An Toàn khu, mà còn có nhiều cơ quan kháng chiến của Trung ương đóng tại các xã phía tây và phía bắc như: Ôn Lương, Hợp Thành, Yên Đổ... Mộp số xã phía nam có các cơ sở công nghiệp Quốc phòng, trong đó có xưởng chế tạo vũ khí của Bộ Quốc phòng đặt tại Phấn Mễ.

Vì vậy, Đảng bộ Phú Lương lúc này một mặt phải ổn định tư tưởng cho quần chúng trong huyện, mà trước hết là ngay trong nội bộ Đảng do tư tưởng chủ quan trước đây gây ra (cho rằng địch không thể mạo hiểm tấn công lên Phú Lương), nhanh chóng đưa dân ở ven đường số 3 vào sâu trong núi đánh giặc. Mặt khác, Đảng bộ phân công cán bộ xuống các xã tập hợp lực lượng dân quân du kích, sẵn sàng phối hợp với bộ đội, tự vệ các cơ quan, xí nghiệp đánh địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ cơ sở kháng chiến, đồng thời huy động lực lượng phá hoại giao thông và các công trình kiến trúc khác không cho địch lợi dụng khi chúng tấn công đến. Trên bình diện chiến lược, phán đoán ý đồ hành động trong âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của địch, ngay từ tháng 5 - 1947, tại Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ III Trung ương đã nhận định hai khả năng: hoặc là địch có thể càn quét lớn ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, mở rộng

phạm vi chiếm đóng, hoặc là chúng sẽ tấn công lên Việt Bắc chiếm đóng Phúc Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang... Trung ương nhấn mạnh khả năng thứ hai là khả năng có nhiều hơn. Trong chỉ thị ngày 15-09 và tiếp đó Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ IV, Đảng cũng nhận định có thể địch tấn công lên Việt Bắc.

Trên cơ sở những nhận định của Trung ương, của Bộ tổng chỉ huy, căn cứ vào diễn biến tình hình, Tỉnh ủy Thái Nguyên đưa ra dự đoán "Địch có thể nhảy dù để phối hợp với bộ binh càn quét, chiếm đóng Thái Nguyên nhằm thực hiện âm mưu tốc chiến tốc thắng", từ đó chỉ thị cho các huyện trong tỉnh, trong đó có Phú Lương, khẩn trương triển khai mọi công tác, sẵn sàng chiến đấu.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy, huyện Phú Lương đã có ngay chủ trương cho Đảng bộ và chính quyền từ huyện đến cơ sở chuẩn bị cho toàn dân và lực lượng vũ trang, bán vũ trang huyện sẵn sàng chống phá với cuộc tấn công của địch, sẵn sàng đánh địch.

Từ cuối năm 1946, đầu năm 1947, hệ thống tổ chức Đảng từ huyện xuống đến các xã mới được xây dựng, hình thành, số lượng Đảng viên còn ít, kinh nghiệm lãnh đạo chưa nhiều. Tổ chức chính quyền đã qua hai đợt củng cố, từng bước tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Tổ chức lực lượng vũ trang, đặc biệt là dân quân du

kích đã được Huyện ủy coi trọng phát triển, xây dựng, huấn luyện, trang bị. Các xã có vị trí xung yếu như: Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Động Đạt, ngoài việc bồi dưỡng cốt cán cơ sở, huyện còn cử những cán bộ có năng lực phụ trách. Các đồng chí Bí thư huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các mặt chuẩn bị kháng chiến của những xã này.

Từ đầu năm 1947, ở tất cả các xã trong huyện, mỗi xã đã có từ 60 đến 70 nam nữ chiến sĩ du kích và xã nào cũng có một trung đội mạnh để cơ động chiến đấu. Riêng các xã trọng điểm có tới 2 trung đội, trang bị tuy thô sơ nhưng tinh thần thì rất hăng hái. Huyện có một đơn vị du kích tập trung gồm 70 cán bộ chiến sĩ, đặt dưới sự chỉ huy của huyện đội trưởng dân quân. Tuy nhiên, do nhận thức không đầy đủ âm mưu, hành động của địch như chỉ thị của Trung ương đã chỉ ra, một số địa phương trong đó có Đảng bộ và nhân dân Phú Lương đã phạm phải sai lầm chủ quan, khinh địch. Vì vậy cho đến đầu 1947, toàn bộ các kiến trúc kiên cố, đường sá, cầu cống trong huyện, trọng đó có đường số 3 vẫn không được phá hoại. Các chợ Giang Tiên, chợ Đu vẫn sầm uất, đông người mua kẻ bán. Thêm vào đó, số người tản cư từ Hà Nội và các tỉnh bạn vào huyện từ tháng 12 -

1946, đầu năm 1947 cũng dừng lại theo trục đường số 3 từ Quán Triều, Km số 5, ngã ba Bờ Đậu, Giang Tiên, Đu, Đuổm, Trào, từ sáng sớm đến nửa đêm, lúc nào cũng có hàng quán bán, mua tấp nập. Khi địch nhảy dù chiếm đóng Chợ Mới, những tụ điểm này vỡ ra, gây hoảng loạn trong dân chúng, huyện lại phải tập trung ổn định tinh thần, giải quyết nơi ăn, chốn ở và việc làm cho hàng trăm hộ trong tình thế bị động.

Về quân sự, nhiều tháng trước đó, huyện đã dốc sức đôn đốc các xã xây dựng lực lượng dân quân, du kích, vận động nhân dân ủng hộ lương thực, vũ khí, cử nhiều đảng viên, cốt cán đi đào tạo cán bộ chỉ huy ở các trường võ bị Trần Quốc Tuấn, trường Quân chính Bác Sơn, trường Quân chính Liên khu, dân quân du kích các xã thường xuyên được huấn luyện cách đánh du kích, động tác quân sự cơ bản và học cách sử dụng các loại vũ khí, xây dựng làng xã chiến đấu. Huyện đã động viên toàn dân trong huyện làm hàng vạn ngọn chông tre và cắm xuống các cánh đồng Phố Giá, Đu, Trào, Lộng để chống quân nhảy dù. Đồng thời có biện pháp trấn áp những phần tử phản động, dẹp bọn cướp, đề phòng Pháp sẽ lợi dụng bọn này quấy phá kháng chiến.

Tuy nhiên, do thiếu sự tổ chức chặt chẽ, chỉ huy thống nhất và thiếu cả hệ thông tin liên lạc - dù là chạy

chân, nên chiều ngày 07-10, địch thả 300 quân nhảy dù xuống Chợ Mới thì từ cấp lãnh đạo cao nhất của huyện đến các xã lúng túng. Trước mắt các cấp lãnh đạo chỉ còn biết chuyển dịch cơ quan lùi xa mặt trận [1]. Ba ngày sau, 10-10, huyện mới nắm hết tình hình các xã, huyện đội, dân quân liên lạc đầy đủ với các xã đội.

Do có vị trí quan trọng, Phú Lương đã được sự chỉ đạo kịp thời của Trung ương và của tỉnh. Ngay sau ngày địch nhảy dù chiếm đóng Chợ Mới, tỉnh cử một số cán bộ lên tăng cường cho Phú Lương. Bộ tổng chỉ huy điều 2 tiểu đoàn (D 19 chủ lực của khu và D 160 cơ động của Bộ tổng chỉ huy) đến Phú Lương để tiêu diệt địch ở Chợ Mới.

Vì phải hành quân từ xa, lại phải chuẩn bị chiến trường, nắm tình hình địch, đặt kế hoạch tác chiến phối hợp mất nhiều thời gian, mãi đến 15-10, bộ đội ta mới nổ súng được. Đây là trận đánh lớn, lần đầu tiên có sự hiệp đồng giữa bộ binh và pháo binh, hoàn toàn chưa có kinh nghiệm, về phía địch, chúng đã có 9 ngày để củng cố công sự, xây dựng các ổ đề kháng. Do đó trận đánh đã không đạt mục đích tiêu diệt toàn bộ quân địch, giải phóng thị trấn Chợ Mới, chỉ giết và làm bị thương khoảng một trung đội địch, nhưng

---

(1) Huyện ủy và Ủy ban hành chính - kháng chiến và các cơ quan huyện chuyển vào Ôn Lương, Hợp Thành.

trận đánh đã làm cho địch phải thận trọng, không dám hung hăng sục sạo như những ngày đầu.

Lời kêu gọi toàn dân đánh giặc của Hồ Chủ tịch ngày 08-10, chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp "ngày 15-10 của Ban thường vụ Trung ương Đảng và lời kêu gọi "Hãy kiên quyết chiến đấu bảo vệ Việt Bắc, bảo vệ Tổ quốc "ngày 08-10 của Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ, cùng với trận đánh Chợ Mới đêm 15-10 đã làm trấn tĩnh và có sức cổ vũ tinh thần kháng chiến của đồng bào các dân tộc Phú Lương. Hàng ngàn dân trong huyện ngay sau đó đã tích cực tỏa ra đường số 3, các trục đường lớn trong huyện phá sập tất cả các cầu, cống, xẻ sâu mặt đường [1], đắp ụ cản bước tiến của quân địch. Tất cả những công sở, nhà lớn được phá hủy. Tại các thôn xã, đặc biệt là dọc đường số 3 từ Sơn Cẩm đến Yên Ninh toàn dân làm "vườn không nhà trống".

Tất cả cán bộ của huyện, từ Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính - kháng chiến đến cán bộ các đoàn thể đều được cử xuống các xã, cùng với nhân dân đêm đêm đi làm công việc phá hoại, ban ngày hướng dẫn đồng bào làm hầm hố tránh bom đạn của giặc. Các cấp ủy, chính quyền, xã đội dân quân kiện toàn đội ngũ du kích và lập kế hoạch

---

(1) Đường số 3 được xẻ theo hình xương cá, mỗi hố rộng 0.4m, sâu 0.5m chỉ để sống đường là 0.8 m đủ cho người đi bộ.

chiến đấu bảo vệ xóm làng. Ở các xã phía bắc huyện như Chợ Mới, Yên Đĩnh (lúc bấy giờ còn thuộc huyện Bạch Thông), du kích đã phối hợp với bộ đội chủ lực bám địch ,chặn đánh địch trên đường số 3 .

Ban chỉ huy mặt trận đường số 3 được thành lập theo mệnh lệnh số 132 (ngày 27 - 10 - 1947) của Bộ tổng chỉ huy . Các xã phía đông và tây đường số 3 thuộc huyện Phú Lương được đưa vào địa bàn hoạt động của các đơn vị bộ đội thuộc chỉ huy mặt trận đường số 3. Tất cả các đơn vị du kích của huyện được lệnh phối hợp chặt chẽ với bộ đội tham gia phản công, kiên quyết đánh lại âm mưu chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của giặc. Lực lượng dân quân huyện được huy động bố phòng, canh gác đường vào các khu căn cứ an toàn của Trung ương.

Hệ thống báo động dây chuyền và mạng lưới giao thông thường trực được thiết lập nối liền các xã và lên huyện. Đến cuối tháng 10 năm 1947, cả huyện Phú Lương đã hình thành thế trận, sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 07-11, đúng một tháng chiếm đóng Chợ Mới, quân Pháp ở đây đưa quân càn quét khu vực Suối Bốc. Đại đội 911, có du kích xã phối hợp đã phục kích chặn đánh, diệt 20 tên, buộc chúng phải quay về Chợ Mới. Cùng thời gian này, đơn vị trực chiến của bộ đội huyện ở đồn Na đã bắn rơi máy bay Đa-cô-ta của địch, bắt phi công, thu chiến lợi

phẩm. Sau các trận đánh thắng lợi này, nhân dân hết sức ủng hộ và cổ vũ cán bộ chiến sĩ trong huyện sẵn sàng chiến đấu, lập công.

Do sự phản công quyết liệt của quân và dân ta trên khắp các mặt trận: Sông Lô, đường số 3, hai gọng kìm hợp vây bị bẻ gãy, địch từ thế chủ động dần dần rơi vào thế bị động. Dựa trên sức mạnh chiến đấu của toàn dân và vào thế trận chiến tranh nhân dân, biết dựa vào địa hình rừng núi hiểm hóc, quân và dân Việt Bắc làm cho quân đội Pháp sa vào lưới thiên la địa võng, bị bao vây chia cắt. Lực lượng của chúng ngày càng giảm sút.

Giai đoạn I của chiến dịch còn được gọi là cuộc hành quân Lê An đã kết thúc thất bại cả về ý đồ chiến lược quân sự và những mưu toan chính trị.

Cuối tháng 11 - 1947, thực dân Pháp quyết định triển khai giai đoạn II - được đặt tên là cuộc hành quân vòng đai (Xanh Tuya). Với lực lượng lớn, bao gồm cả hải quân, lục quân và không quân, chúng mở cuộc càn quét trên phạm vi rộng khoảng 8.000 km^2, thuộc khu vực tứ giác: Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - phủ Lạng Thương. Và như vậy không chỉ căn cứ địa Việt Bắc, mà cả vùng phụ cận cũng nằm trong vành đai càn quét của Pháp. Vòng vây này sẽ rút dần lại, thu nhỏ về phía nam Thái Nguyên, đạt đến giới hạn cần thiết thì không quân sẽ tung lữ đoàn đổ

bộ đường không xuống những điểm mà theo tình báo của chúng, chính phủ kháng chiến của Việt Bắc và chủ lực Việt Minh, cùng các kho tàng đang ẩn náu, cất giữ ở đó. Lúc đó, quân hợp vây vòng đai cùng với lính dù càn quét từng ổ nhỏ để lùng bắt chính phủ kháng chiến, tiêu diệt chủ lực Việt Minh, phá nát cơ sở kháng chiến.

Với kế hoạch trên, thực dân Pháp hy vọng cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam bị mất cơ quan đầu não, tiêu vong lực lượng, không còn vật chất, sớm muộn phải đi đến kết thúc chiến tranh có lợi cho Pháp.

Với kế hoạch vòng đai, trung tâm cuộc càn quét của Pháp dồn lại vào Thái Nguyên, trong đó có địa bàn Phú Lương.

Một lần nữa, tài nghệ chỉ đạo chiến tranh nhân dân của Đảng ta, của Bác Hồ được chứng minh.

Mở đầu kế hoạch Xanh Tuya, ngày 22-11 trung đoàn bộ binh Ma Rốc số 5 từ Hòa Bình tràn sang càn quét Phú Thọ. Sau đó một tiểu đoàn vượt sông sang đánh chiếm Việt Trì. Cánh quân do đại tá Com-muy-nan chỉ huy rút khỏi thị xã Tuyên Quang bằng hai đường thủy, bộ tiến về Bình Ca, uy hiếp đường số 13A (Tuyên Quang - Đại Từ), hình thành vòng vây chặn ta ở phía tây. Ngày 25 - 11, trung đoàn Cốt-xtơ từ Phả Lại tiến lên Bắc Giang đánh chiếm phủ Lạng Thương, yểm trợ cho binh đoàn Bô-phơ-rê khép chặt phía đông mặt trận.

Cũng trong thời gian đó, trên tuyến đường số 3, quân Pháp rút bỏ một số vị trí phía bắc và tây bắc Bắc Cạn tập trung lực lượng về Chợ Mới. Đêm 24-11, bọn địch ở Chợ Mới bí mật theo đường rừng hành quân về Định Hóa, càn quét khu vực Quán Vuông, Chợ Chu.

Sáng ngày 26-11, sau khi cho máy bay ném bom bắn phá, địch thả 500 dù xuống La Hiên. Buổi trưa cùng ngày chúng thả tiếp 200 quân xuống Tràng Xá. 700 quân dù nhanh chóng tỏa ra chiếm đóng những vị trí quan trọng ở Võ Nhai. Buổi chiều địch tiếp tục đổ 400 quân dù xuống cánh đồng làng Ngò (Cù Vân- Đại Từ) chiếm giữ các vị trí xung yếu trên tuyến đường 13A. Với cuộc tấn công này, hàng ngàn quân địch tỏa ra đánh chiếm 32 địa điểm trên địa bàn Thái Nguyên, chiến sự ngày càng lan rộng và ác liệt.

Tại Phú Lương, quân Pháp liên tục mở nhiều cuộc càn quét, bắn giết, đập phá. Ngày 25-11, một toán địch từ Chợ Mới hành quân càn quét xuống khu vực cây số 29 quốc lộ 3, bất ngờ chạm trán với một trung đội du kích tập trung của huyện đang trên đường lên Yên Ninh gặt lúa giúp dân. Du kích không kịp triển khai chiến đấu, bị địch tấn công, khiến 6 chiến sĩ hy sinh, số còn lại thoát vào rừng.

Ngày 28 - 11, một đại đội địch từ làng Ngò tiến ra càn quét xã Cổ Lũng, Sơn Cẩm. Ngày 1-12, một trung đội địch từ làng Ngò càn quét xuống Quán Triều rồi ngược lên khu vực cầu Long Bong. Ngay đêm hôm đó,

vệ quốc đoàn và du kích tổ chức tập kích buộc chúng phải tháo chạy trở lại làng Ngò. Ngày 02-12, quân Pháp càn vào Phú Đô, bị du kích chặn đánh làm bị thương 3 tên, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn quét. Ta thu 8 quả lựu đạn.

Tiếp đó ngày 07-12, một trung đội địch càn vào trại Táo bị du kích địa phương phục kích tiêu diệt 1 tên. Ngày 10-12, 200 tên địch từ làng Ngò hành quân lên đồn Đu, đến Bờ Đậu gặp một tiểu đoàn vệ quốc và một tiểu đội du kích đang ngồi nghỉ trên đường hành quân. Do bị bất ngờ, ta không kịp triển khai chiến đấu, bị địch tấn công phải rút lên rừng, một du kích hy sinh, một chiến sĩ vệ quốc đoàn bị thương. Cùng ngày, một toán quân địch càn vào Giang Tiên, bị một du kích phục kích diệt một tên. Gần đến cầu Lân (Phấn Mễ), toán quân này lại bị một đại đội chủ lực chặn đánh, diệt 9 tên, làm bị thương hai tên.

Ngày 11-12, du kích Phú Lương phối hợp với bộ đội đánh địch tại Sơn Cẩm, diệt một tên.

Ngày 12-12, khoảng 300 tên địch từ đồn Đu hành quân càn quét dọc đường số 3 lên Chợ Mới. Đến khu vực Chánh Binh chúng bị một tiểu đội du kích chặn đánh, đội hình địch rối loạn. Nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, du kích không cản được bước tiến của địch.

Ngày 14-12, từ đồn Đu, một toán địch tràn vào thôn Gia

Khánh (Giang Tiên), tiểu đội du kích tập trung của huyện do tiểu đội trưởng Trần Đức Long phụ trách, phục kích, giật mìn, diệt và làm bị thương 7 tên, buộc chúng phải tháo chạy về đồn.

Liên tiếp trong 3 ngày 13,14,15-12-1947, du kích và bộ đội chủ lực bao vây, quấy rối, khống chế địch tại đồn Đu. Không chịu được sự căng thẳng và lo sợ bị tiêu diệt, ngày 16-12, quân địch phải rút về làng Ngò. Trên đường rút chạy, đến khu vực Dốc Võng, địch lại bị bộ đội và du kích chặn đánh, diệt và làm bị thương 5 tên.

Do bị quân và dân ta đánh mạnh ở khắp nơi, vòng vây của địch quanh khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên - Việt Trì - phủ Lạng Thương không sao khép lại được. Mục tiêu phá tan căn cứ địa, lùng bắt cơ quan đầu não kháng chiến của ta và tiêu diệt chủ lực Việt Minh trong kế hoạch Xanh Tuya bị thất bại hoàn toàn. Địch lại bị tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến tranh. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy quân đội Pháp quyết định phải bỏ dở cuộc tấn công và cho rút chạy khỏi Việt Bắc. Trên đường rút chạy, quân Pháp còn bị quân và dân ta truy kích, chặn đánh tại Đồng Hỷ, Đại Từ... gây cho chúng nhiều tổn thất.

Như vậy, sau hơn một tháng chiến đấu, quân và dân Phú Lương liên tục đánh địch nhiều trận, diệt và làm bị thương hàng chục tên địch. Thu nhiều vũ khí và phương tiện chiến

tranh, góp phần cùng quân và dân toàn tỉnh, quân và dân Việt Bắc làm phá sản hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của địch, đưa cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta lên một bước phát triển mới.

Qua thực tế chiến đấu, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương rút ra được những bài học quý giá trong công tác lãnh đạo và tiến hành chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện là: Sự thống nhất, khẩn trương, cương quyết trong lãnh đạo. Nhờ đó, huyện đã nhanh chóng khắc phục được những khó khăn lúng túng ban đầu, tổ chức phá hoại nhanh, triệt để, làm vườn không nhà trống, cất giấu của cải tốt, hạn chế được nhiều thiệt hại do địch gây ra trong các cuộc càn quét.

Cũng qua chiến dịch này chúng ta đã bộc lộ rõ những yếu kém trong công tác triển khai chiến đấu. Trước hết, do huyện Phú Lương chưa trải qua các cuộc chống địch khủng bố, càn quét như Võ Nhai, Đại Từ, cho nên các cấp lãnh đạo và dân quân, du kích chưa có kinh nghiệm tổ chức chiến đấu và chiến đấu, chưa xây dựng được kế hoạch phối hợp tác chiến giữa các lực lượng vũ trang trong toàn huyện với nhau và với các đơn vị bộ đội chủ lực. Vì thế Phú Lương không tổ chức được những trận đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch. Một số trận ta bị tổn thất là bài học kinh nghiệm về tinh thần thường xuyên cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

Cơ quan Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Phú Lương (1995)

II. XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG CHI VIỆN TIỀN TUYẾN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI HOÀN TOÀN THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1948-1954)

Sau chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947 kết thúc thắng lợi, cũng như các địa phương khác trong tỉnh Thái Nguyên, Phú Lương trở thành vùng tự do, trở thành hậu phương của cuộc kháng chiến, đồng thời còn là hậu phương trực tiếp của An Toàn khu. Trong giai đoạn mới, nghị quyết đại hội Đảng bộ thứ hai của huyện xác định nhiệm vụ của Phú Lương thời kỳ này là: Xây dựng hậu phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao, động viên sức người sức của đến mức cao nhất chi viện cho tiền tuyến, góp phần đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp.

Là địa bàn An Toàn khu, cửa ngõ phía nam trực tiếp vào trung tâm căn cứ địa, lại có quốc lộ 3 chạy suốt chiều dài của huyện qua Bắc Cạn, lên Cao Bằng ra biên giới Việt Trung, Phú Lương không thể không bị thực dân Pháp nhòm ngó.

Hơn nữa, mặc dù đã thất bại trong chiến dịch Thu Đông 1947, nhưng thực dân Pháp vẫn cố bám lấy Bắc Cạn. Tại đây chúng chiếm đóng năm điểm: Thị xã Bắc Cạn, Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn và Bằng Khẩu. Ở các vị trí này, quân địch ra sức củng cố hệ thống phòng thủ nhằm thực hiện ý đồ chiếm đóng lâu dài. Đây là năm cái chốt

điểm yếu cắm sâu trong khu căn cứ địa, khống chế một vùng rộng lớn, gây nhiều khó khăn cho công cuộc kháng chiến của ta. Đồng thời nó còn là năm cơ sở tại chỗ phục vụ cho ý đồ của địch sẽ tấn công lên Việt Bắc một lần nữa khi có thời cơ. Vì vậy mặc dù là huyện của hậu phương trong căn cứ địa, nhưng lại rất gần địch, quân và dân Phú Lương luôn luôn nêu cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, đập tan hành động quân sự của địch, nếu chúng tấn công vào căn cứ kháng chiến của cả nước.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, Đảng bộ luôn luôn chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng vũ trang. Ngay từ tháng 1 - 1948, huyện đã cử nhiều cán bộ tham dự huấn luyện bổ túc đại đội trưởng do Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức. Các đơn vị dân quân du kích thay phiên nhau huấn luyện từ bảy đến mười ngày cả về quân sự và chính trị.

Đảng bộ chỉ đạo các ngành, các đoàn thể, bằng nhiều hình thức vận động, tuyên truyền trong nhân dân, làm dấy lên một phong trào thi đua xây dựng lực lượng vũ trang. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy cử nhiều cấp ủy viên, đảng viên tham gia trong các đơn vị dân quân du kích. Nhờ đó lực lượng vũ trang Phú Lương không chỉ tăng nhanh về số lượng mà chất lượng cũng được nâng cao. Tính đến tháng 6-1948, mỗi xã trong

huyện có từ một đến hai trung đội du kích, mỗi thôn có một tổ gương mẫu chiến đấu. Ngoài nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ thôn xóm, tổ này còn là nguồn bổ sung quân số cho lực lượng vũ trang của huyện, tỉnh.

Bộ máy chỉ huy quân sự các cấp dần dần được kiện toàn từ huyện đến thôn xóm. Những đồng chí yếu về năng lực, sức khỏe được điều chuyển công tác, đồng thời bổ sung những đồng chí trẻ, khỏe đã qua lớp huấn luyện cơ bản.

Trước tháng 10-1949, toàn huyện có một trung đội du kích tập trung. Do khó khăn về cấp dưỡng nên đơn vị phải sống phân tán theo từng tiểu đội, dựa vào sự nuôi dưỡng của nhân dân các xã, nên khả năng cơ động thấp và rất khó khăn cho công tác huấn luyện. Tháng 10-1949, khi có chủ trương thành lập bộ đội địa phương, Huyện ủy lấy trung đội du kích tập trung làm nòng cốt để xây dựng bộ đội chủ lực huyện.

Vì phần lớn đội viên của trung đội này đã trải qua thực tế chiến đấu trong chiến dịch Thu Đông 1947.

Trong thời gian đầu, công tác xây dựng bộ đội địa phương gặp rất nhiều khó khăn. Một số đồng chí có năng lực lãnh đạo đã kinh qua chiến đấu được cấp trên điều động lên tỉnh hoặc các đơn vị chủ lực của bộ. Vì vậy đội ngũ cán bộ lãnh đạo chỉ huy vừa yếu, vừa thiếu, cơ sở vật chất, trang thiết bị không đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho sinh

hoạt của bộ đội. Trước tình hình đó, một mặt Huyện ủy tiếp tục cử nhiều cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức quân sự trên tỉnh và quân khu I. Mặt khác để 100% cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị được huấn luyện một cách cơ bản, huyện chủ động mở các lớp huấn luyện ngắn ngày tại đơn vị, mời các đồng chí giáo viên của tỉnh đội, quân khu và trung đoàn cảnh vệ 15 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn. Để tăng cường cơ sở vật chất cho đơn vị, Huyện ủy chỉ đạo các ngành vận động nhân dân tích cực ủng hộ , giúp đỡ. Cùng thời gian đó, ban cấp dưỡng của huyện được thành lập, để tuyên truyền vận động nhân dân với tinh thần "Nhân dân địa phương nuôi lấy cán bộ của mình". Mặc dù đời sống của nhân dân các dân tộc còn gặp rất nhiều khó khăn do sản xuất chưa phát triển và hậu quả tàn phá nặng nề của chiến tranh. Nhưng là một huyện có truyền thống yêu nước, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã đóng góp nhiều tiền bạc, lương thực, thực phẩm, quần áo cho bộ đội. Phong trào hũ gạo nuôi quân được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Nhiều cơ quan đơn vị nhận đỡ đầu từng tiểu đội, từng tổ, nhiều gia đình nhận chăm nuôi từ một đến hai chiến sĩ. Hội phụ nữ cứu quốc, Hội Mẹ chiến sĩ ngoài việc đỡ đầu các đơn vị bộ đội còn tổ chức may vá chăn màn, quần áo cho anh em. Nhờ những cố gắng trên, nên chỉ trong một thời gian ngắn sau khi thành lập, đơn vị bộ đội địa phương của huyện đã tăng từ một đến hai trung đội, đời sống ổn

định, yên tâm bước vào học tập huấn luyện.

Bước sang năm 1950, năm "Hoàn thành công tác chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công" dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, công tác quân sự của huyện được nâng cao một bước, tại các xã, phần lớn những người trong độ tuổi đều đăng ký ra nhập lực lượng dân quân. Những người có sức khỏe, có tinh thần hăng hái trong các đơn vị dân quân được tuyển chọn biên chế vào đội du kích. Ở các trung đội du kích, chế độ học tập, huấn luyện thường trực chiến đấu được thường xuyên duy trì nhằm bảo đảm sức chiến đấu cao nhất, sẵn sàng đánh địch ngay tại địa phương. Đồng thời đây còn là nguồn thứ hai bổ sung thường xuyên cho lực lượng vũ trang của huyện, của tỉnh.

Cũng nhờ công tác tổ chức và huấn luyện mang tính chất bắc cầu như vậy nên trong suốt tám năm kháng chiến, mặc dù phải thường xuyên bổ sung với số lượng lớn (có thời kỳ (1951) với 2/3 quân số) nhưng Đảng bộ vẫn luôn duy trì được lực lượng vũ trang địa phương đủ số lượng, đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu.

Bài học rút ra từ thực tế chiến đấu trong chiến dịch Thu Đông 1947 là cơ sở để Đảng bộ chỉ đạo xây dựng lực lượng và lập phương án tác chiến. Thông qua các cuộc vận động (rèn cán chỉnh quân), công tác huấn luyện quân sự của

huyện luôn luôn đi sát với thực tế chiến đấu. Kế hoạch phối hợp tác chiến giữa ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) thường xuyên được duy trì bằng các đợt diễn tập. Mỗi năm từ một đến hai lần bộ đội và dân quân du kích thực tập phối hợp chiến đấu trên các điểm trọng yếu, các trục đường giao thông, các hướng địch có thể tấn công, trong khi thực tập kết hợp sửa chữa công sự chiến đấu, hào giao thông, đào thêm hố đặt địa lôi, khả năng cơ động phối hợp tác chiến, bản lĩnh kỹ thuật chiến đấu của bộ đội và dân quân du kích không ngừng được củng cố và nâng cao.

Sau chiến dịch Thu Đông 1947, Phú Lương đã trở lại vị trí của huyện trong căn cứ địa, vòng ngoài trực tiếp khu an toàn của Trung ương. Nhiều cơ quan, cơ sở kháng chiến và lực lượng vũ trang của Trung ương, của khu và của tỉnh đóng trên địa bàn huyện, tập trung chủ yếu ở các thôn, xã phía tây quốc lộ số 3. Nhân dân một số tỉnh bị địch chiếm đóng tiếp tục tản cư, chọn đất Phú Lương làm nơi sinh sống. Hoạt động kháng chiến trên đất Phú Lương do vậy rất nhộn nhịp. Một số nơi như Giang Tiên, Bờ Đậu, Phấn Mễ, Đu là những chợ kháng chiến cung cấp nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho các cơ quan, công xưởng và bộ đội.

Đường số 3 từ Quán Triều đến Km 31 chạy dọc theo

huyện có vị trí quan trọng, là mạch máu giao thông nối liền khu an toàn của Trung ương với vùng sau lưng địch.

Khu an toàn Trung ương chỉ thật sự an toàn khi các địa bàn tiếp giáp, vành đai bảo vệ phía ngoài, trong đó có Phú Lương phải thực sự là tấm áo giáp. Về phía địch, sau thất bại trong cuộc tấn công bằng quân sự thu đông 1947, thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động tình báo, gián điệp để thu thập tin tức về hoạt động kháng chiến của nhân dân ta. Hệ thống tổ chức, chỉ đạo các hoạt động tình báo, gián điệp này không chỉ do cơ quan phòng nhì của Pháp ở Hà Nội trực tiếp chỉ huy, mà nó còn chịu sự chỉ đạo của các căn cứ, các vị trí của chúng đóng ở Việt Bắc và các tỉnh tiếp giáp như Phúc Yên, Bắc Giang, Lạng Sơn.

Thực dân Pháp biết rằng, không thể từ đầu tung ngay gián điệp vào khu an toàn, mà trước hết phải từ vùng tiếp giáp đánh vào. Vì vậy trách nhiệm của Đảng bộ và đồng bào các dân tộc Phú Lương trong việc bảo mật phòng gian, góp phần bảo vệ an toàn cho Bác Hồ, Trung ương, Chính phủ và các hoạt động kháng chiến ở trung tâm căn cứ địa là rất lớn

Một mặt Đảng bộ tập trung giáo dục nhân dân nhận rõ: Giữ bí mật là yêu nước. Mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi

đều hiểu rõ giá trị to lớn khẩu hiệu "ba không" [1], và thực hiện triệt để mọi lúc, mọi nơi và trong mọi trường hợp. Mặt khác, Đảng bộ, chính quyền từ huyện đến thôn xã phối hợp chặt chẽ với trung đoàn cảnh vệ 15 (sau đổi thành trung đoàn 246), lực lượng an ninh của Bộ Công an (sau này là Bộ Nội vụ), cơ quan phản gián của Bộ Quốc phòng và công an tỉnh (tham mưu cho cấp ủy là Công an quận 6 [2] và các đồn công an Giang Tiên, Đu) làm trong sạch địa bàn, chống phao tin đồn nhảm phản tuyên truyền.

Hệ thống trạm kiểm soát, vọng gác, vị trí cảnh giới được thiết lập trên các trục đường số 3, ở các hợp điểm giao thông, đường liên xã, đặc biệt là ở các xã giáp giới huyện Đại Từ, Định Hóa, để kiểm soát những người lạ mặt ra vào địa phương. Những trạm này phần lớn do dân quân xã sở tại được ban chỉ huy xã đội cắt phiên canh gác 24/24 giờ trong ngày. Một số trạm gác quan trọng (Bờ Đậu, Giang Tiên, Đu, Trào, Km 31) có cả lực lượng dân quân, cảnh vệ

---

(1) Không tò mò để biết những việc không liên quan đến mình, không nghe những công việc kháng chiến do người khác phụ trách mà mình không có nhiệm vụ, không nói những điều kháng chiến cần giữ bí mật nhất là với người lạ mặt.

(2) Tháng 1 - 1947, mỗi huyện trong tỉnh thành lập một quận công an, đến tháng 5 - 1947 sát nhập hai quận công an Định Hóa - Phú Lương thành quận 6.

và công an cùng canh gác, kiểm soát. Ngoài ra các thôn xã trong huyện đều lập ban trật tự, ban này hoạt động như là bộ phận an ninh ở thôn xã.

Những người buôn bán, những người mới ở nơi khác tản cư đến huyện đều được kiểm tra chặt chẽ, những người lạ mặt qua lại hàng ngày trên đất huyện đều được kiểm tra, ghi chép hành trình. Nhân dân trong huyện phát hiện và báo cho cán bộ biết những điều khả nghi.

Nhờ những đóng góp tích cực của nhân dân các dân tộc trong huyện trên mặt trận phòng gian, phòng gián và giữ bí mật, nhờ có hoạt động tích cực của bộ đội, dân quân, công an và các tổ chức khác, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trong suốt chín năm kháng chiến, Phú Lương đã chống được các hoạt động gián điệp, do thám phá hoại của địch trên địa bàn.

Có nhân dân giúp đỡ, các lực lượng an ninh đã phá tan một tổ chức, đảng phản động, trong đó có "Đảng Việt Nam phục hội" (còn có tên là "quốc gia liên minh") [1] và "Đảng phục quốc đồng minh hội".

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Phú Lương được giữ vững và củng cố đã góp phần rất quan trọng vào

---

(1) Đảng phản động này được nhen nhóm ở xã Yên Trạch vào tháng 10 - 1948, đến tháng 12 - 1948, ta đã phá tan tổ chức này.

việc bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến trung ương ở Định Hóa.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, việc xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân được đặt thành một nhiệm vụ có ý nghĩa trọng tâm xuyên suốt của Đảng bộ.

Sau cuộc tổng tuyển cử (06-01-1046), ở xã đã có HĐND, các Ủy ban hành chính xã và huyện được thành lập thay thế cho các Ủy ban nhân dân lâm thời trước đó.

Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu, xuất phát từ chính sách đoàn kết toàn dân của Đảng và tình hình thực tế của Phú Lương, phần lớn các chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền các cấp đều thuộc về tầng lớp trên. Cán bộ chính quyền thuộc thành phần cơ bản chiếm tỉ lệ thấp.

Nói chung, phần lớn cán bộ rất hăng hái hoạt động, biết cách tổ chức, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cũng như công việc từ huyện đưa xuống. Guồng máy hành chính ở các xã trong toàn huyện hoạt động có hiệu lực.

Nhưng do công việc vừa nhiều lại vừa mới mẻ, hệ thống pháp luật chưa được xây dựng... cho nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Thêm vào đó nhiệm vụ chống giặc đói và giặc ngoại xâm lúc này chủ yếu dựa vào sức đóng góp của toàn dân, tư tưởng tự tư, tự lợi nảy sinh trong một

số cán bộ chính quyền các cấp. Tình trạng này xuất hiện ở Sơn Cẩm, Cổ Lũng. Phấn Mễ... đã gây bất bình trong nhân dân. Trong khi đó Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện cũng chưa đủ sức kiểm tra, đôn đốc, giám sát, uốn nắn các hoạt động sai lệch của chính quyền các xã.

Tháng 4-1949, Ủy ban kháng chiến - hành chính liên khu I quyết định tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các xã trong toàn liên khu [1].

Qua đợt bầu cử này, 50% số thành viên Hội đồng nhân dân các xã trong huyện Phú Lương được thay thế bằng những người hăng hái, tích cực hơn. Số người xuất thân ở thành phần cơ bản (trung nông, bần cố nông) đã tăng lên 30%, tuy đã có đại biểu là người dân tộc Tày, Cao Lan, Sán Chí... Nhưng tỷ lệ đó vẫn còn thấp so với số dân thuộc thành phần dân tộc ít người trong toàn huyện.

Ủy ban kháng chiến - hành chính các xã do Hội đồng nhân dân khóa II bầu ra, so với khóa I theo đánh giá của tỉnh ủy Thái Nguyên, chất lượng khá hơn và tiến bộ hơn. Đó là kết quả của ba năm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở do Huyện ủy chủ trương tổ chức. Nó đã tạo điều kiện

(1) Lúc này Chính phủ chủ trương chỉ có HĐND 2 cấp tỉnh và xã, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện và cấp tương đương do tỉnh bổ nhiệm.

cho việc lựa chọn cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt như chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên Ủy ban phụ trách công tác xã đội, công an. Hầu hết những chức vụ này đã có cấp ủy viên hoặc đảng viên tin cẩn phụ trách, tận tình với công việc.

Tuy vậy, do trình độ văn hóa và năng lực, nhất là năng lực quản lý hành chính còn thấp do không được đào tạo, bồi dưỡng, mà chỉ làm theo chỉ dẫn của trên, nên tính năng động sáng tạo và chủ động của cán bộ trong công việc rất hạn chế, có khi làm sai (theo đánh giá của Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh Thái Nguyên thì nhiều xã, trong đó có huyện Phú Lương, chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính xã còn chưa phân biệt được giữa hoạt động hành chính với hoạt động tư pháp).

Từ năm 1949 đến hết năm 1950, Ủy ban kháng chiến - hành chính liên khu Việt Bắc đã mở hai lớp bồi dưỡng cán bộ hành chính cấp xã. Theo chỉ thị của Trung ương, Liên khu Việt Bắc đã quyết định mở đợt vận động "chấn chỉnh cấp xã" với khẩu hiệu "chuyển trọng tâm công tác xuống xã". Theo đó, tỉnh Thái Nguyên đã thành lập nhiều đội củng cố xã, một số đội được cử xuống các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Tức Tranh, Phú Đô, Yên Đổ của Phú Lương.

Nhận rõ vị trí quan trọng của cấp xã là tổ chức cơ sở, nền móng của tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần

chúng nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách và là mối dây liên hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, Huyện Ủy Phú Lương đã cùng các đội củng cố xã của tỉnh giúp đỡ các xã trong huyện chấn chỉnh các ban chi ủy, củng cố chính quyền, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất...

Mục đích của cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã " ở Phú Lương nhằm xây dựng chi bộ xã vững mạnh, đủ sức lãnh đạo mọi mặt trong công tác xã.

Nâng cao chất lượng đảng viên, thanh trừ những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, Đưa những Đảng viên thành phần cơ bản vào ban chi ủy, bổ túc cho chi ủy viên, nhất là về năng lực và trình độ công tác, về chính quyền, phải xây dựng được Ủy ban kháng chiến - hành chính xã có đủ năng lực hoạt động, tăng thêm thành phần bần cố nông, công nhân, phụ nữ dân tộc ít người vào bộ máy chính quyền, thải bớt những phần tử bất lực, kém uy tín ra khỏi chính quyền. Về quân sự, chấn chỉnh tổ chức dân quân, du kích, đào tạo cán bộ xã đội, mua sắm vũ khí, xây dựng làng chiến đấu, tổ chức canh phòng bảo vệ An Toàn khu, giáo dục ý thức phòng gian, phòng gián cho quần chúng nhân dân, thực hiện triệt để khẩu hiệu "ba không ".

Đợt vận động "chấn chỉnh cấp xã" chuyển trọng tâm

công tác xuống xã năm 1950 ở Phú Lương thực sự là cuộc vận động lớn, toàn diện và kết quả của nó đã làm biến đổi chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở các xã trong huyện, nhờ đó năm 1951, các mặt hoạt động kháng chiến kiến quốc ở Phú Lương có nhiều mặt phát triển khá hơn những năm trước.

Trong đợt vận động này, nhiều xã từ yếu kém dần dần đã vươn lên tự động công tác, nhiều đảng viên đã nhận rõ trách nhiệm tiền phong gương mẫu của mình, đi đầu trong mọi công việc kháng chiến. Trái lại có những xã do có nhiều khuyết điểm, không chịu sửa chữa, đã phải giải tán cả Ủy ban kháng chiến - hành chính xã (Vô Tranh), để xây dựng lại, nhiều đảng viên kém tinh thần kháng chiến bị khai trừ ra khỏi Đảng, có những đồng chí là thường vụ, chi ủy, chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính xã cũng bị cách chức, khai trừ Đảng tịch (Yên Trạch)...

Cuộc vận động "Chấn chỉnh cấp xã" ở Phú Lương được tiến hành nhiều xã trên địa bàn quá rộng, kinh tế nghèo, dân cư thưa thớt và có những yếu tố phức tạp (nông dân, công nhân ở xen kẽ như Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, một số xã có nhiều dân tản cư từ nơi khác đến, có nhiều thành phần dân tộc, trình độ văn hóa thấp...) Cán bộ xã ít, thiếu người có năng lực. Nội dung

đề ra cho cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã" quá nhiều (tới 30 nội dung), mục đích đặt ra quá cao [1] so với thực tế. Hơn nữa do điều kiện của chiến tranh, kinh phí phương tiện đều thiếu thốn [2]. Vì vậy, mặc dù đạt được kết quả nhưng chất lượng cuộc vận động thấp hơn nhiều so với mục đích đề ra.

Mặt khác do nhu cầu cán bộ của huyện, tỉnh ngày một nhiều , một số cán bộ xã, nhất là cán bộ thuộc các dân tộc Tày, Nùng, Sán Dìu có năng lực đều được rút khỏi cơ sở. Tình hình đó làm cho xã luôn luôn thiếu cán bộ, mặc dù năm 1950-1951, một vài lớp huấn luyện cán bộ xã được tổ chức tại huyện và đào tạo tại các trường của khu của tỉnh, thêm vào đó, lúc này ở các xã ta thành lập qúa nhiều ban công tác (theo điều tra của Liên khu Ủy Việt Bắc, bình quân mỗi xã có tới 20 ban chuyên môn, riêng Đảng bộ xã có tới năm ban), vì thế sau cuộc vận động, nhiều xã trong huyện không xây dựng được xã ước. Một số xã vẫn phải để những người thuộc tầng lớp phú nông làm bí thư, chủ tịch xã, do đó vào những năm cuối của cuộc kháng chiến, khi phải huy động nhiều nhân lực, tài lực thì chính họ là người cản trở vì bị đụng chạm đến quyền lợi. Các cuộc

---

(1) Đề án "chấn chỉnh cấp xã" dài tới hơn hai mươi trang đánh máy mà phần lớn là gạch đầu dòng về công việc cụ thể phải làm.

(2) Phụ cấp của cán bộ Huyện Phú Lương lúc đó được 38 kg gạo 1 tháng

vận động đóng góp kháng chiến như công trái quốc gia, bán thóc quân lương, thóc tạm vay những xã ấy đều không thực hiện được. Vì vậy, giữa năm 1951 tỉnh phải cử một số cán bộ thoát ly về trực tiếp làm bí thư chi bộ xã của Phú Lương.

Trước tình hình thực tế này, năm 1951, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định cử đồng chí Hai Bằng, Ủy viên ban thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp phụ trách huyện Phú Lương và cùng với tập thể Huyện ủy mở hai cuộc vận động "đào tạo cán bộ cơ sở học tập lý luận" và "tự phê bình và phê bình". Hai cuộc vận động này là sự tiếp tục phát triển của cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã" năm 1950. Nhưng do năm 1951, toàn huyện Phú Lương dốc lực lượng phục vụ chiến dịch Hà Nam Ninh và chiến dịch Cầu Đường phần lớn số đảng viên và cán bộ cơ sở được huy động ra hỏa tuyến, ra mặt đường, nên thu được ít kết quả (theo biên bản Hội nghị ban thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ngày 29-10-1951).

Phú Lương trong kháng chiến chống Pháp là một trong những huyện miền núi kinh tế kém phát triển của tỉnh Thái Nguyên. Đời sống của nhân dân Phú Lương lúc này rất khó khăn, đặc biệt một số xã vùng sâu, vùng xa của huyện. Trong khi đó, các yêu cầu phục vụ cho kháng chiến của

một huyện kề sát An Toàn khu Trung ương có nhiều cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quận đội đóng quân, đòi hỏi rất nhiều sự đóng góp nhân lực, tài lực của nhân dân.

Nhiệm vụ chính trị của Tỉnh ủy giao cho Đảng bộ Phú Lương lúc này là lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân trong huyện đẩy mạnh tăng gia sản xuất, không những đảm bảo yêu cầu tự túc lương thực, thực phẩm trong huyện, mà còn dành phần quan trọng đóng góp cho kháng chiến, cho căn cứ địa, Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh đã có sự hỗ trợ tích cực cho huyện về điều kiện và phương tiện.

Năm 1948, tỉnh đã cấp cho huyện nhà 10 tấn thóc, 16 con trâu và 70.000 đồng (bằng hơn 23 tấn thóc), giúp đồng bào nghèo trong huyện khắc phục hậu quả bị địch tàn phá trong chiến dịch Thu Đông 1947 và có vốn để sản xuất. (Theo số liệu lịch sử để lại, từ 1949 đến 1953 năm nào Phú Lương cũng nhận được những khoản trợ cấp, hỗ trợ sản xuất của tỉnh).

Do điều kiện lúc bấy giờ Huyện ủy chỉ đạo các cuộc vận động sản xuất nông nghiệp bằng những chủ trương, chỉ thị và những đợt kiểm tra đôn đốc. Việc đầu tư hỗ trợ do tỉnh chịu trách nhiệm, chức năng của huyện là kiểm tra đôn đốc. Trên địa bàn huyện lúc này có nhiều đồn điền và tiểu đồn điền của người Pháp và người Việt, trong đó có những đồn điền do Chính phủ thành lập nông trường quản trị (như

đồn điền Phấn Mễ). Một số đồn điền" váng chủ", đồn điền của việt gian, được huyện tịch thu chia cho dân cày cấy.

Hàng trăm mẫu ruộng đã được tạm cấp cho nhân dân[1]. Huyện rất chú trọng động viên và hướng dẫn các xã vùng cao, đồng bào Dao, hỗ trợ nhau tăng gia sản xuất. Hội Nông dân cứu quốc xã Yên Đổ vận động người Tày nhường ruộng, giúp đỡ giống, nông cụ và hướng dẫn canh tác cho người Dao xuống núi làm ruộng, cấy lúa nước. Từ năm 1950 trở đi, hầu hết các xã trong huyện đều lập tổ đổi công, tập đoàn đổi công để giúp nhau cấy hết diện tích, cấy đúng thời vụ, trong đó có những tập đoàn đổi công điển hình ở Sơn Cẩm, Phấn Mễ.

Những cuộc vận động xây dựng tập đoàn đổi công sản xuất, giúp đỡ nhau sản xuất ở Phú Lương, cùng với việc tạm cấp ruộng đất và phát động quần chúng nông dân đòi chủ ruộng giảm 20% địa tô và giảm 80% lợi tức, đã góp phần cải thiện đời sống nông dân trong huyện, nhất là nông dân nghèo. Cuộc sống của nhiều gia đình nông dân thuộc tầng lớp bần cố nông trong đồng bào Tày, Dao, Sán Dìu so với trước Cách mạng tháng Tám đã được nâng cao từng bước, diện đói nghèo được thu hẹp, không có tình trạng đứt bữa.

Các cuộc vận động sản xuất, toàn dân canh tác và thực

(1)Trong đó có 45 mẫu của Phạm Thư Phú, chủ đã bỏ theo Pháp.

hiện các chính sách lớn của Đảng ở nông thôn trong hoàn cảnh kháng chiến ở Phú Lương chẳng những từng bước ổn định đời sống phát triển sản xuất ở một huyện miền núi còn chất chồng khó khăn, mà còn góp phần rất quan trọng củng cố và phát triển tình đoàn kết giữa các dân tộc trong huyện. Sự đóng góp cho kháng chiến do đó cũng ngày một nhiều hơn. Tính riêng năm 1950, ngoài việc cấp dưỡng cho bộ đội tập trung của huyện và thuế nông nghiệp, nông dân Phú Lương đóng góp vào quỹ quân lương 200 tấn thóc và hàng trăm ngàn đồng, hàng chục trâu, bò cho bộ đội và các cơ quan trung ương.

Tuy nhiên, trong khi phát động nhân dân, chủ yếu là nông dân thực hiện các chính sách dân chủ ở nông thôn của Đảng, Phú Lương cũng còn những bộc lộ non yếu, chưa nắm vững chủ trương của Đảng, chưa hiểu thật đầy đủ tính chất đấu tranh giai cấp phức tạp ở nông thôn, nhất là khi chúng ta thực hiện cuộc vận động dân chủ ấy trong hoàn cảnh chiến tranh phải tập hợp lực lượng, đoàn kết toàn dân để kháng chiến. Do đó huyện mắc phải sai lầm hữu khuynh hoặc tả khuynh, mà chú yếu là tả khuynh [1.]. Đảng viên

---

(1) Liên khu ủy Việt Bắc, trong phiên họp Thường vụ Khu ủy tháng 6-1950 nhận xét Phú Lương để cho nông dân đòi chủ ruộng thoái tô cả những năm trước Cách mạng tháng Tám, đòi giảm tức 100%, đòi tất cả các món nợ đều xóa ...

ở xã (Tức Tranh là điển hình) khi chia ruộng, đã tranh hết chân ruộng tốt, khi xây dựng tập đoàn đổi công định giá 50đồng/1công, trong khi ngoài xã hội là 180 đồng/ 1 công do đó, những nhà có lực (mà phần lớn cũng là lãnh đạo xã) tranh thủ công hạ ở tập đoàn làm giàu cho gia đình mình, gây bất bình cho quần chúng.

Đảng bộ Phú Lương đã bỏ lỡ dịp củng cố nông thôn, củng cố chi bộ, chính quyền và các đoàn thể thông qua tạm cấp ruộng đất và cuộc vận động xây dựng tập đoàn đổi công sản xuất.

Tại Hội nghị lần thứ nhất (03-1951) và lần thứ hai (09-1951), Trung ương Đảng nhận định: Cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong 5 năm vừa qua tuy đã giữ được quyền chủ động trên các chiến trường, nhưng ta chưa thay đổi được tình thế, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân, trước hết là do hậu phương chưa đảm bảo yêu cầu chi viện lớn và liên tục về mọi mặt cho chiến trường, việc cấp dưỡng cho bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương còn ở mức tối thiểu... để đẩy mạnh cuộc kháng chiến tới thắng lợi, Hội nghị đã đề ra cho Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ba nhiệm vụ lớn, trong đó nhiệm vụ kinh tế được đặt thành một nhiệm vụ trung tâm.

Kinh tế nước ta trong kháng chiến chống Pháp chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, do đó, thuế nông nghiệp là nguồn

đóng góp lớn nhất của nhân dân, là nguồn thu chính của Nhà nước. Chính sách thuế nông nghiệp được ban hành tháng 10-1951, thể hiện đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, đánh nặng vào giai cấp địa chủ, phú nông, giảm nhẹ cho bần cố nông khuyến khích những người trực tiếp lao động, khuyến khích sản xuất, chiếu cố người nghèo, ưu đãi thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội. Thực hiện thuế nông nghiệp là quá trình đấu tranh giai cấp gay go giữa địa chủ, phú nông và nông dân.

Đồng thời đó cũng là quá trình đấu tranh thực hiện đóng góp công bằng của mọi người dân đối với kháng chiến, tạo điều kiện cho Nhà nước nắm chắc trong tay số lương thực và vật tư cần thiết đảm bảo cho nhu cầu kháng chiến ở huyện Phú Lương. Đầu tháng 10-1951, các đồng chí lãnh đạo huyện về liên khu Việt Bắc học tập chính sách thuế nông nghiệp của Đảng, sau đó được tỉnh hỗ trợ, huyện mở bốn lớp tập huấn cho cán bộ các xã trong huyện. Ngày 29-10-1951, Ban thường vụ Tỉnh Ủy phân công đồng chí Hải Bằng Phó bí thư Tỉnh ủy lên trực tiếp giúp Huyện ủy Phú Lương triển khai chính sách thuế nông nghiệp.

Cuối tháng 11 - 1951, Huyện ủy Phú Lương triệu tập cán bộ lãnh đạo các ngành và bí thư - chủ tịch các xã trong huyện quán triệt chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và xây dựng quyết tâm thực hiện sắc lệnh thuế nông nghiệp

của Chính phủ. Từ đó, khắp các xã trong huyện đều dấy lên phong trào thi đua nộp đủ, nộp nhanh thuế nông nghiệp. Đúng vào lúc này, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương rất vinh dự được đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã đến thăm, nói chuyện và động viên Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực tăng gia sản xuất, hăng hái thi đua đóng thuế nông nghiệp để cuộc kháng chiến mau chóng thành công. Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong huyện phải gương mẫu đi đầu trong mọi công việc của kháng chiến, trước hết đi đầu trong bốn việc: Tăng gia sản xuất, đóng thuế nông nghiệp, đi dân công và đoàn kết toàn dân, đoàn kết trong Đảng. Với Hội Phụ nữ cứu quốc, Người biểu dương những đóng góp của chị em phụ nữ Phú Lương cho kháng chiến trong mấy năm qua, đồng thời nhắc nhở chị em cần cố gắng hơn nữa, nhất là nhiệm vụ may vá quần áo, chăn, màn cho chiến sĩ mùa đông tới[1].

Trong điều kiện cực kỳ khó khăn của chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ An Toàn khu, dầu đông lạnh giá, vượt đèo lội suối đến với cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc

---

(1) Trong báo cáo quý IV năm 1951, chỉ ghi "Ngày 26 và 27-11-1951, Cụ Hồ về thăm Phú Lương và Định Hóa, nói chuyện với hội nghị bàn về thuế nông nghiệp của hai huyện". Chúng tôi chưa xác minh được cụ thể ngày nào Bác về Phú Lương

Phú Lương, là nguồn động viên cổ vũ sâu sắc đối với mọi người. Qua đó cũng làm cho Đảng bộ Phú Lương nhận thức đầy đủ hơn trách nhiệm của mình trong việc động viên toàn dân thực hiện tốt chính sách thuế nông nghiệp, một chính sách kinh tế lớn của Đảng có ảnh hưởng trực tiếp đến sức mạnh kháng chiến của dân tộc.

Thực tế quá trình lãnh đạo thực hiện thuế nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Lương từ năm 1951 đến 1954, cũng là quá trình đấu tranh gay gắt trong nội bộ Đảng bộ.

Theo tính toán thuế nông nghiệp của Phú Lương lúc đó cũng chỉ huy động bằng 20% tổng sản lượng thóc. Nhưng những người cấy nhiều ruộng tỉ lệ ấy cao hơn, số thóc phải nộp nhiều hơn, người cấy ít đóng ít, người nghèo không phải nộp. Lúc này, ở Phú Lương số người cấy nhiều ruộng khá đông trong cán bộ lãnh đạo xã. Nếu trước đây thóc tạm vay ở Phú Lương, như vụ chiêm 1951 tỉnh giao 140 tấn, kết quả chỉ đạt 106 tấn, cũng là do những đảng viên, chi ủy viên cấy nhiều ruộng thu nhiều thóc nhưng không chịu cho vay. Đối với chính sách thuế nông nghiệp, mặc dù có sự động viên to lớn trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có sự chi viện cán bộ của tỉnh và sự lãnh đạo chặt chẽ của Huyện ủy, trong năm đầu thực hiện Phú Lương vẫn thiếu 400 tấn trong tổng số phải nộp chưa đến 1500 tấn.

Năm 1952, Huyện ủy đã phải kiểm thảo nhiều chi ủy viên, đảng viên ở các xã không nộp thuế [1].

Qua đấu tranh trong nội bộ, Đảng bộ đã làm rõ nghĩa vụ của đảng viên đối với kháng chiến và vai trò tiên phong gương mẫu trong việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước. Hầu hết đảng viên trong Đảng bộ đã sửa chữa khuyết điểm, nộp đủ, nộp nhanh thuế nông nghiệp, do đó lôi kéo toàn dân trong huyện làm theo. Do vậy từ vụ mùa năm 1952 đến 1954, Phú Lương đều hoàn thành nghĩa vụ thuế nông nghiệp.

* *
*

Sau khi địch rút khỏi Bắc Cạn và nhất là sau chiến dịch Biên giới (9-1950), vòng vây của địch đối với căn cứ địa Việt Bắc được giải tỏa, kế hoạch bao vây chia cắt Bắc Bộ của địch bị phá sản, vùng du kích được mở rộng. Căn cứ địa Việt Bắc vì thế được củng cố. Các huyện tiếp giáp An Toàn khu, trong đó có Phú Lương, trở thành vùng đất "an toàn khu" mở rộng. Đến lúc này, khi cuộc kháng chiến của dân tộc ta bước sang giai đoạn mới - giai đoạn "chuẩn bị tổng phản công", các yêu cầu cho kháng chiến, cho kiến quốc cũng đòi hỏi ngày một nhiều hơn.

(1) Theo báo cáo ngày 30-10-1952 của Liên khu ủy Việt Bắc, trong Ban Huyện ủy Phú Lương có ba đồng chí không đủ thuế nộp.

Vì vậy, các cơ quan, đơn vị phục vụ cho kháng chiến, kiến quốc cũng được mở rộng hoặc được thành lập mới [1].

Trên đất Phú Lương, từ năm 1950 có rất nhiều cơ quan đơn vị của Trung ương, của Liên khu Việt Bắc ở, như Tổng cục cung cấp (Cống Thâm - Động Đạt) Trạm khách của Trung ương Đảng (Yên Ninh), Quân y viện (Yên Đổ), ba xưởng quân giới ở Sơn Cẩm, Vô Tranh, Giang Tiên [2], và nhiều kho tàng quân nhu, quân giới. Sau năm 1950, khi quân đội ta mở nhiều chiến dịch ở trung du, đồng bằng, tây bắc... thì Phú Lương trở thành nơi đặt nhiều kho trung chuyển cho chiến dịch, là điểm tập kết của các đơn vị chủ lực, các cơ quan Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu, nhiều hội nghị quan trọng của Chính phủ, quân đội được tổ

---

(1) Ngày 28-08-1949, sư đoàn 308, binh đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội ta được thành lập tại đồn điền Nà, xã Động Đạt - Phú Lương. Năm 1951, Chính phủ quyết định thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam, mậu dịch quốc doanh...

(2) Trong đó có Xưởng sản xuất vũ khí Giang Tiên, một trong những xưởng quân giới đầu tiên của nước ta được thành lập đầu năm 1946, có nhiệm vụ nghiên cứu và sản xuất thành công súng Ba-dô-ca, súng không giật (SKZ) là loại súng chống xe tăng và phá hủy lô cốt được làm bằng bê tông cốt thép của Pháp

chức ở Phú Lương [1]. Cũng từ sau năm 1950, Nhà nước kháng chiến của ta mở rộng quan hệ quốc tế, nhiều bạn bè nước ngoài đã đến căn cứ địa Việt Bắc. Cơ quan giao tế Trung ương được đặt ở Yên Ninh đã nhiều lần đón tiếp khách quốc tế đến thăm và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Trên đường đi công tác Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghỉ lại trạm khách này.

Ngoài ra, trên đất huyện Phú Lương còn nhiều cơ sở công nghiệp phục vụ kháng chiến như mỏ than Phấn Mễ, xưởng dệt, xưởng thuốc lá (ở Phấn Mễ), xưởng giấy Huỳnh Thúc Kháng ở Ôn Lương... cùng với hoạt động của mậu dịch quốc doanh, trên địa bàn Phú Lương từ năm 1951, các hoạt động quân sự và kinh tế diễn ra nhộn nhịp. Mật độ dân cư tăng vọt lên, có lúc số người thuộc lực lượng bộ đội, các cơ quan trung ương và khu đóng trên đất huyện đông gấp hai lần số dân trong huyện, làm xáo trộn nhiều mặt về kinh tế xã hội ở địa phương. Trong tình hình ấy, Đảng bộ đã lãnh đạo đồng bào các dân tộc trong huyện dành nhiều công sức, tiền của, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cơ quan kháng chiến đóng tại

---

(1) Trong đó có hội nghị Đảng ủy chiến dịch trung du, do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư họp ở xã Hợp Thành ngày 15-12-1950

địa phương. Công tác trật tự, trị an bảo vệ các cơ quan trung ương, kho tàng và quân đội cũng là trách nhiệm thường trực của Đảng và mỗi người dân trong huyện.

Từ sau chiến thắng Biên Giới (10-1950), quân đội ta đẩy mạnh hoạt động quân sự, mở nhiều chiến dịch tấn công trên các chiến trường, trong đó có những chiến dịch lớn như chiến dịch trung du, chiến dịch đường 1B, chiến dịch Hà Nam Ninh, chiến dịch Hòa Bình nhằm tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng và hỗ trợ chiến tranh du kích vùng sau lưng địch.

Các hoạt động quân sự mạnh mẽ đó đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương hai nhiệm vụ lớn: Khôi phục và bảo vệ 50 km đường số 3 chạy trên đất huyện, cung cấp nhân lực phục vụ các chiến dịch.

Đường số 3 là tuyến đường vận tải chiến lược bằng xe cơ giới duy nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp, nối liền căn cứ địa Việt Bắc với nước bạn Trung Hoa và từ căn cứ địa đi các chiến trường miền Bắc Đông Dương. Năm 1947, đoạn đường số 3 qua huyện Phú Lương đã bị phá hoại, toàn bộ cầu, cống bị đánh sập. Việc khôi phục 50km quốc lộ 3 đòi hỏi phải có hàng triệu ngày công, hàng vạn mét khối đá và hàng vạn mét khối gỗ. Toàn tỉnh đã phát động chiến dịch cầu đường từ tháng 2 - 1950, khôi phục toàn bộ các tuyến

đường trong tỉnh, trong đó dồn sức cùng với Phú Lương sửa chữa 50 km quốc lộ.

Ngày 19-05-1950, chiến dịch cầu đường kết thúc thắng lợi, các tuyến đường đã được khôi phục vượt thời gian do Trung ương quy định. Tuy nhiên, các cầu cống trên các tuyến đường phần lớn bắc tạm bằng gỗ, những nơi vượt sông, suối lớn như ở cầu Gà (Chợ Mới), Giang Tiên, Km số 5, phải làm đường ngầm đi tạm trong mùa khô, làm phà vượt sông trong mùa nước.

Đường số 3, từ cuối 1950 trở thành tuyến đường vận tải chiến lược huyết mạch, từ biên giới Việt-Trung đến ngã ba Bờ Đậu, nối với đường 13 A hợp điểm với đường 38 ở thị trấn Hùng Sơn (Đại Từ) qua Phổ Yên sang Vĩnh Yên, Phúc Yên và vượt đèo Khế sang Tuyên Quang để từ đó ngược lên Tây Bắc hoặc rẽ sang Phú Thọ, Yên Bái. Từ ngã ba Bờ Đậu xuống thị xã Thái Nguyên đi Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang đều thuận tiện.

Từ chiến dịch Trung du (12-1950), trên địa bàn huyện Phú Lương các cơ quan Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục cung cấp và các đơn vị tham gia chiến dịch hoạt động rất khẩn trương. Các xã Ôn Lương, Hợp Thành, Yên Đổ là nơi hội họp, bàn bạc và quyết định công việc quan trọng của Đảng ủy và Bộ chỉ huy các chiến dịch. Các

xã Vô Tranh, Tức Tranh, Sơn Cẩm... là nơi cất giữ những kho lương thực, vũ khí để cung cấp cho tiền tuyến.

Cũng từ năm 1950 cho đến hết chiến tranh, Phú Lương trở thành mục tiêu đánh phá thường xuyên của không quân Pháp và địa bàn hoạt động của bọn gián điệp, chúng đặc biệt chú trọng đánh phá quốc lộ số 3, các khu vực đóng quân của các cơ quan kháng chiến trung ương, quân đội, kho tàng. Vì thế, việc bảo vệ đường số 3 an toàn và thông suốt tuyến vận chuyển chiến lược qua địa bàn huyện, cũng như việc chống gián điệp, chống bọn phá hoại mặt đất, giữ bí mật, bảo vệ cơ sở kháng chiến được đặt thành nhiệm vụ trung tâm thường xuyên của Đảng bộ.

Tại các xã trên trục đường số 3, từ Chợ Mới đến Dốc Võng, theo chỉ thị của Huyện ủy, cứ 6 km có một điểm canh gác, mỗi điểm có 3 đội gồm 21 người trong lực lượng dân quân thay nhau canh gác 24 tiếng trong ngày. Bình quân 1 km có một người thường xuyên tuần tra, phát hiện máy bay địch, kịp thời báo động cho xe và người qua lại, đề phòng các hành động phá hoại của kẻ địch dưới mặt đất. Đồng thời, các đội này sẽ cùng với các tổ xung kích ứng cứu giao thông của xã và lực lượng của tỉnh sửa chữa kịp thời những đoạn đường, những cầu cống do bom đạn địch phá hỏng, giải phóng

đường nhanh. Cứ 10 ngày, xã lại cử 3 đội khác ra thay thế.[1].

Bến phà vượt sông Chợ Mới, Giang Tiên, Minh Lý, Sơn Cẩm, km 31 và ngã ba Bờ Đậu là những trọng điểm máy bay địch thường xuyên bán phá. Những nơi đó đã từng chứng kiến nhiều gương dũng cảm không sợ hy sinh của dân quân du kích, thanh niên xung phong và dân công của huyện xông vào bom đạn của địch cứu phà, cứu đường, cứu xe, cứu hàng [2].

Đảng bộ và nhân dân Phú Lương đã vượt qua nhiều

---

(1) Các điểm bảo vệ đường số 3 do Huyện ủy Phú Lương giao cho các xã đảm nhận như sau :

+ Điểm Chợ Mới - Đồng Gianh giao cho xã Yên Tranh

+ Điểm km 31 xã Yên Đổ

+ Điểm Phố Giá xã Động Đại

+ Điểm Giang Tiên xã Phấn Mễ

+ Điểm Bờ Đậu xã Cổ Lũng

+ Điểm Dốc Võng xã Sơn Cẩm

+ Điểm Minh Lý xã Vô Tranh

+ Điểm Đu - Hợp Thành xã Hợp Thành

(2) 15 giờ ngày 13-06-1953, ba máy bay Pháp ào tới ném bom và bắn phá dữ dội Chợ Mới, phà bị chìm. Các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến - hành chính huyện có mặt ngay sau trận oanh tạc, huy động lực lượng lấy nứa ghép mảng vượt sông tạm. Đêm 13 rạng 14-06, nước lũ dâng cao tới 16m mảng nứa không dám vượt sông.

khó khăn, đáp ứng yêu cầu huy động sức người, sức của phục vụ chiến trường. Trong đợt phục vụ chiến dịch trung du cuối năm 1950, toàn huyện Phú Lương đã thành lập các đội vận tải và các đội đảm bảo giao thông, mỗi đội 40 người, trong đó có 13 đảng viên và 3 chiến sĩ bộ đội địa phương. Hầu hết đảng viên trong Đảng bộ đều lần lượt có mặt trong các đơn vị dân công của huyện ở các chiến dịch từ Biên giới (09-1950) đến Điện Biên Phủ. Bình quân những người độ tuổi 18 đến 50 trong huyện, mỗi năm đi dân công 3 tháng, ngoài ra còn đóng góp hàng vạn công sửa chữa cầu đường và phục vụ các cơ quan Trung ương trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, việc huy động dân công có nơi, có lúc còn phạm phải sai lầm thiếu sót. Mặc dù từ đầu năm 1950, theo chủ trương của trên, Huyện ủy Phú Lương đã thành lập Ban huy động dân công từ huyện xuống xã, mỗi ban do một đồng chí thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy viên làm trưởng ban để đảm bảo việc thi hành chính sách huy động dân công đúng đắn, công bằng, nhưng trong quá trình thực hiện, một số đảng viên, cấp ủy không gương mẫu, bao che cho anh em con cháu của mình trốn tránh nghĩa vụ. Một số xã huy động cả đồng bào Dao vốn có tập quán không đi xa nhà, chưa quen nếp sống tập thể đi dân công hỏa tuyến. Vì thế, nhiều

gia đình người Dao lên núi cao tiếp tục sống du canh du cư.

* *
*

Trước Cách mạng tháng Tám, Phú Lương là một huyện miền núi nghèo nàn, lạc hậu. Trên 90% dân số mù chữ, cơ sở y tế hầu như không có gì. Đồng bào các dân tộc trong huyện chìm đắm trong tối tăm bệnh tật.

Sau ngày chính quyền cách mạng được thành lập, Đảng bộ Phú Lương đã phát động nhân dân toàn huyện hăng hái xông vào mặt trận diệt giặc đói, diệt giặc dốt, toàn dân đã tham gia học bình dân, xóa nạn mù chữ. Vừa tham gia mọi công việc kháng chiến đánh giặc giữ làng, đi dân công, tăng gia sản xuất, mọi tầng lớp nhân dân trong huyện vẫn hăng hái tham gia phong trào học tập văn hóa. Họ hiểu rõ: đi học là yêu nước. Tính đến tháng 9-1948, toàn huyện đã có 156 lớp với 2327 học viên bình dân học vụ (bằng hơn 20% số dân của huyện). Phú Lương là một trong những huyện có phong trào xóa nạn mù chữ khá nhất tỉnh Thái Nguyên. Đến khi kết thúc kháng chiến, toàn huyện có hơn 80% số người ở độ tuổi dưới 60 trở xuống đã thoát nạn mù chữ.

Ngành giáo dục phổ thông cũng được quan tâm. Trong

những năm đầu kháng chiến, huyện mới có các trường tiểu học, các xã mới có các lớp vỡ lòng và lớp 1 lớp 2. Đến năm 1948, lần đầu tiên trong lịch sử, ngành giáo dục Phú Lương tổ chức thi tốt nghiệp bậc tiểu học toàn huyện tại xã Phủ Lý, 35 học sinh đạt điểm tốt nghiệp.

Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến, sự nghiệp giáo dục phổ thông từng bước được phát triển. Đến năm học 1953-1954, tất cả các xã trong huyện đã có trường tiểu học (cấp 1). Tất cả các em ở độ tuổi đi học đều được gia đình, xã hội động viên, giúp đỡ đến trường. Tuy vậy mãi đến năm học 1955-1956, Phú Lương mới có một trường cấp II không toàn cấp, đặt ở trung tâm huyện.

Thời thuộc Pháp, toàn dân huyện Phú Lương chỉ có một trạm phát thuốc đặt ở Đu, với hai cán bộ sơ cấp, chủ yếu phục vụ cho binh lính và viên chức của huyện. Năm 1947, tỉnh cho thành lập phòng phát thuốc Phú Lương để vừa khám bệnh vừa phát thuốc cho nhân dân, do một nam y tá phụ trách.

Năm 1948, ngành dân y của tỉnh mở các lớp đào tạo cứu thương, vệ sinh viên. Huyện Phú Lương đã cử nhiều người dự các lớp đào tạo nói trên, Số cán bộ này về hoạt động ở các làng xã, chủ yếu là vận động nhân dân xây dựng nếp sống mới, thực hiện ăn chín, uống sôi, làm vệ sinh gia đình, làng xóm, vận động làm chuồng trâu xa nhà,

xây dựng phong trào "sạch làng tốt ruộng".

Do hoàn cảnh chiến tranh và nhất là điều kiện kinh tế còn rất khó khăn, huyện không có khả năng đầu tư phát triển y tế.

Vì thế, việc chữa bệnh cho dân một phần phải dựa vào bệnh viện dân y của tỉnh và quân y viện đóng trên địa bàn huyện, một phần lớn trong nhân dân phải tự lo liệu. Để khắc phục tình trạng này, huyện xây dựng được mạng lưới chiến sĩ vệ sinh rộng khắp, có mặt đủ ở các thôn xóm và hoạt động rất tích cực trong phong trào vệ sinh phòng bệnh, cho nên suốt 9 nam kháng chiến, Phú Lương không xảy ra dịch bệnh.

CHƯƠNG V

ĐẢNG BỘ PHÚ LƯƠNG TRƯỞNG THÀNH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

So với nhiều Đảng bộ huyện trong tỉnh, Đảng bộ Phú Lương ra đời muộn hơn. Mặc dù đã gây dựng được cơ sở cách mạng từ năm 1942, nhưng cho đến khi thành lập được chính quyền, Phú Lương vẫn chưa có cơ sở Đảng.

Nhận rõ tình hình này và để đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong thời kỳ mới, cuối năm 1945 Tỉnh ủy Thái Nguyên phân công đồng chí Lê Phương về Phú Lương với danh nghĩa là trưởng ban cán sự Đảng. Thực chất ban cán sự cũng chỉ có đồng chí Lê Phương. Nhiệm vụ của ban cán sự (và chính là của đồng chí Lê Phương) là tiếp thu chủ trương chung của Tỉnh ủy, chỉ đạo mọi hoạt động của chính quyền và Mặt trận Việt Minh các cấp trong toàn huyện, phát hiện, tuyên truyền, giáo dục những người tích cực, tiến bộ, giới thiệu họ để tỉnh bồi dưỡng kết nạp Đảng [1]. Do có sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và sự nỗ lực của các Đảng viên, chi bộ cơ quan huyện đã tích cực về các

---

(1) Các đồng chí Phan Văn Quế, Phan Sáng, Nguyễn Thị Hát và Phan Văn Tình là những đảng viên đầu tiên của Huyện. Sau đó kết nạp thêm các đồng chí Đại Hải, Thiện Tùng.

xã tuyên truyền về Đảng, đội ngũ cán bộ cơ sở của Phú Lương đã được rèn luyện thử thách trong cao trào tiền khởi nghĩa, rất thiết tha với cách mạng, với chế độ mới, với Đảng. Vì vậy từ một chi bộ Đảng đầu tiên thành lập vào tháng 2-1946, đến tháng 11-1946, huyện đã có thêm các chi bộ xã Động Đạt, Hợp Thành và Phấn Mễ. Lúc này, Phú Lương cần và có đủ điều kiện để thành lập Ban huyện ủy lâm thời nhằm thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn huyện. Tỉnh uỷ đã quyết định thành lập Ban huyện ủy lâm thời Phú Lương gồm 3 đồng chí do đồng chí Thái Bảo (tức Nguyễn Thị Thuận) làm bí thư, Nguyễn Vũ làm phó bí thư. Đầu năm 1947, phần lớn các xã trong huyện đã có chi bộ [1].

Đến tháng 12-1949, khi Liên khu ủy có chủ trương tạm thời đình chỉ công tác phát triển để củng cố Đảng thì Phú

---

(1) Theo biên bản tọa đàm lịch sử Đảng bộ Phú Lương ngày 21-01-1994.

- Đại hội Đảng bộ Phú Lương lần thứ nhất họp vào năm 1947 tại nhà ông Chánh Việt xã Phấn Mễ, bầu đồng chí Hứa Đình Khánh làm Bí thư Huyện ủy.

- Đại hội II họp vào năm 1948, tại xóm Đồng Mương, xã Phủ Lý và bầu đồng chí Ngọc Lan làm Bí thư và đồng chí Phan Văn Quế làm Phó bí thư Huyện ủy.

- Đại hội III họp cuối 1952 tại xóm Đồng Đài xã Ôn Lương và bầu đồng chí Phan Văn Sáng làm Bí thư.

Lương đã có 561 Đảng viên, sinh hoạt trong 15 chi bộ (trong đó có 10 chi bộ xã, 2 chi bộ công sở, một chi bộ cơ quan và hai chi bộ dân quân). Trong 15 chi bộ, có 11 chi bộ "tự động công tác " (loại khá).

Đến cuối năm 1946, Đảng bộ Phú Lương đã thực sự là người nắm quyền lãnh đạo và điều hành mọi công việc kháng chiến và kiến quốc trên địa bàn huyện, dưới ánh sáng đường lối chung của Đảng. Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946 -1954, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ địa phương, xây dựng và bảo vệ vùng cận giáp An Toàn khu Trung ương, bảo vệ đất đứng chân của nhiều cơ quan kháng chiến Trung ương, các đơn vị cơ động của quân đội ta.

Cùng với việc ra sức xây dựng, tổ chức và phát triển cơ sở Đảng và đảng viên, Đảng bộ cũng đặc biệt chú ý xây dựng củng cố chính quyền các cấp trong huyện, củng cố các cơ quan công an, tòa án, tư pháp, dân quân trở thành công cụ sắc bén để tổ chức thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ kháng chiến. Các tổ chức đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh được mở rộng và củng cố, thu hút trên 70% số dân của mọi dân tộc : Kinh, Tày, Nùng, Dao, Cao Lan, Sán Chí... trong huyện tham gia.

Đảng bộ đã dồn sức động viên toàn dân trong huyện nỗ lực đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm. Về sản xuất

nông nghiệp, nhìn chung ở Phú Lương từ 1947 đến 1954, năng suất, diện tích và sản lượng lương thực mỗi năm một tăng. Bình quân lương thực cho cả thời kỳ này là 220kg/1người một năm. Về cơ bản, huyện đã đảm bảo mức tối thiểu cho nhân dân, không để xảy ra nạn đói, đồng thời còn đóng góp cho kháng chiến mỗi năm hàng trăm tấn lương thực. Các mặt hàng thiết yếu, như muối ăn, vải mặc, dầu thắp sáng, công cụ cầm tay...cũng được cung ứng tạm đủ cho nhân dân.

Lãnh đạo ở một huyện có trên 13 nghìn dân, và từ cuối năm 1947 đã trở thành hậu phương trong căn cứ địa Việt Bắc, Đảng bộ Phú Lương tự xác định được vai trò to lớn của mình. Đảng bộ sớm lãnh đạo, giáo dục nhân dân trong huyện có ý thức đoàn kết giúp đỡ nhau, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, đảm bảo giao thông an toàn dưới bom đạn địch suốt 8 năm kháng chiến để xe pháo, dân công, bộ đội hành quân ra các mặt trận. Đảng bộ Phú Lương đã huy động hàng vạn dân công đưa hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược, lương thực đến các chiến dịch.

Đảng bộ còn thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm công dân, nhất là thanh niên, hướng về các cuộc kháng chiến của dân tộc, hăng hái tham gia bộ đội, dân quân du kích; giáo dục các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc hướng về tiền tuyến làm tốt công tác hậu phương quân

đội. Phong trào nhận đỡ đầu các đơn vị bộ đội, đón thương binh về làng, giúp đỡ các gia đình liệt sĩ, các gia đình bộ đội, có tác dụng động viên những người đang cầm súng ngoài mặt trận.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, (trừ chiến dịch Thu Đông năm 1947, Pháp tấn công vào huyện). Còn lại, Phú Lương là huyện tự do trong căn cứ địa Việt Bắc, có vị trí chiến lược quan trọng đối với An Toàn khu trung ương. Đảng bộ Phú Lương đã phấn đấu vươn lên và từng bước trưởng thành về bản lĩnh chính trị, tư tưởng và tổ chức, hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc.

Từ chỗ chỉ có 4 đảng viên ở một chi bộ cơ quan đầu năm 1946, đến khi kết thúc cuộc kháng chiến, Đảng bộ đã có tới gần 1000 đảng viên, có mặt ở khắp các thôn xã, nắm giữ các vị trí quan trọng. Bước tiến này chứng tỏ những nỗ lực của Đảng bộ trong công tác phát triển đảng viên và xây dựng cơ sở Đảng ở địa phương.

Trong quá trình bồi dưỡng quần chúng tiên tiến để kết nạp Đảng, Đảng bộ đã chú ý đến tất cả các vùng xa xôi hẻo lánh, các vùng xung yếu trọng huyện. Việc phát triển trong đồng bào các dân tộc cũng được Đảng bộ coi trọng (năm 1949, toàn huyện có 561 đảng viên, trong đó có 182 người thuộc dân tộc Tày, 124 Sán Dìu, 13 Nùng, 3 Dao.

Người dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ trong Đảng bộ trên 57% và 51 Đảng viên là nữ) chất lượng đảng viên từng bước được nâng lên. Nếu năm 1949, trong số 561 Đảng viên của huyện chỉ có 305 được xếp vào hạng khá (tự động công tác), đạt tỉ lệ gần 54% thì năm 1952-1953 số đó chiếm trên 63% (theo đánh giá của Liên khu ủy Việt Bắc). Đó là kết quả của sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, sự kiểm tra hướng dẫn của Khu và đặc biệt là của Ban căn cứ địa Trung ương từ năm 1948, đến năm 1954, Đảng bộ cấp trên đã tổ chức 7 đợt thanh tra, kiểm tra, uốn nắn và giúp đỡ Đảng bộ Phú Lương trong công tác lãnh đạo và củng cố nội bộ Đảng.

Mỗi đợt kiểm tra là mỗi đợt làm tăng thêm sức chiến đấu của Đảng bộ. Những gương người tốt, việc tốt được kịp thời phát huy. Nhưng hiện tượng tiêu cực, thiếu gương mẫu trong cán bộ, đảng viên được kịp thời phê phán, khắc phục [1]

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ Phú Lương đã biết gắn các cuộc vận động tự phê bình và phê bình với các đợt tổng kết thực hiện các chính sách lớn của Đảng ở

---

(1) Năm 1950, phái đoàn Thanh tra Chính phủ về thanh tra tại Phú Lương đã quyết định giải tán Ủy ban kháng chiến - hành chính xã Vô Tranh (do có nhiều tiêu cực) để củng cố lại.

nông thôn như vận động giảm tô, chia ruộng đất, thi hành chính sách thuế nông nghiệp... Đặc biệt, trải qua hai cuộc vận động rèn luyện đảng viên, chất lượng đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao rõ rệt.

Tuy nhiên ở giai đoạn này, công tác xây dựng Đảng ở Phú Lương cũng có nhiều thiếu sót. Với chủ trương "Thi đua phát triển Đảng", giao chỉ tiêu giới thiệu kết nạp đảng viên mới cho từng đảng viên, giao chỉ tiêu phát triển cơ sở Đảng cho từng đồng chí huyện ủy viên, coi đó là một nhiệm vụ bắt buộc phải hoàn thành trong thời gian nhất định đã dẫn đến tình trạng vận động vào Đảng mà nhiều người trong số này, xét về nhiều mặt, không đủ tiêu chuẩn của người đảng viên, hiện tượng bè cánh, đưa người thân của mình vào Đảng cũng không phải là cá biệt. Hơn nữa, sau khi "thi đua kết nạp Đảng", chạy theo số lượng thì việc bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao năng lực trình độ của đảng viên mới bị xem nhẹ. Vì thế, chất lượng đảng viên không cao, ảnh hưởng không tốt đến công tác lãnh đạo Đảng bộ với mọi mặt hoạt động ở địa phương. Trong nội bộ cấp ủy có nơi có lúc xảy ra mất đoàn kết kéo dài, có trường hợp cấp trên phải dùng biện pháp tổ chức, (điều động cán bộ) để ổn định nội bộ Ban huyện ủy. Một số Ban chi ủy như Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Yên Trạch có hiện tượng bè phái, gây

cản trở đến công việc lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến.

Những mặt yếu kém trên đây là nguyên nhân làm hạn chế vai trò của Đảng bộ trong một số mặt hoạt động. Cũng do vậy, trong những năm kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ Phú Lương mới chỉ là một Đảng bộ trung bình chưa vượt lên trở thành Đảng bộ khá của tỉnh Thái Nguyên.

Mặc dù có một số hạn chế trong quá trình xây dựng, nhưng những hoạt động cùng với những thành tích đạt được trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã thể hiện sự nỗ lực to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương.

Ra đời từ những ngày đầu sau khi giành được chính quyền, Đảng bộ Phú Lương đã biết dựa vào quần chúng, khơi dậy và phát huy những truyền thống tốt đẹp trong nhân dân các dân tộc. Vì vậy, nhìn chung mọi mặt hoạt động trong kháng chiến đều được đẩy mạnh.

Những thành tích nổi bật của Đảng bộ Phú Lương trong những năm kháng chiến là đã lãnh đạo quân và dân thực hiện tháng lợi nhiệm vụ chiến đấu, giải phóng, bảo vệ quê hương, góp phần tích cực vào công tác bảo đảm an toàn cho cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, giữ vững giao thông thông suốt và kịp thời đáp ứng mọi nhu cầu của tiền tuyến. Dựa vào dân chính là một bài học lớn nhất mà

Đảng bộ Phú Lương đã rút ra được trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của cách mạng ở địa phương.

Những thành tích cũng như khuyết điểm trong những năm qua, còn để lại cho Đảng bộ Phú Lương những bài học về việc nâng cao trình độ và năng lực của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên thuộc các dân tộc ít người. Vốn là huyện miền núi có nhiều thành phần dân tộc, lại bị thực dân phong kiến áp bức, cai trị bằng những thủ đoạn vừa tàn bạo, và nham hiểm, xảo quyệt, cho nên trình độ nhận thức của đại đa số nhân dân địa phương rất thấp kém. Trong điều kiện đó, sau khi xác lập được quyền làm chủ cho nhân dân, cùng với việc động viên và tổ chức cán bộ, nhân dân tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc, vấn đề nâng cao trình độ văn hóa cũng như nhận thức về chính trị xã hội cho họ phải được đặc biệt coi trọng. Thực tế lịch sử đã chỉ rõ: nếu không chăm lo bồi dưỡng để nâng cao trình độ và nâng cao năng lực của cán bộ người địa phương, thì khó có thể tổ chức thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng.

Những bài học thành công cũng như chưa thành công trong những năm kháng chiến chống Pháp đã giúp cho Đảng bộ Phú Lương có thêm kinh nghiệm quý báu để lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

PHẦN PHỤ LỤC

Danh sách các đồng chí bí thư, phó bí thư Huyện ủy Phú Lương giai đoạn 1946-1954 (theo kết quả điều tra nghiên cứu bước đầu):

1- Đồng chí Lê Phương- *Trưởng ban cán sự Đảng huyện Phú Lương* (tháng 4-tháng 6 năm 1946).

2- Đồng chí Nguyễn Thị Thuận - *Bí thư Huyện ủy lâm thời* (tháng 6-tháng 11 năm 1946).

3- Đồng chí Nguyễn Vũ - *Phó bí thư, Bí thư Huyện ủy lâm thời* (tháng 9-1946 - tháng 3-1947).

4- Đồng chí Hứa Đình Khánh - *Bí thư Huyện ủy* (tháng 3-tháng 10 năm 1947).

5- Đồng chí Ngọc Lan - *Bí thư Huyện ủy* (tháng 10-1947 - đầu 1948).

6- Đồng chí Phan Văn Quế - *Bí thư Huyện ủy* (đầu năm 1948).

7- Đồng chí Bàng Việt Cường - *Phó bí thư, quyền Bí thư Huyện ủy* (tháng 3-1947-tháng 12-1948)

8- Đồng chí Phan Văn Sáng - *quyền Bí thư Huyện ủy* (cuối năm 1948-đầu năm 1949).

9- Đồng chí Nguyễn Trình - *Bí thư Huyện ủy* (đầu năm 1949-cuối năm 1949).

10- Đồng chí Phạm Đức Phan - *Phó bí thư, Bí thư Huyện ủy* (cuối năm 1949-đầu năm 1951).

11- Đồng chí Phan Văn Sáng - *quyền Bí thư Huyện ủy* (đầu năm 1951-đầu năm 1952)

12- Đồng chí Đại Hải- *Bí thư Huyện ủy* (đầu năm 1952-đầu năm 1953).

MỤC LỤC

Trang

- LỜI GIỚI THIỆU 3
- CHƯƠNG MỞ ĐẦU: Huyện Phú Lương trong lịch sử. 6
- CHƯƠNG I:Phú Lương trong thời kì thống trị của thực dân Pháp đến khi xuất hiện các tổ chức cách mạng đầu tiên (1889 - 1942). 18
- CHƯƠNG II: Tích cực chuẩn bị mọi mặt - Tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1943 - 07/1945). 34
- CHƯƠNG III: Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng-Chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến chống thực dân Pháp (8/1945 - 9/1947). 56
- CHƯƠNG IV: Phú Lương trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. 75
- CHƯƠNG V: Đảng bộ Phú Lương trưởng thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp. 123
- PHẦN PHỤ LỤC. 132

MỤC LỤC

Trang

- LỜI GIỚI THIỆU . 3
- CHƯƠNG MỞ ĐẦU: Huyện Phù Lương trong lịch sử. 6
- CHƯƠNG I: Phù Lương trong thời kì thống trị
của thực dân Pháp đến-khi xuất hiện
các tổ chức cách mạng đầu tiên
(1859 - 1925). 18
- CHƯƠNG II: Tích cực chuẩn bị mọi mặt - Tiến tới
khởi nghĩa giành chính quyền
(1943 - 07/1945). 34
- CHƯƠNG III: Bảo vệ và củng cố chính quyền cách
mạng-Chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến
chống thực dân Pháp (8/1945 - 9/1947). 56
- CHƯƠNG IV: Phù Lương trong cuộc kháng chiến
thần thánh của dân tộc. 75
- CHƯƠNG V: Đảng bộ Phù Lương trưởng thành trong
kháng chiến chống thực dân Pháp. 123
- PHẦN PHỤ LỤC. 132

** Chịu trách nhiệm xuất bản*
Đoàn Đình Thế

** Chỉ đạo biên soạn*
Nguyễn Mạnh Long
Phạm Tất Quynh
Lương Trung Hà

** Biên soạn*
Nguyễn Xuân Minh *(chủ biên)*
Vũ Thanh Khôi

** Sửa bản in*
Nguyễn Minh Thang

** Ảnh:*
Đoàn Ngọc Định

In 800 cuốn khổ 13x19. Giấy phép XB số: 04-VHTT - GP của Sở Văn hóa - Thông tin Bắc Thái cấp ngày 13-2-1996. Thực hiện tại Xí nghiệp in 19-8 và Công ty Vĩnh Thái. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2-1996.